

TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2390/BVBD-VTTBYT
V/v: mời chào giá tư vấn

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Bưu điện đang thực hiện xác định Chi phí tư vấn trong lựa chọn nhà thầu cung ứng Vật tư tiêu hao Chấn thương chỉnh hình & Phẫu thuật thần kinh và các vật tư y tế khác sử dụng tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026 - 2027 – 2028 như sau:

- Tên dự toán mua sắm dự kiến: Mua Vật tư tiêu hao Chấn thương chỉnh hình & Phẫu thuật thần kinh và các vật tư y tế khác sử dụng tại Bệnh viện Bưu điện năm 2026 - 2027 - 2028.
- Quy mô thực hiện: Dự kiến 424 danh mục vật tư y tế và hóa chất với giá trị là 659.406.655.400 đồng và giá trị tùy chọn mua thêm là 191.720.072.850 đồng (*chi tiết phụ lục đính kèm*).
- Nội dung Tư vấn trong lựa chọn nhà thầu cần mời nộp báo giá:
 - Chi phí Tư vấn lựa chọn nhà thầu (lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT)
 - Chi phí Tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - Thời gian thực hiện: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng kinh tế có hiệu lực.
- Yêu cầu chi tiết:
 - Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Stt	Nội dung
1	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế năm 2025.
2	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm Báo giá, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
3	Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu đáp ứng tính hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu	
1.1	a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong 03 năm gần đây. Cụ thể: - Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Hợp đồng tương tự là hợp đồng tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu mua sắm Thiết bị y tế. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Hợp đồng tương tự là hợp đồng tư vấn thẩm định E-HSMT và KQLCNT gói thầu mua sắm Thiết bị y tế. - Tài liệu chứng minh: Sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và tài liệu chứng minh giá trị hoàn thành của hợp đồng (Như biên bản thanh lý hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc hoá đơn GTGT hoặc xác nhận của Chủ đầu tư).	≥10 hợp đồng
1.2	b) Các yếu tố khác Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn đấu thầu (tính theo số năm trong đăng ký kinh doanh). Trong trường hợp liên danh, tối thiểu 01 thành viên đáp ứng yêu cầu.	≥ 05 năm
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	Có cam kết đầy đủ nội dung.
3	Nhân sự chủ chốt	
3.1	Tư vấn trưởng: 01	

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
3.1.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Điện; Điện tử; Điện tử viễn thông; Điện tử y sinh; Y; Dược; Kinh tế; Kỹ thuật và có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
3.1.2	Tổng số năm kinh nghiệm, tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm
3.1.3	- Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 870.416.785 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 435.208.393 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	≥ 01 hợp đồng
3.2	Chuyên gia tư vấn phụ trách kỹ thuật: 02	
3.2.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật Điện – Điện tử hoặc Điện tử Y sinh hoặc Điện tử viễn thông - Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu - Tối thiểu có 01 nhân sự có chứng chỉ đủ điều kiện tư vấn về kỹ thuật trang thiết bị y tế

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
3.2.2	Tổng số năm kinh nghiệm Tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm
3.2.3	- Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 870.416.785 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 435.208.393 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	≥ 01 hợp đồng
3.3	Chuyên gia tư vấn phụ trách tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm, tài chính: 01	
3.3.1	Bằng cấp (Đính kèm scan bản gốc hoặc bản chụp chứng thực bằng cấp, chứng chỉ)	- Tốt nghiệp đại học trở lên - Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
3.3.2	Tổng số năm kinh nghiệm Tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến ngày có thời điểm nộp báo giá	≥ 10 năm
3.3.3	- Đối với đơn vị tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là tư vấn lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 870.416.785 đồng. - Đối với đơn vị tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự là thẩm định E-	≥ 01 hợp đồng

TT	Nội dung	Yêu cầu mức đáp ứng tối thiểu
	HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thiết bị y tế có giá trị đạt tối thiểu 435.208.393 đồng. (Đính kèm sao y hoặc bản chụp chứng thực hợp đồng và Quyết định thành lập tổ chuyên gia/ Quyết định bổ nhiệm và tài liệu chứng minh đã hoàn thành hợp đồng)	

5. Các tài liệu phải nộp.

5.1 Báo giá ký, đóng dấu kèm bảng xác định chi phí tư vấn và ủy quyền hợp lệ.

5.2 Hồ sơ đề xuất nhân sự kèm tài liệu đáp ứng yêu cầu ở mục 3.

Kính mời các Quý công ty quan tâm và gửi báo giá để xác định giá trị dự toán nêu trên tới địa chỉ sau:

Bệnh viện Bưu điện:

- Số 49 phố Trần Điền, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội
- Thời gian tiếp nhận: Trong giờ hành chính, từ 7h30 phút ngày 19/8/2026 đến 16h30 phút ngày 24/8/2026
- Người tiếp nhận: Bà Nguyễn Thị Phượng - Chuyên viên phòng Vật tư – TBYT
- Số điện thoại: 097.125.4758

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Bệnh viện (để báo cáo);
- Lưu: VTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Trường Giang

PHỤ LỤC ĐỊNH KÈM CÔNG VĂN

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
1	Môi trường dùng để đông trứng và phôi từ giai đoạn phân tách đến giai đoạn phôi nang	Kit	6.422	1.926	5.000.000	32.110.000.000	9.630.000.000	- Thành phần: chứa Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Ethylene Glycol; Dimethyl Sulfoxide; Endotoxin free Trehalose.; + 1 lọ (x 1ml) Equilibration Solution, ES - dung dịch cân bằng; + 2 lọ (x 1ml) Vitrification Solution, VS - dung dịch thủy tinh hóa; + 4 cây Cryotec - cọng trữ; + 3 Víttri plate - đĩa đông; - Dùng cho 3 lần đông.	24 tháng	G7
2	Môi trường dùng để rã đông trứng và phôi giai đoạn phân tách	Kit	5.298	1.589	5.450.000	28.874.100.000	8.660.050.000	- Thành phần: Modified HEPES Buffered MEM; Hydroxy Propyl Cellulose; Endotoxin free Trehalose + 5 lọ (x 1,8ml) Warming Solution, TS - dung dịch làm ấm; + 1 lọ (x 1,8ml) Diluent Solution, DS - dung dịch pha loãng; + 2 lọ (x 1,8ml) Washing Solution, WS - dung dịch rửa; - Dùng cho 5 lần rã.	24 tháng	G7
3	Vít khóa trong mỏ cổ lồi sau các cỡ, titanium	Cái	427	128	900.000	384.300.000	115.200.000	Vít khóa trong cho vít cổ sau được làm bởi chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI) đồng bộ cho vít cổ sau đa trục. Đường kính ngoài 6,0mm, đường kính trong	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								5,0mm, bước ren 1mm, chiều cao ốc khóa 3,4mm. Bước ren liên tục hạn chế tối đa ốc bị trượt ra ngoài.		
4	Vít cứng đa trục mô cổ lõi sau các cỡ	Cái	427	128	4.950.000	2.113.650.000	633.600.000	Chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI), có kích thước 3,5mm, 4,0mm, 4,5mm x (10~50)mm. Mũ vít có đường kính trong 6,2mm, đường kính ngoài 7,6mm, chiều cao mũ vít 10,4mm, góc mũ vít 45 độ, bước ren 2,5mm Vít có nhiều màu sắc phù hợp với kích thước đường kính vít. Kết hợp cùng ốc khóa và thanh dọc cổ sau.	24 tháng	Không yêu cầu
5	Nẹp dọc mô cổ lõi sau phủ CoCr các cỡ	Cái	58	17	1.260.000	73.080.000	21.420.000	Chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V ELI). Thanh dọc có đường kính 3,5mm, chiều dài từ 30mm đến 240mm.	24 tháng	Không yêu cầu
6	Vít đa trục cột sống cổ sau góc xoay 80 độ	Cái	28	-	5.000.000	140.000.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Góc xoay ≥ 40 độ so với trục thẳng đứng về mỗi phía. Phạm vi góc xoay tối đa ≥ 80 độ, hình nón. - Đường kính: 3,5 mm; 4,0 mm và 4,5 mm. - Chiều dài: Từ 10 mm đến 40 mm. - Các vít được mã hóa bằng màu sắc khác nhau. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh.	24 tháng	G7
7	Vít ốc khóa trong dạng hình sao cột	Cái	28	-	1.350.000	37.800.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	sống cổ sau							- Đường kính: $\leq 5,75$ mm. - Chiều cao: $\leq 3,5$ mm.		
8	Nẹp dọc cột sống cổ đk $\geq 3,5$ mm và < 4 mm	Cái	4	-	2.600.000	10.400.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính: $\geq 3,5$ mm và < 4 mm. - Chiều dài: 60 mm, 120 mm và 240 mm.	24 tháng	G7
9	Vít cột sống cổ lõi sau có góc dao động 60 độ	Cái	86	-	4.100.000	352.600.000	-	- Chất liệu hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính mũ vít 8,5 mm, chiều dài mũ vít 10,5 mm. Đường kính vít từ $\leq 3,5$ mm đến $\geq 4,5$ mm. Chiều dài vít từ ≤ 10 mm đến ≥ 60 mm, bước tăng 2 mm. - Góc dao động 60 độ, hướng đánh dấu sẵn cho phép mở rộng góc lệch lên đến 15 độ.	24 tháng	Không yêu cầu
10	Vít (ốc) khóa trong cho vít cột sống cổ lõi sau hợp kim titanium	Cái	86	-	750.000	64.500.000	-	- Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính: 7,0mm. Chiều cao: 3,2mm.	24 tháng	Không yêu cầu
11	Nẹp dọc cổ sau loại thanh thẳng, đường kính 3,5/4,0mm	Cái	14	-	1.500.000	21.000.000	-	- Loại thanh thẳng. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương - Đường kính: 3,5mm; 4,0mm - Chiều dài: ≤ 30 mm đến ≥ 400 mm	24 tháng	Không yêu cầu
12	Nẹp dọc uốn sẵn cổ sau	Cái	10	-	2.250.000	22.500.000	-	- Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính gồm tối thiểu	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								hai loại: 3,5 mm và 4,0mm. - Chiều dài gồm tối thiểu các loại: 120mm và 220mm. Phần đầu thanh nẹp uốn sẵn dài 50mm.		
13	Nẹp nối vùng cổ - ngực, 2 đầu khác biệt	Cái	2	-	4.800.000	9.600.000	-	- Kích thước 2 đầu khác nhau, nối phần cổ ngực và phần lưng ngực. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính phía cổ: 3,5mm và 4,0mm. Đường kính phía lưng gồm tối thiểu các loại: 4,5, 5,5 và 6,0mm. Chiều dài gồm tối thiểu các loại: 200mm và 500mm.	24 tháng	Không yêu cầu
14	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 1 tầng	Cái	2	-	10.000.000	20.000.000	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4\text{mm}$ - Chỗ rộng $\leq 16\text{mm}$. - Chiều dài: Từ 20mm đến 34mm, bước tăng 2mm. - Phần đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp - Nẹp sử dụng cơ chế khóa vòng xoắn liên tục hoặc tương đương	24 tháng	G7
15	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 2 tầng	Cái	4	-	11.000.000	44.000.000	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4\text{mm}$ - Chỗ rộng $\leq 16\text{mm}$. - Chiều dài: Từ 36mm đến 54mm, bước tăng 2mm. - Phần đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp - Nẹp sử dụng cơ chế khóa	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								vòng xoắn liên tục hoặc tương đương		
16	Vít cột sống cổ trước cho nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, các cỡ	Cái	36	-	2.000.000	72.000.000	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Đường kính vít: 4,0mm và 4,5mm - Chiều dài vít: 11mm, 13mm, 15mm - Vít tự tarô	24 tháng	G7
17	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, độ ưỡn ≥ 5 độ, các cỡ	Cái	10	-	7.000.000	70.000.000	-	- Vật liệu: PEEK - Chiều rộng 15mm, chiều dài 13mm. - Chiều cao: Từ 5mm đến 10mm, bước tăng 1mm - Độ ưỡn ≥ 5 độ - Có 2 điểm đánh dấu căn quang. - Bề mặt trên và dưới miếng ghép có các đường viền và răng.	24 tháng	G7
18	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa, độ ưỡn ≥ 7 độ	Cái	10	-	17.000.000	170.000.000	-	- Vật liệu: PEEK - Chiều rộng ≥ 17 mm - Chiều dài ≥ 14 mm - Chiều cao: Từ 5mm đến 12mm, bước tăng 1mm. - Độ ưỡn ≥ 7 độ - Trên nẹp có 3 điểm bắt vít. Góc bắt vít nghiêng 40 độ. Cơ chế bắt vít tự khóa bằng vòng xoắn, khóa nghiêng tuần hoàn 360 độ. - Có 1 điểm đánh dấu căn quang.	24 tháng	G7
19	Vít tự taro, tự khoan cho miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ tự khóa	Cái	36	-	3.000.000	108.000.000	-	- Vật liệu: Titanium Alloy. - Vít có các đường kính 4,0mm và 4,5mm. - Vít tự tarô. - Chiều dài vít từ ≤ 12 mm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								đến $\geq 16\text{mm}$, bước tăng 1mm.		
20	Nẹp cột sống cổ trước cơ chế khóa vòng xoắn liên tục, 3 tầng	Cái	2	-	12.000.000	24.000.000	-	- Vật liệu: Titanium Alloy - Chiều dày $\leq 2,4\text{mm}$ - Chỗ rộng $\leq 16\text{mm}$. - Chiều dài: Từ 56mm đến 68mm, bước tăng 2mm. - Phần đầu nẹp dày 1mm, vát mỏng, 1 lỗ giữa nẹp trên mỗi đầu nẹp - Nẹp sử dụng cơ chế khóa vòng xoắn liên tục hoặc tương đương	24 tháng	G7
21	Nẹp cổ lồi trước 1 tầng loại có vòng chặn	Cái	2	-	4.140.000	8.280.000	-	- Nẹp có 4 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miêng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp khoảng từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 36\text{mm}$. - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn giúp vít không bị dịch chuyển.	24 tháng	Không yêu cầu
22	Nẹp cổ lồi trước 2 tầng loại có vòng chặn	Cái	4	-	7.200.000	28.800.000	-	- Nẹp có 6 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miêng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 56\text{mm}$. - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn khiến vít không bị dịch chuyển.		
23	Nẹp cổ lõi trước 3 tầng loại có vòng chặn	Cái	2	-	8.100.000	16.200.000	-	- Nẹp có 8 vít lỗ trên thân nẹp, có cửa sổ để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Độ cong nẹp ≤ 11 đến ≥ 14 độ, góc offset 2 đầu của nẹp là 7 độ. - Chất liệu: hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Chiều dày nẹp: 2mm. Chiều rộng nẹp: khoảng 18mm. Chiều dài nẹp: $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 77\text{mm}$. - Sử dụng vít đường kính: 4,0mm; 4,5mm. - Có vòng chặn khiến vít không bị dịch chuyển.	24 tháng	Không yêu cầu
24	Vít cột sống cổ lõi trước dùng với vít 4,0/4,5mm	Cái	56	-	720.000	40.320.000	-	- Chất liệu hợp kim titanium Ti6al4v Eli hoặc tương đương. - Đường kính vít: 4,0mm; 4,5mm. Chiều dài vít: từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 20\text{mm}$.	24 tháng	Không yêu cầu
25	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, thiết kế có răng, cao 4-16mm	Cái	10	-	7.800.000	78.000.000	-	- Thiết kế có răng. - Chất liệu PEEK hoặc tương đương. - Chiều cao: $\leq 4\text{mm}$ đến	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								≥16mm. - Chiều dài x rộng gồm tối thiểu các loại: 12x14mm, 14x16mm, 14x12mm, 16x14mm. - Hai bề mặt trên và dưới có rãnh tạo độ nhám giảm nguy cơ trượt.		
26	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ kèm vít khóa tự taro	Cái	20	6	14.500.000	290.000.000	87.000.000	- Thiết kế có răng. - Chất liệu: PEEK và hợp kim Titanium Ti6Al4V Eli hoặc tương đương. - Kích cỡ gồm tối thiểu các loại: 12x14, 13x14, 14x14, 15x14, 16x14, 14x16, 15x16, 16x16, 17x16, 18x16, 19x16, 18x19mm. - Độ cao từ ≤4mm đến ≥12mm. Vít khóa tự taro đường kính 2,5mm và 3mm, chiều dài thân vít từ ≤12mm đến ≥20mm.	24 tháng	Không yêu cầu
27	Nẹp cổ trước một tầng	Chiếc	36	10	4.950.000	178.200.000	49.500.000	Nẹp được làm bởi chất liệu Titanium Ti-6Al-4V. Chiều dài tối thiểu 5 cỡ ≤ 10mm đến ≥ 18mm. Nẹp cong 18 độ. Chiều dày của nẹp 2,45mm. Chiều rộng nẹp: chỗ rộng nhất: 18,3mm; chỗ hẹp nhất: 14mm.	24 tháng	Không yêu cầu
28	Nẹp cổ trước hai tầng	Chiếc	12	-	9.900.000	118.800.000	-	Nẹp được làm bởi chất liệu Titanium Ti-6Al-4V. Chiều dài tối thiểu 7 cỡ ≤ 26mm đến ≥ 38mm và 41mm. Nẹp cong 18 độ. Chiều dày của nẹp 2,45mm. Chiều rộng nẹp: chỗ rộng nhất: 18,3mm;	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								chỗ hẹp nhất: 14mm.		
29	Vít cổ trước tự khóa	Chiếc	250	-	1.890.000	472.500.000	-	Vít có nhiều đường kính tối thiểu 3 cỡ $\leq 3,5\text{mm}$ đến $\geq 4,35\text{mm}$, vít có chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 20\text{mm}$. Vít được cấu tạo tự khóa ở góc từ 15 độ ~ -7 độ ở giữa nẹp cổ trước và góc từ 20 độ ~ -12 độ khi bắt ở 2 đầu nẹp, khoảng cách bước ren 1,8mm, góc vát của ren trên thân vít đạt 85 độ	24 tháng	Không yêu cầu
30	Nẹp cổ trước dài 10-18mm, cong 18 độ	Chiếc	10	-	5.490.000	54.900.000	-	Nẹp cổ trước một tầng uốn sẵn theo mặt phẳng đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, có 4 lỗ, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ 21mm đến 31mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.	24 tháng	G7
31	Nẹp cổ trước dài từ 26-38mm và 41mm, cong 18 độ	Chiếc	4	-	9.810.000	39.240.000	-	Nẹp cổ trước hai tầng uốn sẵn theo mặt phẳng đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, có 6 lỗ, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ 36mm đến 51mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.	24 tháng	G7
32	Nẹp cổ trước dài từ 42-63mm, cong 18 độ	Chiếc	3	-	11.160.000	33.480.000	-	Nẹp cổ trước ba tầng uốn sẵn theo mặt phẳng đứng dọc và mặt phẳng đứng ngang, có 8 lỗ, Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, dày 1,8mm, chỗ rộng nhất 17mm, độ dài từ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								56mm đến 76mm (bước tăng 5mm), khóa vít xoay với đầu lục giác cỡ 1,5mm.		
33	Vít hợp kim dùng cho nẹp cổ trước các cỡ, tự khoan/tự taro	Chiếc	119	35	1.000.000	119.000.000	35.000.000	Chất liệu Titanium alloy Ti6Al4V, đường kính 4mm/4,5mm, chiều dài từ 10mm đến 22mm (bước tăng 2mm), tự khoan/ tự taro.	24 tháng	G7
34	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ chất liệu PEEK	Cái	84	25	9.720.000	816.480.000	243.000.000	Miếng ghép đĩa đệm cổ chất liệu PEEK-Optima. Hình dạng giải phẫu kép, cong 6 độ. Miếng ghép có răng góc cạnh, khoảng ghép xương lớn, các điểm cân quang bằng vàng. Chiều rộng: 14mm, 16mm, chiều sâu: 13mm, 15mm, chiều cao: từ 4,5mm đến 8,5mm (bước tăng 1mm).	24 tháng	G7
35	Vít đa trục rỗng ruột dùng để bơm xi măng tiệt trùng kèm vít khóa trong	Bộ	30	-	10.050.000	301.500.000	-	1. Vít đa trục: + Vật liệu: Hợp kim Titanium. + Thân vít: Có ≥ 9 lỗ. Thân vít rỗng, có đường kính trong 1,8mm. Đầu mũi vít có đường kính trong 1,35mm. Đường kính: 5, 6, 7mm. Chiều dài: từ 35mm đến 60mm, bước tăng 5mm. 2. Vít khoá trong: - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Hình lục giác. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.	24 tháng	Châu Âu
36	Đĩa đệm cột sống lưng lõi bên	Cái	9	2	11.500.000	103.500.000	23.000.000	- Vật liệu: PEEK - Có ít nhất 2 điểm đánh dấu	24 tháng	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bằng tantalum - Khoảng cách từ thành phía trước đến điểm đánh dấu: $\geq 2\text{mm}$ - Khoảng cách từ thành phía sau đến điểm đánh dấu: $\geq 5\text{mm}$ - Độ sâu răng cưa: $\geq 0,9\text{mm}$ - Kích cỡ: + Chiều dài: $\geq 28\text{mm}$ + Chiều rộng: $\geq 1\text{mm}$ + Chiều cao: trong khoảng 8-14mm + Độ uốn: trong khoảng 3 độ - 5 độ - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng		
37	Vít đa trục cột sống lưng kèm vít khóa trong các cỡ	Bộ	99	29	6.200.000	613.800.000	179.800.000	1. Vít đa trục: - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Góc xoay: trong khoảng 40 độ - 50 độ . - Đầu vít: + Thiết diện thấp. + Chiều dài: $\leq 14\text{mm}$. + Chiều ngang: ít nhất 2 kích cỡ, trong khoảng từ 10mm đến 13,5mm. + Đường kính: $\leq 14\text{mm}$. - Thân vít: + Mũi vít thon nhỏ. + Đường kính ngoài: trong khoảng từ 4,0mm đến 7,0mm. + Đường kính trong: tối thiểu 3,25mm. + Khoảng cách ren vít: $\leq$	24 tháng	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								2,7mm. + Chiều dài: trong khoảng 25-60mm. - Tương thích với nẹp dọc có đường kính $\leq 5,4$ mm. 2. Vít khoá trong: - Vật liệu: Hợp kim Titanium. - Hình lục giác. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.		
38	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn	Cái	18	5	1.750.000	31.500.000	8.750.000	- Vật liệu: Hợp kim titanium. - Nẹp dọc được uốn sẵn. - Tương thích với hệ thống vít đa trục, vít khóa trong. - Kích cỡ: + Đường kính: $\leq 5,4$ mm. + Chiều dài: trong khoảng từ 50mm đến 90mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.	24 tháng	Châu Âu
39	Nẹp chống shock với khớp động	Cái	264	79	14.500.000	3.828.000.000	1.145.500.000	Chất liệu Titanium, đường kính có tối thiểu 2 cỡ $\leq 5,0$ mm - $\geq 5,5$ mm thân hình trụ, thanh dọc động ở đầu xoay khoảng 14 độ, thanh cố định ở dưới với góc uốn khoảng 10 độ, thân có 1 vòng đệm giảm chấn bằng silicone dày 2mm, 1 vòng đệm bằng polycarbonate Urethane (PCU), cố định và chống thoái hóa đốt sống liền kề (T10-S1)	24 tháng	G7
40	Vít đa trục đồng bộ nẹp vít cố định động kèm vít khóa	Cái	1.100	330	6.300.000	6.930.000.000	2.079.000.000	Vít đa trục titanium, chiều cao 13mm, thân rộng 11mm, góc mở vít đa 52 độ, dk 3 cỡ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	trong							≤5,5 đến ≥ 7mm Vít ốc khóa trong: Chất liệu titanium		
41	Miếng ghép đĩa đệm đường bên	Cái	12	-	12.000.000	144.000.000	-	Miếng ghép đĩa đệm chất liệu hợp chất Ti6Al4V Eli sử dụng trong kỹ thuật cố định nội soi cột sống lưng ít xâm lấn. Có thể quan sát tốt thông qua X-quang hoặc ảnh chụp CT. Loại thẳng: Chiều cao từ 8 đến 17mm (bước tăng 1mm), chiều dài 22mm, 36mm và 32mm, chiều rộng 10mm. Loại uốn: 0° và 6°. Dung tích khoang ghép xương từ 0,24cc đến 0,98cc. Đóng gói tiệt trùng.	24 tháng	Châu Âu
42	Vít đa trục rỗng nòng titanium, tự taro, góc nghiêng 60 độ	Cái	121	36	8.400.000	1.016.400.000	302.400.000	Vít đa trục đa năng bơm xi măng ít xâm lấn, loãng xương: chất liệu hợp kim titanium Ti6Al4V, đóng gói tiệt trùng. Đường kính từ 4,5mm đến 7,5mm, chiều dài từ 30mm đến 60mm, góc quay của thân vít và mũ vít lên tới 53 độ. Có thể phân biệt bằng màu sắc. Là loại vít có hai bước ren trên thân: phần trên có khoảng cách bước ren bốn là 1,25mm, độ sâu bước ren bốn là 0,7mm; phần giữa có khoảng cách bước ren đôi 2,5mm, độ sâu bước ren đôi là 1mm, phần đầu vít hình nón có bước ren bốn và có rãnh cắt sắc để tăng cường lực bắt vào	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								xương cứng, mũ vít hình hoa tulip cao 16mm, đường kính mũ vít 12,6mm; đường kính rỗng nòng 1,7mm, có thể chọn lựa bơm xi măng qua các lỗ. Là loại vít liền lá phẫu thuật ít xâm lấn.		
43	Vít ốc khóa dùng cho vít đa trục rỗng nòng	Cái	159	47	900.000	143.100.000	42.300.000	Ốc khoá trong chất liệu hợp kim titanium, chiều cao 5,1mm $\pm 1\%$, đường kính 9,6mm $\pm 1\%$.	24 tháng	G7
44	Vít đa trục cột sống lưng kèm vít khóa trong	Cái	80	24	7.537.500	603.000.000	180.900.000	- Vít đa trục: chất liệu titanium, mũ vít hình hoa tulip, đường kính từ 4,5 đến 7,5mm, chiều dài từ 30 đến 60mm. Trên thân vít có 2 vùng ren, vùng ren bốn có bước ren 1,25mm, độ sâu bước ren 0,7mm; vùng ren đôi có bước ren 2,5mm, độ sâu bước ren 1mm. Góc quay thân vít 53 độ, đường kính rỗng nòng 1,7mm, có thể chọn lựa bơm xi măng qua các lỗ. - Vít khóa trong: Chất liệu titanium.	24 tháng	G7
45	Vít đa trục thiết kế ren dẫn từ kép đến bốn cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	54	-	7.500.000	405.000.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Dạng ren dẫn từ kép đến bốn. Khoảng cách giữa 2 ren của phần xương cứng là $\leq 1,38\text{mm}$, phần xương xốp là $\leq 2,75\text{mm}$. - Vít tự taro, ren vuông, kết hợp với vít khóa trong tạo nên cơ chế khóa mặt bích	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								xoắn. - Góc xoay ≥ 30 độ so với trục thẳng đứng. - Đường kính: 4,0mm, 4,5mm, 5,0mm, 5,5mm, 6,5mm, 7,5mm, 8,5mm. - Chiều dài: Từ 25 mm đến 55mm. - Chiều cao đầu mũ vít ≤ 15 mm. Chiều rộng ≤ 13 mm. Kích thước nẹp dọc chạy trên đầu mũ vít $\leq 10,9$ mm. - Tương thích với các nẹp dọc đường kính 5,0mm, 5,5mm, 6,0mm.		
46	Vít ốc khóa trong cho vít đa trục đầu mũ vít hình tulip	Cái	54	-	1.050.000	56.700.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Dạng rỗng, ren vuông, có 2 màu, phía dưới màu xanh dương đậm, phía trên màu bạc. - Đường kính $\leq 9,5$ mm. - Chiều cao $\leq 4,8$ mm. - Cơ chế khóa mặt bích xoắn hoặc tương đương - Tương thích với các nẹp dọc đường kính 5,0mm, 5,5mm.	24 tháng	G7
47	Nẹp dọc cho vít đa trục đk 5,5mm	Cái	20	-	2.900.000	58.000.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính 5,5mm - Chiều dài ≥ 500 mm - Màu xanh dương đậm. Có đường đánh dấu màu trắng chạy toàn bộ nẹp dọc.	24 tháng	G7
48	Nẹp nối ngang cột sống lưng ngực,	Cái	2	-	9.000.000	18.000.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V)	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	chiều dài cố định							- Chiều dài: Từ 20mm đến 60mm. Bước tăng 2,5mm và 5mm.		
49	Xương nhân tạo 5cc, dạng mảnh	Hộp	2	-	10.000.000	20.000.000	-	-Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β -TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau - Hình dạng: Dạng mảnh - Kích thước: 50x12,5x4mm. - Dung tích: 5cc.	24 tháng	G7
50	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, độ uốn ≥ 5 độ, các cỡ	Cái	6	-	11.500.000	69.000.000	-	- Vật liệu: PEEK. - Chiều cao: Từ 8mm đến 14mm. - Chiều rộng ≥ 10 mm. - Chiều dài: 25mm, 30mm, 35mm và 40mm. - Độ uốn ≥ 5 độ. - Có 3 điểm đánh dấu căn quang. - Dung tích khoang ghép xương từ 0,56cc đến 2,13cc tùy từng kích thước.	24 tháng	G7
51	Xương nhân tạo 2cc, dạng hình trụ	Hộp	10	-	6.000.000	60.000.000	-	-Thành phần khoáng chất bao gồm 90% beta-tricalcium phosphate (β -TCP) và <10% hydroxyapatite (HA). - Có thể thay đổi nhiều hình dạng khác nhau - Hình dạng: Hình trụ - Kích thước: 8x20mm - Dung tích: 2cc.	24 tháng	G7
52	Vít đa trục thiết kế hai luồng ren cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	30	-	8.800.000	264.000.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Thiết kế trục vít đôi với hai luồng ren chạy dọc thân vít.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Vít rỗng nòng, tự taro, ren vuông, kết hợp với vít khóa trong tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn. - Góc xoay ≥ 30 độ so với trục thẳng đứng. - Chiều dài đầu mũ vít ≤ 15 mm. - Đường kính: 4,5mm, 5,5mm, 6,5mm, 7,5mm. - Chiều dài: Từ 25mm đến 50mm.		
53	Vít ốc khóa trong dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	30	-	1.150.000	34.500.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). - Đường kính ≤ 8 mm. - Chiều cao $\leq 4,5$ mm. - Ren vuông. - Tương thích với vít đa trục dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn.	24 tháng	G7
54	Nẹp dọc uốn sẵn dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, cơ chế khóa mặt bích xoắn	Cái	12	-	3.200.000	38.400.000	-	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 5,5mm. - Chiều dài từ 20mm đến 160mm, được uốn sẵn. Bước tăng 5mm, 10mm.	24 tháng	G7
55	Kim định vị và dùi cưỡng cung dùng trong phẫu thuật cột sống can thiệp tối thiểu, có vạch chia độ sâu	Cái	6	-	5.250.000	31.500.000	-	- Đầu kim dạng hình kim cương và đầu vát. - Độ sâu của kim tối đa ≥ 35 mm. - Vỏ cách điện - Tương thích với hệ thống theo dõi chức năng thần kinh tùy sống.	24 tháng	G7
56	Nẹp dọc cột sống	Cái	29	8	1.400.000	40.600.000	11.200.000	Nẹp dọc cột sống chất liệu	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	Ti6Al4V ELI, dk 5,5mm							Ti6Al4V ELI, đường kính $\geq 5,5\text{mm}$ dài $\geq 400\text{mm}$ có đầu lục giác		
57	Vít cột sống đa trục hợp kim Ti6Al4V ELI kèm vít khoá trong loại 2 vùng ren	Bộ	152	45	5.000.000	760.000.000	225.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít cột sống lưng loại 2 vùng ren (double thread), chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), kích thước mũ vít (đường kính 13,5mm x chiều cao 15,1mm), góc mở của vít đa trục $\geq 52^\circ$, mũi vít tự taro, chiều dài từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 90\text{mm}$. - Vít khóa trong có bước ren dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc.	24 tháng	G7
58	Vít cột sống đa trục hợp kim Ti-6Al-7Nb kèm vít khoá trong	Bộ	47	14	6.150.000	289.050.000	86.100.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít cột sống lưng loại 2 vùng ren (double thread), chất liệu hợp kim titanium, mũ vít dạng low-profile, đường kính từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), kích thước mũ vít (đường kính 13,5mm x chiều cao 15,1mm), góc mở của vít đa trục $\geq 52^\circ$, mũi vít tự taro, chiều dài từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 90\text{mm}$. - vít khóa trong có bước ren	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								dạng liên kết (buttress thread) và phần giữa đặc lòng giúp tăng bề mặt tiếp xúc với nẹp dọc.		
59	Miếng ghép đĩa đệm lưng loại thẳng chất liệu PEEK OPTIMA các size	Cái	14	4	7.445.000	104.230.000	29.780.000	Miếng ghép đĩa đệm lưng PEEK OPTIMA, các kiểu uốn 0 độ và 4 độ, chiều dài 20mm và 25mm, chiều rộng ≤ 11 mm, chiều cao ≤ 9 mm đến ≥ 17 mm (mỗi cỡ tăng 1mm)	24 tháng	G7
60	Nẹp dọc cột sống lưng	Cái	203	60	1.800.000	365.400.000	108.000.000	Nẹp dọc thẳng chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) đường kính 5,5mm. Mũi hình viên đạn không gây chấn thương, đuôi có lỗ lục giác để chỉnh dọc. Chiều dài 200mm. Trên thân có vạch đánh dấu để căn chỉnh dọc.	24 tháng	G7
61	Vít cột sống đa trục bước ren đôi và vít khóa trong các cỡ	Bộ	951	285	5.400.000	5.135.400.000	1.539.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: - 01 Vít đa trục chất liệu hợp kim Titanium (TA6VELI) tương thích với nẹp dọc đường kính 5,5mm, đầu vít tự tarô, góc mở thân vít và mũi vít lên tới 60 độ. Mũi vít bước ren vuông, có hõm giúp kết nối chắc chắn với dụng cụ khi thao tác. Mũi vít với thiết kế Low profile, chiều cao mũi vít 14mm. Bước ren đôi khoảng cách bước ren 3mm, độ sâu bước ren 0,9mm. Vít có đường kính từ 4mm đến 8mm, có tối thiểu	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								các cỡ: 4,5mm, 5,5mm, 6,0mm, 6,5mm, 7,5mm; chiều dài từ 25mm đến 90mm (bước tăng 5mm). - 01 Vít khoá trong chất liệu hợp kim Titanium (TA6VELI).		
62	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo cột sống lưng các cỡ chống dịch chuyển	Cái	137	41	7.920.000	1.085.040.000	324.720.000	Đĩa đệm lưng vật liệu PEEK, ba điểm đánh dấu trục tantalum, được thiết kế với bề mặt răng cưa làm tăng sự ổn định và ngăn sự dịch chuyển. Thiết kế hình viên đạn, cạnh bên vát cho phép chèn dễ dàng hơn, dài 22/26/30mm, độ uốn 0/4/8 độ, chiều rộng 9/10/11mm và chiều cao 7/8/9/10/11/12/13/14/16mm. Dung tích khoang ghép xương từ 0,45cc đến 2,37cc.	24 tháng	Không yêu cầu
63	Nẹp dọc uốn sẵn dùng cho vít qua da	Cái	60	18	3.900.000	234.000.000	70.200.000	- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V ELI - Nẹp dọc uốn sẵn đường kính $\geq 5,5\text{mm}$, độ dài từ $\leq 30\text{mm}$ đến $\geq 200\text{mm}$	24 tháng	G7
64	Vít đa trục rỗng nòng qua da kèm vít khoá trong, góc nghiêng 40 độ	Cái	201	60	9.450.000	1.899.450.000	567.000.000	- Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da có lỗ bơm xi măng, loại 3 vùng ren, chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI, mũ vít dạng low-profile, đường kính vít từ 4,5mm đến 7,0mm (mỗi cỡ tăng 0,5mm), góc mở của vít đa trục ≥ 40 độ. Mũi vít có ≥ 3 rãnh tự taro, chiều dài vít từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 90\text{mm}$.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Kích thước mũ vít 15x12x11mm. - Vít khóa trong tự gãy khi siết đến lực nhất định, chất liệu hợp kim Ti6Al4V ELI có đường kính ≤9mm, chiều cao ≤10mm.		
65	Kim chọc dẫn đường, dùng cho vít qua da	Cái	28	-	1.450.000	40.600.000	-	Kim chọc dò cuống sống, đường kính ≤3,0mm, chiều dài ≥15cm, mũi vát.	24 tháng	G7
66	Vít cột sống đa trục titanium và vít khóa trong các cỡ	Bộ	220	66	5.138.000	1.130.360.000	339.108.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5 đến 8,5mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Đầu vít xẻ 3 rãnh dài 8mm. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm) có 4 lỗ tròn dùng nắn chỉnh cột sống. - Vít khóa trong chất liệu titanium	24 tháng	G7
67	Nẹp ngang các cỡ thiết kế 2 đầu cố định bằng 3 vít khóa trong hình hoa thị	Cái	14	4	5.490.000	76.860.000	21.960.000	- Vật liệu hợp kim titanium - Độ dài các cỡ 27 - 31mm, 30 - 37mm, 35 - 47mm, 45 - 67mm, 58 - 93mm. - Thiết kế 2 đầu cố định bằng 3 vít khóa trong hình hoa thị	24 tháng	G7
68	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo cột sống lưng dạng khoang chống trượt	Cái	1.375	412	10.000.000	13.750.000.000	4.120.000.000	- Chất liệu Peek - Độ dài 8,9,10,11,12,13,14 x 28mm - Cấu tạo dạng khoang có răng chống trượt ra phía sau.	24 tháng	G7
69	Vít đa trục ren đôi kèm vít khóa trong các cỡ, chất liệu titan	Bộ	7.386	2.215	7.199.000	53.171.814.000	15.945.785.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								đến 7,5mm. bước tăng 1mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm) có 2 lỗ tròn dùng nắn chỉnh cột sống. Thân vít chia làm 3 vùng ren khác nhau, tạo 1 góc nghiêng 50 độ so với mũ vít. - Vít khóa trong chất liệu titanium		
70	Nẹp dọc, chất liệu titan, đường kính 5,5mm	Cái	1.186	355	1.448.000	1.717.328.000	514.040.000	- Vật liệu hợp kim titanium - Đường kính 5,5mm - Độ dài 440mm, có đường chỉ đánh dấu xác định vị trí.	24 tháng	G7
71	Vít đa trục rỗng nòng qua da kèm vít khóa trong, góc nghiêng 50 độ	Cái	176	52	8.478.000	1.492.128.000	440.856.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho vít và vít khóa trong: - Vít chất liệu hợp kim titanium. Đường kính từ 4,5 đến 7,5mm. bước tăng 1mm. Chiều dài từ 25 đến 55mm. Vít rỗng nòng. Thân vít chia làm 3 vùng ren khác nhau. Mũ vít (kích thước 16,0/16,2 x 10,5/11,0 x 12,5mm). Thân vít tạo 1 góc nghiêng 50° so với mũ vít. - Vít khóa trong chất liệu titanium	24 tháng	G7
72	Nẹp dọc uốn sẵn 23 độ	Cái	27	8	4.179.000	112.833.000	33.432.000	- Chất liệu hợp kim Titanium. - Nẹp dọc tròn, đường kính 5,5mm, uốn sẵn 23 độ, có đường nét đứt đánh dấu xác định vị trí.	24 tháng	G7
73	Bộ dẫn lưu áp lực âm Smart dạng lò	Bộ	38	-	375.000	14.250.000	-	- Công nghệ van khí 2 tầng - Bình dung tích tối thiểu 400	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	xo							ml, có lò xo tạo áp lực hút. - Đường kính ngoài dây hút gồm tối thiểu hai loại 3,2mm hoặc 4,8mm. Đường kính trong gồm tối thiểu hai loại 1,6mm hoặc 2,8mm. Chiều dài dây hút 1.300 mm ± 3%		
74	Đỉnh nội tủy xương đùi ngược dòng các cỡ	Cái	6	-	6.800.000	40.800.000	-	- Chất liệu titanium alloy - Đỉnh nội tủy xương đùi ngược dòng, có chốt, đường kính thân đỉnh: 10; 11,5 mm, đường kính đầu 11,5mm, dùng vít chốt đường kính 4,5 và 5,0mm - Chiều dài với mỗi cỡ đỉnh từ ≤260 mm đến ≥420 mm.	24 tháng	Không yêu cầu
75	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện, chất liệu titanium	Cái	108	32	6.100.000	658.800.000	195.200.000	- Chất liệu Titanium Alloy. - Đỉnh nội tủy xương chày có chốt - Đường kính 8,3; 9; 10; 11,5mm, đường kính đầu 11,5mm, dùng vít chốt khóa đường kính 4,5 mm và 5,0 mm. Chiều dài với mỗi cỡ đỉnh từ ≤260 mm đến ≥420 mm.	24 tháng	Không yêu cầu
76	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương đùi đa phương diện, chất liệu titanium	Cái	16	4	6.600.000	105.600.000	26.400.000	- Chất liệu titanium alloy - Đỉnh nội tủy xương đùi có chốt, đường kính thân đỉnh: 9,5; 10; 11; 12 mm, đường kính đầu 13mm, dùng vít chốt đường kính 4,5 và 5,0mm, dùng với vít cổ xương đùi đường kính 6,3 mm - Chiều dài với mỗi cỡ đỉnh từ ≤320 mm - ≥440 mm.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
77	Vít chốt khóa dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Cái	339	101	500.000	169.500.000	50.500.000	- Chất liệu titanium Alloy. - Vít 4,5mm: Chiều dài ≤26 mm - ≥90 mm, bước tăng ≤5 mm - Vít 5,0mm: Chiều dài ≤26 mm - ≥100 mm, bước tăng ≤5 mm	24 tháng	Không yêu cầu
78	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng, titanium	Cái	10	-	1.100.000	11.000.000	-	- Chất liệu titanium hợp kim - Đường kính 6,3mm, thân 4,8mm - Chiều dài ≤65 mm - ≥125 mm, bước tăng 5 mm	24 tháng	Không yêu cầu
79	Vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Cái	5	1	355.000	1.775.000	355.000	- Chất liệu titanium hợp kim - Chiều dài từ 0 - 15mm sử dụng với nội tủy xương đùi/chày.	24 tháng	Không yêu cầu
80	Đỉnh titan cổ xương đùi chống xoay	Cái	20	6	9.450.000	189.000.000	56.700.000	- Chất liệu Titanium hợp kim. - Đường kính đầu gần 16,5mm - Đỉnh ngắn: Đường kính đầu xa: 9,3, 10, 11, 12mm. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: ≤170 - ≥240 mm - Đỉnh dài: Đường kính đầu xa: 9,5, 10, 11, 12 mm có trái/ phải riêng biệt. chiều dài tương ứng với mỗi cỡ: ≤320 - ≥440 mm	24 tháng	Không yêu cầu
81	Vít titan cổ xương đùi dạng đóng	Cái	20	6	2.450.000	49.000.000	14.700.000	- Vật liệu titanium hợp kim. - Nòng dẫn hướng: 3,5mm. - Đường kính thân: 10,3mm, độ dài: ≤70 - ≥120mm, mỗi bước tăng 5mm	24 tháng	Không yêu cầu
82	Vít nắp đỉnh, titan	Cái	4	-	355.000	1.420.000	-	- Chất liệu titanium hợp kim - Chiều dài từ 0 - 15mm sử dụng với đỉnh chống xoay.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
83	Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày đóng dưới xương bánh chè	Cái	11	3	9.500.000	104.500.000	28.500.000	- Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày, có chốt, chất liệu Titanium Alloy. - Có dụng cụ hỗ trợ đóng đỉnh dưới bánh chè. - Đường kính đầu đỉnh 12mm, đường kính thân từ 8mm đến 11mm, có tối thiểu 4 cỡ: 8,3mm, 9mm, 10mm, 11mm. Chiều dài đỉnh tương ứng với mỗi cỡ từ 250 mm đến 415 mm, bước tăng 15mm. - Góc nghiêng trước đầu đỉnh: 10 độ ± 1%, Góc nghiêng trước đuôi đỉnh: 2 độ ± 1%. - Số lỗ đầu gần đỉnh: 4 lỗ với 4 hướng bắt vít khác nhau, số lỗ đầu xa đỉnh: 3 lỗ. - Đỉnh có lỗ động (Dynamic) nằm phân đầu gần đỉnh, độ di động 7mm.	24 tháng	Không yêu cầu
84	Vít chốt khóa các loại	Cái	44	13	700.000	30.800.000	9.100.000	- Chất liệu Titanium Alloy. - Với vít 4,3mm: Chiều dài từ 20mm đến 50mm, có tối thiểu các cỡ 26mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm và 50mm. - Với vít 4,5mm: Chiều dài từ 30mm đến 55mm, bước tăng 5mm. - Với vít 5,0mm: Chiều dài từ 25mm đến 90mm, bước tăng 5mm.	24 tháng	Không yêu cầu
85	Vít nắp đỉnh	Cái	11	3	500.000	5.500.000	1.500.000	Chất liệu Titanium Alloy. Chiều dài từ 5mm đến	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								15mm, bước tăng 5mm.		
86	Đỉnh nội tủy rộng nòng xương chày	Cái	9	2	10.900.000	98.100.000	21.800.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 11\text{ mm}$ gồm tối thiểu các loại: + Đường kính 8mm: Chiều dài 260/280/300/340/360 mm. + Đường kính 9mm: Chiều dài 260-380mm bước tăng 20mm. + Đường kính 10mm: Chiều dài 300-400mm bước tăng 20mm. + Đường kính 11mm: Chiều dài 300-420mm bước tăng 20mm.	24 tháng	Không yêu cầu
87	Vít khoá đỉnh nội tủy, đk 4,0mm	Cái	33	9	700.000	23.100.000	6.300.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,0mm, chiều dài ≤ 20 đến $\geq 70\text{mm}$. Bước tăng 5mm. - Đầu bắt vít lục giác. Sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi và xương chày.	24 tháng	Không yêu cầu
88	Vít khoá đỉnh nội tủy, đk 4,8mm	Cái	7	2	700.000	4.900.000	1.400.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,8mm, chiều dài ≤ 20 đến $\geq 90\text{mm}$. Bước tăng 5mm. - Đầu bắt vít lục giác. Sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi và xương chày.	24 tháng	Không yêu cầu
89	Vít nắp đỉnh dùng với đỉnh nội tủy rộng nòng, titan	Cái	10	-	570.000	5.700.000	-	- Chất liệu Titanium. - Chiều dài 1, 5, 10, 15, 20mm. - Dùng với đỉnh nội tủy xương chày.	24 tháng	Không yêu cầu
90	Đỉnh nội tủy rộng	Cái	7	2	10.900.000	76.300.000	21.800.000	- Loại dài:	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	nòng xương đùi							+ Chất liệu Titanium. + Kích thước: chiều dài $\leq 340\text{mm}$, $\geq 460\text{ mm}$. Đường kính đầu gần 15,5mm, đường kính đầu xa 10, 11, 12mm. + Góc bắt vít đầu gần: 120, 125, 130 độ. Vít bắt đầu gần đường kính 10,4mm, vít bắt đầu xa 4,8mm. + Phân biệt trái/phải. - Loại ngắn: + Chất liệu Titanium. + Kích thước: Chiều dài $\geq 170\text{mm}$ và $\leq 190\text{mm}$. Đường kính đầu gần 15,5mm, đường kính đầu xa 9,10,11mm. + Góc bắt vít đầu gần: 120, 125, 130 độ. Vít bắt đầu gần đường kính 10,4mm, vít bắt đầu xa đường kính 4,0 và 4,8mm.		cầu
91	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đỉnh nội tủy rỗng nòng	Cái	5	1	3.800.000	19.000.000	3.800.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 10,4mm, chiều dài ≥ 60 đến $\leq 120\text{mm}$. - Đầu bắt vít lục giác, sử dụng với đỉnh nội tủy xương đùi.	24 tháng	Không yêu cầu
92	Đỉnh nội tủy rỗng nòng cổ xương đùi	Cái	5	1	10.900.000	54.500.000	10.900.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: $\geq 10\text{mm}$ và $\leq 12\text{mm}$, gồm tối thiểu các size: + Đường kính 10mm: Chiều dài 320 - 420mm bước tăng 20mm. + Đường kính 11mm: Chiều	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								dài 340 - 420mm bước tăng 20mm. + Đường kính 12mm: Chiều dài 340 - 460mm bước tăng 20mm. - Góc bắt vít đầu gần: 125, 130 độ, vít bắt đầu gần đường kính 6,5mm. - Vít bắt đầu xa đường kính 4,8mm. - Phân biệt trái/phải.		
93	Vít chốt cổ xương đùi	Cái	5	1	900.000	4.500.000	900.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 6,5mm, chiều dài ≤60 đến ≥120mm. - Đầu bắt vít lục giác. - Sử dụng với đinh nội tuỷ xương đùi.	24 tháng	Không yêu cầu
94	Nẹp khóa bản hẹp lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Cái	18	5	7.700.000	138.600.000	38.500.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Có từ ≤5 lỗ đến ≥16 lỗ, độ dài từ 98mm đến 296mm. Nẹp dày 4,8mm, rộng 14mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xốp 6,5mm, vít khoá 5,0mm. - Nẹp hạn chế tiếp xúc, độ cứng cao.	24 tháng	Không yêu cầu
95	Vít khóa đường kính 5,0mm	Cái	366	109	720.000	263.520.000	78.480.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 5,0mm, chiều dài ≤14- ≥100mm. - Đầu mũ vít hình hoa khế, tự taro.	24 tháng	Không yêu cầu
96	Vít xương cứng 4,5mm, tự taro	Cái	42	12	450.000	18.900.000	5.400.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,5mm, chiều dài ≤16-	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								≥60mm. - Đầu mũ vít hình lục giác.		
97	Nẹp khóa bản rộng lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan	Cái	3	-	7.700.000	23.100.000	-	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Có từ ≤5 lỗ đến ≥18 lỗ, độ dài tương ứng từ 98mm đến 332mm. Nẹp dày 5,9mm, rộng 17,3mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xỏ 6,5mm, vít khoá 5,0mm.	24 tháng	Không yêu cầu
98	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu titan	Cái	14	4	9.550.000	133.700.000	38.200.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: số lỗ ≤5 đến ≥13 lỗ thân, chiều dài 158-318mm, bề dày nẹp 5,5mm, bề rộng thân 16mm, đầu nẹp nhô lên 20mm, rộng 35mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xỏ 6,5mm, vít khoá 5,0mm. - Phân biệt trái/phải.	24 tháng	Không yêu cầu
99	Vít xương xỏ đường kính 6,5, vật liệu Titanium	Cái	40	-	600.000	24.000.000	-	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 6,5mm, chiều dài ≤50 đến ≥120mm, ren một phần thân vít. - Đầu mũ vít hình lục giác.	24 tháng	Không yêu cầu
100	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các loại, chất liệu titan	Cái	14	4	10.300.000	144.200.000	41.200.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Số lỗ ≤4 đến ≥14 lỗ, chiều dài 82-262mm. Bề rộng nẹp 13,5mm, Bề rộng đầu nẹp 15mm. Đầu nẹp nâng lên 21mm, dài 32,5mm. - Sử dụng vít xương cứng 4,5mm, vít xương xỏ 6,5mm, vít khoá 5,0mm. - Phân biệt trái/phải.	24 tháng	Không yêu cầu
101	Nẹp khóa bản nhỏ	Cái	3	-	7.500.000	22.500.000	-	- Chất liệu Titanium.	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	lỗ kép loại nén ép, chất liệu titan							- Kích thước: Có từ ≤4 lỗ đến ≥12 lỗ, độ dài từ 63mm đến 161mm. Nẹp dày 3,2mm, rộng 11,5mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3.5mm.		cầu
102	Vít khóa đường kính 3,5mm nẹp mắt xích	Cái	476	142	700.000	333.200.000	99.400.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 3,5mm, chiều dài ≤10 đến ≥90mm. - Đầu mũ vít hình hoa khế, tự taro.	24 tháng	Không yêu cầu
103	Vít xương cứng 3,5mm, tự taro	Cái	88	26	370.000	32.560.000	9.620.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 3,5mm, chiều dài ≤12 đến ≥50mm. - Đầu mũ vít hình lục giác.	24 tháng	Không yêu cầu
104	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ	Cái	9	2	7.350.000	66.150.000	14.700.000	- Chất liệu Titanium. - Nẹp phía trên mặt trước: Kích thước: số lỗ ≤6 đến ≥ 8 lỗ thân, chiều dài 94-120mm, dày 3,2mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3,5mm. - Phân biệt trái/phải.	24 tháng	Không yêu cầu
105	Vít xương xóp 4,0mm, chất liệu titan	Cái	14	4	375.000	5.250.000	1.500.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: đường kính 4,0mm, chiều dài ≤20 đến ≥60mm, ren một phần thân vít. - Đầu mũ vít hình lục giác.	24 tháng	Không yêu cầu
106	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các cỡ, chất	Cái	7	2	10.949.000	76.643.000	21.898.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Số lỗ ≤5 đến ≥21 lỗ, chiều dài thân nẹp từ 80 - 288mm. Bề dày nẹp	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	liệu titan							3,8mm, bề rộng nẹp 13,5mm, bề rộng đầu nẹp 12mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3,5mm. - Phân biệt trái/phải.		
107	Nẹp khóa đầu dưới xương quay 3 lỗ đầu trái/phải các loại	Cái	9	2	5.450.000	49.050.000	10.900.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Nẹp chữ T đầu vuông góc ≤ 3 lỗ. Số lỗ 3,4,5,6 lỗ thân, chiều dài nẹp từ 46,5 - 79,5mm. Bề dày nẹp 1,6mm, thân nẹp rộng 10mm. Đầu nẹp nhô lên 20 độ, đầu nẹp rộng 24mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3,5mm.	24 tháng	Không yêu cầu
108	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay loại ngắn, chất liệu Titanium	Cái	16	4	9.200.000	147.200.000	36.800.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Thân nẹp có ≤ 3 đến ≥ 13 lỗ, tương ứng chiều dài từ 110 - 290mm, chiều rộng thân nẹp 12mm, chiều rộng đầu nẹp 20mm, đầu nẹp nhô lên 10,3mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít xương xóp 4,0mm, vít khoá 3,5mm.	24 tháng	Không yêu cầu
109	Nẹp khóa mắt xích, chất liệu titan	Cái	18	5	7.200.000	129.600.000	36.000.000	- Chất liệu Titanium. - Nẹp khoá nén ép mắt xích thẳng, có từ ≤ 4 đến ≥ 22 lỗ. - Chiều dài tương ứng từ 52-264mm. Nẹp dày 3,4mm, rộng 10,5mm.	24 tháng	Không yêu cầu
110	Nẹp khóa thân xương mác các cỡ	Cái	5	1	5.150.000	25.750.000	5.150.000	- Chất liệu Titanium. - Kích thước: Thân nẹp có ≤ 4 đến ≥ 14 lỗ, tương ứng chiều dài từ 63 - 171mm, chiều	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								rộng thân nẹp 10mm, dày 1,6mm. - Sử dụng vít xương cứng 3,5mm, vít khoá 3,5mm.		
111	Vít khóa titanium 4,5mm, tự taro, mũ vít hình lục giác	Cái	56	-	460.000	25.760.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác. Đường kính vít 4,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, đường kính mũ vít 8,0mm, chiều dài vít từ 10mm (± 2 mm) đến 84mm (± 1 mm).	24 tháng	EU
112	Vít xương cứng tự taro cho nẹp đa hướng, đường kính 4,5mm, titanium	Cái	22	-	365.000	8.030.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 4,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, đường kính mũ vít 7,0mm (± 1 mm), chiều dài vít từ 10mm (± 2 mm) đến 86mm (± 1 mm).	24 tháng	EU
113	Vít khóa 5,5mm, xương xốp, các cỡ, titan	Cái	38	-	470.000	17.860.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 5,5mm, đường kính lõi vít 2,4mm ($\pm 0,1$ mm), đường kính mũ vít tối thiểu 8,0mm, chiều dài vít từ 32mm (± 2 mm) đến 90mm (± 1 mm).	24 tháng	EU
114	Nẹp khóa đầu trên xương chày ngoài, titan	Cái	2	-	8.150.000	16.300.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 3,0 mm, bề rộng đầu nẹp 29,5 mm ($\pm 0,1$ mm), bề rộng thân nẹp tối thiểu 15,0 mm, số lỗ: 3-13 lỗ, độ dài từ 85mm (± 3 mm) đến 240 mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 15,0 mm	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
115	Nẹp khóa đầu trên xương chày trong, titan	Cái	2	-	8.150.000	16.300.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 36 mm ($\pm 0,2$ mm), bề rộng thân nẹp 14,0 mm (± 1 mm), số lỗ: 3-13 lỗ, độ dài nẹp từ 80mm (± 1 mm) đến 240 mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	24 tháng	EU
116	Nẹp khóa mâm chày chữ T, titan	Cái	2	-	8.150.000	16.300.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 33 mm ($\pm 0,4$ mm), bề rộng thân nẹp 15 mm ($\pm 0,5$ mm), số lỗ: 4 lỗ, dài 95 mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	24 tháng	G7
117	Nẹp khóa titanium bản rộng các cỡ, dày 5,2mm	Cái	2	-	7.350.000	14.700.000	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp dày 5,2 mm, bề rộng nẹp 17,0 mm ($\pm 0,5$ mm), số lỗ: 6-16 lỗ, độ dài nẹp từ 100mm (± 3 mm) đến 260 mm (± 3 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 16,0 mm	24 tháng	G7
118	Nẹp khóa đầu dưới xương chày ngoài, titan	Cái	2	-	9.900.000	19.800.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 26 mm ($\pm 0,5$ mm), bề rộng thân nẹp 15,0 mm ($\pm 0,5$ mm), số lỗ: 5-13 lỗ, độ dài nẹp từ 121mm (± 1 mm) đến 241 mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 15,0 mm	24 tháng	G7
119	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dày 5,7mm	Cái	2	-	8.150.000	16.300.000	-	- Chất liệu titanium. - Độ dày nẹp 5,7 mm, bề rộng thân nẹp 16mm (± 1 mm), bề rộng đầu nẹp	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								39mm (±0,3mm), phần đầu nẹp có 7 lỗ, phần thân nẹp từ 5 lỗ đến 13 lỗ tương ứng chiều dài từ 164mm (±1mm) đến 325 mm (±2mm), khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp tối thiểu 20,0 mm.		
120	Nẹp khóa titanium đầu trên, dày 4,0mm, 5-18 lỗ	Cái	2	-	8.050.000	16.100.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 23,5 mm (±0,1mm), bề rộng thân nẹp 15,0 mm (±0,5mm), số lỗ: 5-18 lỗ, chiều dài nẹp từ 70mm (±2mm) đến 282mm (±2mm), khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp tối thiểu 16,0 mm.	24 tháng	G7
121	Vít khóa xương cứng 5,5mm	Cái	4	-	495.000	1.980.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 5,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 4,0mm, đường kính mũ vít 8,0mm, chiều dài vít từ 25mm (± 1mm) đến 86mm (± 1mm).	24 tháng	G7
122	Nẹp khóa đóng cứng ba khớp cổ chân, đa trục, titan	Cái	2	-	18.000.000	36.000.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 25,0mm (± 1mm), bề rộng phần thân nẹp 18,0mm (± 1mm), độ dài nẹp 114 mm (± 1mm), số lỗ 3/4 lỗ.	24 tháng	G7
123	Vít xóp 6,5mm, titan, ren bán phần	Cái	2	-	500.000	1.000.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, đường kính vít 6,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 3,0mm, ren bán phần, đường kính thân vít	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								4,5mm, đường kính mũ vít tối thiểu 8,0mm, độ dài vít từ 46 (±1mm) đến 84mm (±1mm).		
124	Nẹp khóa titanium bản nhỏ các cỡ	Cái	2	-	4.550.000	9.100.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 3,4 mm, bề rộng nẹp 11,0 mm (±0,1mm), số lỗ: 4-16 lỗ, độ dài nẹp từ 50 đến 195mm (±1mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12,0 mm.	24 tháng	G7
125	Vít khóa titanium 3,5mm, tự taro, mũ vít hình lục giác	Cái	138	-	395.000	54.510.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 2,4mm, đường kính mũ vít 5,0mm (±0,3mm), chiều dài vít từ 10mm (±2mm) đến 80mm (±2mm).	24 tháng	G7
126	Vít nén ép 3,5 mm, các cỡ, titan	Cái	36	-	340.000	12.240.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 3,5mm, đường kính lõi vít tối thiểu 2,4mm, đường kính mũ vít 5,0mm (±1mm), chiều dài vít từ 10 (±2mm) đến 52mm (±2mm).	24 tháng	G7
127	Nẹp khóa chữ Y đầu dưới xương cánh tay, trái, phải, các cỡ, titanium	Cái	2	-	8.050.000	16.100.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 2,5 mm, bề rộng thân nẹp 12,0mm, bề rộng đầu nẹp từ 55mm đến 55,5mm, số lỗ: 5/10/11 lỗ, độ dài nẹp từ 85mm đến 140mm, khoảng cách giữa các lỗ phần thân tối thiểu 8,0 mm.	24 tháng	G7
128	Nẹp khóa đầu	Cái	4	-	10.400.000	41.600.000	-	- Chất liệu Titanium.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	dưới xương chày trong, titan							- Nẹp khoá đa trục. Độ dày đầu nẹp: tối thiểu 2,8mm, độ dày phần thân nẹp tối thiểu 4,0 mm, bề rộng đầu nẹp 20 mm (± 2 mm), bề rộng thân nẹp 15 mm ($\pm 0,5$ mm), đầu nẹp 8 lỗ, số lỗ phần thân nẹp: 5-15 lỗ, độ dài nẹp từ 115mm (± 1 mm) đến 221 mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ phần thân tối thiểu 10,5 mm		
129	Nẹp khoá đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại, đa trục	Cái	2	-	6.500.000	13.000.000	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp khoá đa trục. Độ dày nẹp tối thiểu 2,5 mm, bề rộng phần đầu nẹp 16 mm ($\pm 0,1$ mm), bề rộng phần thân nẹp 9,5mm ($\pm 0,2$ mm), số lỗ phần đầu nẹp 4 lỗ, số lỗ phần thân nẹp 5-11 lỗ, dài từ 85mm đến 155mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12mm	24 tháng	G7
130	Nẹp khoá titanium mắt xích các cỡ, dày 2,5mm, 4-20 lỗ	Cái	2	-	6.600.000	13.200.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 2,5 mm, bề rộng nẹp 9,0mm (± 1 mm), số lỗ: 4-20 lỗ tương ứng độ dài nẹp từ 45mm (± 1 mm) đến 240mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 12,0 mm.	24 tháng	G7
131	Nẹp khoá chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ, vật liệu Titanium, sâu móc 18,0/21,0mm	Cái	2	-	7.650.000	15.300.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 4,0mm, bề rộng phần đầu nẹp 20mm (± 1 mm), bề rộng phần thân nẹp tối thiểu 10mm, khoảng cách giữa các	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								lỗ phần thân nẹp 10mm ($\pm 0,2$ mm), chiều dài móc: 18mm ($\pm 0,5$ mm), chiều sâu móc 21,0 mm, số lỗ: 3-6 lỗ, độ dài từ 70mm đến 105 mm.		
132	Nẹp khóa titanium xương đòn các cỡ	Cái	2	-	6.050.000	12.100.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp tối thiểu 3,5 mm, bề rộng nẹp tối thiểu 10 mm, số lỗ: 6-9 lỗ, độ dài từ 78-105 (± 1 mm) mm.	24 tháng	G7
133	Nẹp khóa titanium xương gót các cỡ, dày 2,5mm	Cái	2	-	11.650.000	23.300.000	-	- Chất liệu Titanium. - Nẹp đa trục. Độ dày nẹp 2,5 mm, phân biệt phải trái, chiều dài nẹp: 60mm (± 1 mm) đến 80mm (± 1 mm).	24 tháng	G7
134	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày mặt ngoài các loại, titanium	Cái	33	9	7.500.000	247.500.000	67.500.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 4mm, độ rộng 14mm, khoảng cách giữa các lỗ: 20mm. Số lỗ đầu: 4 lỗ, lỗ thân từ 7-15 lỗ, tương ứng với chiều dài từ ≤ 80 - ≥ 240 mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nông 4,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
135	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu trên xương chày mặt trong các loại, titanium	Cái	9	2	7.500.000	67.500.000	15.000.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,2mm, độ rộng 14,2mm, số lỗ đầu 3 lỗ, số lỗ thân 3-10 lỗ tương ứng với chiều dài từ ≤ 68 - ≥ 180 mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nông 4,0mm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
136	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu dưới xương chày mặt trong các loại, titanium	Cái	7	2	7.500.000	52.500.000	15.000.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,6mm, độ rộng 13,7mm, số lỗ đầu 8 lỗ, số lỗ thân 4-14 lỗ tương ứng với chiều dài từ ≤ 116 - ≥ 246 mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nòng 4,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
137	Nẹp khóa đa hướng nén ép đầu dưới xương chày mặt trước ngoài các loại, titanium	Cái	7	2	7.500.000	52.500.000	15.000.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Nẹp mặt ngoài: Độ dày 4mm, độ rộng 14mm. Số lỗ đầu: 4 lỗ, lỗ thân từ 5-15 lỗ, tương ứng với chiều dài từ ≤ 117 - ≥ 277 mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa, vít thường 3,5mm và vít khóa rộng nòng 4,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
138	Vít khóa xóp rộng nòng cho nẹp đa hướng, đường kính 4.0mm, các loại, Vật liệu titanium	Cái	8	-	1.800.000	14.400.000	-	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 4,0mm - Đường kính thân: 3,0mm - Đường kính nòng 1,1mm. - Sử dụng mũi khoan rộng 3,0/3,5mm - Độ dài từ ≤ 32 - ≥ 88 mm	24 tháng	Không yêu cầu
139	Vít xương cứng đường kính 3,5mm, toàn ren, tự taro, Vật liệu titanium	Cái	14	4	150.000	2.100.000	600.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,4mm - Độ dài từ ≤ 10 - ≥ 60 mm	24 tháng	Không yêu cầu
140	Vít khóa đường kính 3,5mm dùng cho nẹp đa hướng, tự taro các loại,	Cái	561	168	550.000	308.550.000	92.400.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,7mm - Độ dài từ ≤ 10 - ≥ 80 mm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	Vật liệu Titanium									
141	Vít khóa đa hướng 3,5mm, cho nẹp khóa đa hướng, tự taro, Vật liệu Titanium	Cái	339	101	650.000	220.350.000	65.650.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng, biên độ 10 độ - Đường kính ren: 3,5mm - Đường kính thân: 2,7mm - Độ dài từ ≤10 - ≥80mm	24 tháng	Không yêu cầu
142	Nẹp khóa đa hướng nẹp ép bản nhỏ, dày 3,2/3,8/4,0 các loại, titanium	Cái	42	12	4.500.000	189.000.000	54.000.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày có 3 loại: 3,2; 3,8 và 4,0 mm, độ rộng tương ứng từ 10,5; 12; 14 mm, chiều dài tương ứng ≤60 - ≥215mm, ≤51-≥205mm, và ≤51-≥205mm, khoảng cách giữa các lỗ: 13mm. - Sử dụng với vít khóa và vít thường 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
143	Nẹp khóa đa hướng xương đòn tái tạo mặt các loại, Titanium	Cái	4	-	7.500.000	30.000.000	-	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Độ dày 3,2mm. độ rộng 11mm. - Số lỗ thân 6,7,8 lỗ, tương ứng với chiều dài từ ≤103,2- ≥122,5mm - Sử dụng với vít khóa và vít thường 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
144	Nẹp khóa titanium chữ L trái, phải các cỡ	Cái	2	-	3.000.000	6.000.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp: tối thiểu 1,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 11,7 (±0,2mm) mm, bề rộng phần thân nẹp 5,0 mm (±0,1mm), số lỗ phần đầu nẹp 2 lỗ, số lỗ trên thân nẹp từ 3-5 lỗ, độ dài từ 28mm (±1mm) đến 40mm (±1mm), phân biệt trái/phải, khoảng	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								cách giữa các lỗ tối thiểu 6,0mm.		
145	Vít nén ép 2,0 mm, các cỡ, titan	Cái	38	-	465.000	17.670.000	-	- Chất liệu hợp kim titan. - Đầu vít tự taro, mũ vít lục giác, đường kính vít 2,0 mm, đường kính lõi vít 1,5mm ($\pm 0,2$ mm), đường kính mũ vít tối thiểu 4,0mm, chiều dài vít từ 6mm (± 1 mm) đến 42mm (± 2 mm).	24 tháng	G7
146	Nẹp khóa titanium chữ T các loại các cỡ	Cái	4	-	3.000.000	12.000.000	-	- Chất liệu Titanium. - Đầu 2 lỗ, độ dày nẹp 1,0 mm, bề rộng phần đầu nẹp 12,4 mm ($\pm 0,2$ mm), bề rộng phần thân nẹp 5,0 mm ($\pm 0,1$ mm) - Số lỗ trên thân từ 3-4 lỗ, độ dài từ 30-35 (± 1 mm).	24 tháng	G7
147	Nẹp mini mu bàn tay, các loại, các cỡ, titan	Cái	2	-	4.300.000	8.600.000	-	- Chất liệu Titanium. - Độ dày nẹp 1,5 mm, bề rộng nẹp tối thiểu 5,0 mm, có từ 5-8 lỗ, độ dài từ 25mm (± 2 mm) đến 40 mm (± 2 mm), khoảng cách giữa các lỗ phần thân nẹp tối thiểu 5,0mm.	24 tháng	G7
148	Nẹp mini thẳng, các loại, các cỡ, titan	Cái	2	-	2.995.000	5.990.000	-	- Chất liệu titanium. - Độ dày nẹp 1,0 mm ($\pm 0,2$ mm), bề rộng phần thân nẹp tối thiểu 5,0 mm, số lỗ: 3/4/5/6 lỗ, độ dài từ 16 (± 1 mm) đến 35mm (± 1 mm), khoảng cách giữa các lỗ tối thiểu 6,0mm.	24 tháng	G7
149	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay trái/phải các loại,	Cái	71	21	7.500.000	532.500.000	157.500.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Dày 2mm, rộng 22mm, loại 3 dày 2,3mm, rộng 25,5 mm.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	tanium							- Số lỗ đầu 7 lỗ, số lỗ thân từ 2-5 lỗ tương ứng dài từ ≤54 - ≥81mm, trái/phải riêng biệt - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa và vít thường 2,4 và 2,7mm		
150	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương trụ trái/phải các loại, titanium	Cái	7	2	6.200.000	43.400.000	12.400.000	- Chất liệu Titanium nguyên chất - Dày 2,3mm, rộng 6,5mm, khoảng cách giữa các lỗ 9mm - Số lỗ: 6,7 lỗ tương ứng với chiều dài 57 và 66mm - Sử dụng với vít khóa đa hướng, vít khóa và vít thường 2,4 và 2,7mm	24 tháng	Không yêu cầu
151	Vít khóa đa hướng 2,7mm, cho nẹp khóa đa hướng, tự taro, titanium	Cái	306	91	650.000	198.900.000	59.150.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Vít khóa đa hướng, biên độ 10 độ - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 2,1mm - Độ dài từ ≤6 - ≥40mm	24 tháng	Không yêu cầu
152	Vít khóa đường kính 2,7mm dùng cho nẹp đa hướng, tự taro các loại, titanium	Cái	306	91	550.000	168.300.000	50.050.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 2,1mm - Độ dài từ ≤6 - ≥60mm	24 tháng	Không yêu cầu
153	Vít xương cứng đường kính 2,7mm, toàn ren, tự taro, titanium	Cái	121	36	140.000	16.940.000	5.040.000	- Chất liệu Titanium Alloy - Đường kính ren: 2,7mm - Đường kính thân: 1,9mm - Độ dài từ ≤6 - ≥40mm	24 tháng	Không yêu cầu
154	Nẹp khóa thẳng dùng vít 2,0mm, chất liệu titan	Cái	33	9	1.800.000	59.400.000	16.200.000	- Chất liệu titanium - Số lỗ từ 4 đến 8 lỗ, bước tăng 1 lỗ - Chiều dày nẹp 1,3mm, chiều rộng nẹp 5,0mm, độ dài ≤32mm - ≥58mm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
155	Nẹp khóa thẳng, vít 1,5mm, chất liệu titanium	Cái	9	2	1.800.000	16.200.000	3.600.000	- Chất liệu titanium - Gồm các cỡ 4 và 6 lỗ. - Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm. chiều dài nẹp ≤23mm và ≥36mm	24 tháng	Không yêu cầu
156	Nẹp khóa chữ Y, vít 1,5mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	10	-	3.150.000	31.500.000	-	- Chất liệu titanium - Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân: 8 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4,3mm ± 3%, chiều dài nẹp 46mm ± 3%	24 tháng	Không yêu cầu
157	Nẹp khóa chữ Y, vít 2,0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	33	9	3.150.000	103.950.000	28.350.000	- Chất liệu titanium - Có 3 lỗ đầu và 7 lỗ thân. Độ dày nẹp 1,3mm, chiều rộng 5,0mm ± 3%, chiều dài nẹp 55mm ± 3%	24 tháng	Không yêu cầu
158	Vít khóa đường kính 1,5mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	46	-	450.000	20.700.000	-	- Chất liệu titanium Alloy - Vít tự taro, mũ vít hình sao - Đường kính 1,5mm, đường kính lõi vít 1,1mm. Chiều dài trong khoảng từ ≤6 - ≥24mm - Sử dụng với hệ thống nẹp khóa 1,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
159	Vít khóa đường kính 2,0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	542	162	450.000	243.900.000	72.900.000	- Chất liệu titanium Alloy - Vít tự taro, mũ vít hình sao. - Đường kính 2,0mm, đường kính lõi vít 1,4mm. Chiều dài từ ≤6 - ≥30mm - Sử dụng với hệ thống nẹp khóa 2,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
160	Đầu đốt sóng cao tần dùng cho cột sống, tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp	Cái	1.848	554	15.800.000	29.198.400.000	8.753.200.000	- Đầu đốt tích hợp 3 chức năng trong 1 (dẫn đường/công bơm thuốc riêng biệt có tối thiểu 3 chế độ đốt RF, PRF và STP Pulsed RF). Chiều dài có tối thiểu 04 cỡ trong khoảng 60mm - 200mm, đường kính có tối	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								thiếu 04 cỡ trong khoảng 20G-23G. Kim có các chế độ kích thích dây thần kinh cảm giác và vận động. + Chế độ đốt: đơn cực, lưỡng cực và đa cực. + Tích hợp dây cáp điện kết nối đến máy đốt.		
161	Kim chọc dò cho kim đốt sóng cao tần dùng cho xương khớp	Cái	33	9	2.590.000	85.470.000	23.310.000	- Đường kính các loại từ 20G đến 22G, phủ Teflon hoặc tương đương, chiều dài 54mm/100mm/145mm, phân tỏa nhiệt tại đầu kim các loại 2/4/5/10/15mm	24 tháng	G7
162	Đầu đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tùy sóng trong phẫu thuật nội soi cột sóng 2 công	Cái	440	132	10.500.000	4.620.000.000	1.386.000.000	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40-70 độ - Chất liệu cách điện trên đầu là gốm sứ để đảm bảo an toàn - Góc nghiêng của lưỡi cắt đốt: ≤ 90 độ - Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần	24 tháng	Không yêu cầu
163	Đầu đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sóng hai công	Cái	440	132	12.500.000	5.500.000.000	1.650.000.000	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40-70 độ - Đường kính đầu khoảng 2,8mm, chiều dài làm việc ≤ 135 mm - Đầu lưỡi đốt uốn được khoảng 28 độ, điều khiển trực tiếp trên tay cầm. - Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần	24 tháng	Không yêu cầu
164	Đầu đốt sóng cao tần Plasma, đầu	Cái	44	13	10.500.000	462.000.000	136.500.000	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	lưỡi hình móc câu dùng trong nội soi cột sống hai cổng							khoảng 40-70 độ C - Đường kính đầu đốt ≤ 3,8mm, chiều dài làm việc ≤ 120mm - Đầu lưỡi cắt đốt hình móc câu - Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần		
165	Đầu đốt sóng cao tần Plasma đường kính thân đốt khoảng 1,6mm dùng trong nội soi cột sống hai cổng	Cái	44	13	10.500.000	462.000.000	136.500.000	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40 - 70 độ C - Đường kính ngoài ≤ 1,6mm, chiều dài làm việc ≤ 85mm - Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần	24 tháng	Không yêu cầu
166	Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	440	132	1.385.000	609.400.000	182.820.000	- Có 02 đầu kết nối hệ thống tưới với 02 kẹp bấm, chiều dài ≥ 1,5m - Có 01 đầu kết nối Luer-Lock với 01 kẹp bấm, chiều dài ≥ 3,0m - Sử dụng một lần, chất liệu không chứa latex - Đóng gói trong bao bì kẹp vô trùng bằng Ethylene Oxide	24 tháng	Không yêu cầu
167	Mũi khoan xương các cỡ dùng cho nội soi	Cái	440	132	12.000.000	5.280.000.000	1.584.000.000	+ Mũi khoan mài thiết kế dùng trong nội soi cột sống 2 cổng + Đầu mũi khoan mài hình cầu, có loại mũi có rãnh và loại mũi kim cương, có 2 loại đầu bảo vệ khác nhau. + Đường kính mũi có các cỡ 3, 4 mm + Chiều dài làm việc 100,	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								130, 160mm + Tốc độ tối đa ≥ 20.000 vòng/phút + Mũi khoan mài có thể được khóa tại 16 vị trí khác nhau + Tiết trùng sẵn, sử dụng một lần		
168	Bộ khăn phẫu thuật nội soi	Bộ	440	132	550.000	242.000.000	72.600.000	- Bộ khăn bao gồm: 01 khăn trải bàn dụng cụ, kích thước $\geq 140 \times 200$ cm 04 khăn thấm, kích thước $\geq 30 \times 40$ cm 01 bao kính chắn chì, kích thước $\geq 75 \times 100$ cm 01 bao chụp đầu đèn, kích thước $\geq 60 \times 60$ cm 01 khăn chụp, kích thước $\geq 240 \times 410$ cm - Thiết kế có túi chứa dịch - Tiết trùng EO, sử dụng một lần.	24 tháng	Không yêu cầu
169	Dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống	Cái	220	66	1.045.800	230.076.000	69.022.800	Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, chất liệu PVC DEHP-free. Ống dẫn được trang bị cổng UF để kết nối với ống bệnh nhân và một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới được kiểm soát bằng áp suất. Đầu vào kết nối bằng hai đầu nhọn. Có hai khóa kẹp đầu nước vào và 1 khóa kẹp đầu xả, áp suất được kiểm soát bằng ống đo áp suất kết nối với máy bơm.	24 tháng	G7
170	Bộ kim định vị	Bộ	66	19	20.610.000	1.360.260.000	391.590.000	Gồm 03 doa: màu xanh lục đường kính $\leq 5,0$ mm, màu	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								vàng đường kính 6,5 mm và màu đỏ đường kính $\geq 7,5$ mm Kim chọc 18 G và 21 G, có tối thiểu 04 xy lạnh, 02 dây dẫn đường, 01 bút đánh dấu, 03 đĩa, 02 nút bịt, 01 dao. Có 02 kích thước mũi kim: màu xanh $\leq 4,0$ mm và màu tím $\geq 8,5$ mm		
171	Mũi khoan rãnh khế	Cái	44	13	21.960.000	966.240.000	285.480.000	Mũi khoan (mài) hình rãnh khế loại dùng một lần, đường kính 3,5mm, chiều dài làm việc từ ≤ 235 mm đến ≥ 310 mm, tổng chiều dài từ ≤ 270 mm đến ≥ 355 mm.	24 tháng	G7
172	Mũi khoan tròn kim cương dùng cho nội soi cột sống	Cái	176	52	9.990.000	1.758.240.000	519.480.000	Mũi khoan đầu kim cương, đầu tròn. Thân dài từ 250mm - 270mm, đường kính ngoài từ 2,0mm - 4,0mm.	24 tháng	G7
173	Đầu đốt bằng sóng radio cao tần	Cái	220	66	21.960.000	4.831.200.000	1.449.360.000	Lưỡi (dao) cắt, đốt sử dụng trong phẫu thuật cột sống bằng sóng RF, loại dùng 1 lần. Sử dụng để bảo mô vụn, làm sạch bột khí và cầm máu cùng một lúc với nhiệt độ thấp cho phép tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh. Đầu dao đốt uốn được tùy thuộc vị trí bảo, có thể được kích hoạt bằng phím trực tiếp trên tay cầm. Đường kính đốt 2,3mm, chiều dài làm việc 38cm, chiều dài của phần đầu khi uốn tối đa là 1,8cm, phần đầu đốt có thể uốn được góc 12 độ.	24 tháng	G7
174	Bộ phụ kiện dành	Bộ	220	66	1.980.000	435.600.000	130.680.000	Dùng trong phẫu thuật nội	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	cho nội soi cột sống							soi cột sống, kích thước 320x240cm, phần rạch có kích thước 60x30cm		cầu
175	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi chạy máy, có hộp điều khiển	Cái	1.210	363	1.800.000	2.178.000.000	653.400.000	Dây sử dụng cho máy bơm nước. Chất liệu: plastic. Lưu lượng nước lên tới 2,5l/phút, có hộp điều khiển. Tổng chiều dài 2 dây: 5,3m. Có đường nước vào và ra.	24 tháng	G7
176	Lưới bảo mòn sụn khớp, đk 3,5, 4,5 và 5,5mm, thiết kế rỗng nòng	Cái	1.103	330	4.550.000	5.018.650.000	1.501.500.000	Lưới bảo dùng trong nội soi khớp, thiết kế rỗng nòng, có mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính tối thiểu có 3 loại: 3,5mm; 4,5mm; 5,5mm.	24 tháng	G7
177	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	139	41	6.600.000	917.400.000	270.600.000	Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All-Inside hoặc tương đương. Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK và nút chỉ số 0 buộc sẵn không tiêu chất liệu UHMW polyethylene	24 tháng	Không yêu cầu
178	Dụng cụ cắt chỉ sụn chêm các loại	Cái	2	-	4.850.000	9.700.000	-	Dùng để đẩy, cắt chỉ ở bên trong ổ khớp sau khi khâu và thắt nút. Dạng thẳng	24 tháng	Không yêu cầu
179	Đầu đốt trong khớp loại thường	Cái	1.136	340	6.350.000	7.213.600.000	2.159.000.000	Đầu đốt lưỡng cực dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Tạo plasma dày ≤ 100 đến $\geq 200\mu\text{m}$. Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại. Có đường hút nước. Đường kính mũi 5,25mm. Đường kính phần thân 3,75mm. Đầu mũi nghiêng	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								90 độ		
180	Đầu đốt trong khớp bằng sóng radio, bề mặt điện cực lớn, phủ plasma	Cái	7	2	6.350.000	44.450.000	12.700.000	- Đầu đốt lưỡng cực dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. - Tạo plasma dày ≤ 100 đến $\geq 200 \mu\text{m}$, giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh - Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại - Có cảm biến theo dõi nhiệt độ chất lỏng trong khớp - Đường kính mũi 5,25mm - Đường kính phần thân 3,75mm - Độ chính xác nhiệt độ ± 3 độ C - Đầu mũi nghiêng 90 độ	24 tháng	Không yêu cầu
181	Lưỡi bào (mài) xương các cỡ, đk 4,0/5,5mm, thiết kế rỗng nòng	Cái	220	66	4.550.000	1.001.000.000	300.300.000	Lưỡi mài xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, thiết kế rỗng nòng, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính tối thiểu có 2 loại: 4,0mm, 5,5mm. Tốc độ tối đa 8.000 vòng/phút.	24 tháng	G7
182	Trocar dùng trong nội soi khớp các cỡ, tích hợp khóa ba lớp	Cái	337	101	1.500.000	505.500.000	151.500.000	Ổng trocar nhựa. Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4,5; 5,5; 6,5; 7,0; 8,5mm. Chiều dài 45, 55, 72, 90mm.	24 tháng	Không yêu cầu
183	Dụng cụ khâu (cây dây chỉ)	Cái	16	-	6.500.000	104.000.000	-	Cây dây lượn chỉ. Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								≥45 độ, cong phải ≥45 độ, uốn lên trên ≥45 độ, uốn lên trên ≥70 độ, hình lưỡi liềm. Vô trùng, sử dụng một lần. Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. Kèm chỉ #1 Monofilament dài 48" hoặc tương đương		
184	Kim lưỡi gà	Cái	60	18	3.750.000	225.000.000	67.500.000	Kim lưỡi gà dùng cho súng khâu chớp xoay. Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ.	24 tháng	Không yêu cầu
185	Vít chỉ neo đóng sụn, chất liệu PLLA phủ HA, kèm 2 chỉ siêu bền	Cái	49	14	9.180.000	449.820.000	128.520.000	- Vít được kết nối sẵn với tay - Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng - Kèm hai chỉ siêu bền - Đường kính ≥2,9 mm, đường kính ngoài ≥ 3,7 mm, dài ≥11,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
186	Vít chỉ tự tiêu các cỡ, chất liệu PLLA phủ HA, kèm 2-3 sợi chỉ siêu bền	Cái	872	261	5.590.000	4.874.480.000	1.458.990.000	- Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. - Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiệt trùng - Kèm hai hoặc ba sợi chỉ siêu bền - Đường kính 4,5mm tương ứng chiều dài ≥ 18,7mm, đường kính 5,5mm, 6,5mm tương ứng chiều dài ≥ 19,2mm	24 tháng	Không yêu cầu
187	Vít chỉ chất liệu PEEK - OPTIMA, neo đóng với ren hình ngành mọc	Cái	704	211	10.690.000	7.525.760.000	2.255.590.000	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiệt trùng. Thiết kế neo đóng với ren hình ngành mọc ngang giúp chống bật neo và	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	ngang							dễ đóng neo. Kích thước neo: 4,5mm và 5,5mm tương ứng đường kính 5,8mm±0,1mm và 6,7mm±0,1mm. Chiều dài bung tương ứng 20,4mm±0,1mm và 20,8mm±0,1mm		
188	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp các cỡ, chất liệu UHMW polyethylene	Cái	682	204	1.448.000	987.536.000	295.392.000	Chỉ không tiêu số 2 kèm kim. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene hoặc tương đương. Chiều dài 38 Inch. Màu sắc: trắng và trắng bên xanh. Đã tiệt trùng.	24 tháng	Không yêu cầu
189	Mũi khoan dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng nòng (gồm: 01 mũi khoan dẫn đường, 01 mũi khoan ngược và 01 cây rút chỉ)	Bộ	128	38	5.000.000	640.000.000	190.000.000	- Mũi khoan ngược rỗng nòng, sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside - Một bộ bao gồm: 1 Mũi khoan dẫn đường ≥2,4mm 1 Mũi khoan ngược Khoan tiến tạo đường hầm đường kính thân ≥ 4,9mm, lưỡi cắt có thể mở ra đóng vào, khoan ngược tạo đường hầm đường kính 5,5mm - 12mm, bước tăng 0,5mm, có ống đo chiều dài đường hầm xương. 1 Cây rút chỉ.	24 tháng	G7
190	Vít cố định dây chằng tự tiêu, chất liệu PLLA (Poly-L-Lactic Acid) kết hợp với Hydroxyapatite	Cái	20	6	3.825.000	76.500.000	22.950.000	Có vít ren ngược phù hợp với gói phải. Đường kính: ≤6mm đến ≥ 11 mm. gồm tối thiểu các chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	(HA)							PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA)		
191	Vít cố định mảnh ghép dây chằng, chất liệu titanium và Polyester	Cái	14	-	7.635.000	106.890.000	-	- Kích thước nẹp: dài $\leq 12\text{mm}$, rộng $\leq 4\text{mm}$ dày $\geq 2\text{mm}$; 4 lỗ - Chất liệu chốt: titanium màu vàng - Chỉ kéo màu trắng số 5, chỉ lật màu xanh số 5. - Chiều dài vòng treo gân từ: ≤ 10 đến $\geq 60\text{ mm}$ - Chất liệu: Chốt làm bằng titanium màu vàng, vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester đường kính 5mm	24 tháng	G7
192	Vít cố định mảnh ghép dây chằng với cơ chế khoá bên trong, tối đa gân và tối thiểu lực siết	Cái	715	214	11.750.000	8.401.250.000	2.514.500.000	- Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu chốt: titanium màu xanh dương - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ ≤ 10 đến $\geq 105\text{ mm}$ - Đường kính chỉ vòng loop: 1,5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester #2 duy nhất để kéo và lật - Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo.	24 tháng	Không yêu cầu
193	Vít neo cố định dây chằng chéo sử dụng trong kỹ thuật All inside	Cái	5	1	10.200.000	51.000.000	10.200.000	Vít chốt cố định dây chằng. Chất liệu Titanium. Thiết kế hình tròn hoặc oval. Tối thiểu 3 cỡ tương ứng với đường	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								hàm trong khoảng 4-7mm, 7,5-9,5mm, 10mm trở lên, tối thiểu 02 cỡ có phân chốt dài 3mm nằm trong đường hàm, đường kính từ ≤ 15 mm đến ≥ 20 mm, bề dày từ ≤ 3 mm đến $\geq 4,5$ mm, tối thiểu 02 cỡ có bề dày vành $\geq 1,75$ mm		
194	Vít titan các cỡ dùng cho miếng vá sọ	Cái	238	71	310.000	73.780.000	22.010.000	- Vít dùng trong phẫu thuật sọ não – hàm mặt - Đường kính: 2,0 mm - Chiều dài: tối thiểu 4 cỡ, dài từ ≤ 4mm đến ≥ 7 mm - Nguyên liệu: Titanium, bước ren dài 0,75 mm $\pm$ 5% - Khe vận vít chữ thập: Kích thước dài $\times$ rộng $\times$ sâu: 3,0 mm $\times$ 0,9 mm $\times$ 0,55 mm - Tương thích: Dụng cụ hệ vít mini 2,0 mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo	24 tháng	G7
195	Miếng vá sọ titan 3D cỡ 200x200x0,6mm	Miếng	5	1	29.400.000	147.000.000	29.400.000	- Kích thước 200x200x0,6mm - Sử dụng vít đường kính 2.0 mm. - Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y", có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng chìm, khoảng cách lỗ vít: 6 mm. - Vật liệu: Titanium loại 2 - Lưới được đánh dấu và chia khu vực vá sọ bằng in laser thành các khu vực: vùng thái dương, vùng trán, vùng đỉnh, vùng chẩm, kèm dịch vụ uốn tạo hình 3D.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Thời gian tạo hình: tối đa 24 giờ kể từ khi nhận được dữ liệu CT/MRI.		
196	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua da không bóng loại kim cong đi kim một bên	Bộ	557	167	21.700.000	12.086.900.000	3.623.900.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 bộ Bơm áp lực đẩy xi măng: Có thể điều chỉnh áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại. 2. 01 gói xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C ngăn làm chết mô xương, tự cứng với nồng độ chất phản quang cao cho phép trực quan hóa hoàn hảo. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn dễ nhồi. 3. 01 cái kim chọc dò thân đốt sống: Thiết kế mũi kim 3 cạnh, côn luer tiêu chuẩn, khóa chống xoay. Có các chiều dài tối thiểu 6 cỡ từ ≤ 100mm đến ≥ 190mm tương ứng với các đường kính kim	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								rỗng nòng bên ngoài tối thiểu 6 cỡ từ $\leq 3,0\text{mm}$ đến $\geq 4,2\text{mm}$, đường kính bên trong tối thiểu 6 cỡ từ $\leq 2,1\text{mm}$ đến $\geq 3,7\text{mm}$. 4. 01 cái kim bơm xi măng cong rỗng nòng chất liệu PEEK: Phần kim cong dài 23mm, đường kính ngoài 2,8mm, đường kính trong 2,2mm.		
197	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng sử dụng xi măng độ nhớt cao	Bộ	396	118	55.000.000	21.780.000.000	6.490.000.000	Yêu cầu chào chi tiết đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. 02 cái Kim chọc dò cuống sống 11G, gồm vỏ và nòng. Kim có chiều dài hoạt động $120\pm 5\text{mm}$, chiều dài toàn bộ $170\pm 5\text{mm}$. Hai kim đóng vỏ trùng kèm một kim khoan. 2. 02 cái Bóng nong thân đốt sống áp lực tối đa 27ATM/400 PSI. 3. 02 cái Bơm bóng dùng đồng hồ dạng analog. 4. 06 cái Kim chọc bơm xi măng dài $180\pm 5\text{mm}$, gồm vỏ và nòng, vỏ có đường kính ngoài và đường kính trong lần lượt là: 3,00mm và 2,15mm, nòng có đường kính 2,0mm. Đi kèm là xi lanh dung tích 2,5ml. 5. 01 Bộ trộn xi măng bao gồm: 01 bộ trộn dạng tay quay, 01 phễu rót. Dung tích $\geq 40\text{cc}/40\text{ g}$ xi măng	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								6. 01 gói Xi măng sinh học cột sống độ nhớt cao, bao gồm: - Bột xi măng $\geq 26g$, dung môi $\geq 10ml$		
198	Xương nhân tạo có thể pha kháng sinh	Hộp	22	6	11.850.000	260.700.000	71.100.000	Cấu tạo từ canxi sulfat tinh thể hóa Thời gian sử dụng với Vancomycin: khoảng 2-5 phút, sử dụng với Gentamicin: khoảng 3-5 phút, sử dụng với Tobramycin: khoảng 5-15 phút. Đồng gói: Bột, dung dịch, thìa và dụng cụ hỗ trợ tạo hình hạt cho các kích thước hạt tối thiểu 3 cỡ từ $\leq 3mm$ đến $\geq 6mm$.	24 tháng	Châu Âu
199	Bộ khớp háng toàn phần không xi kiêu đa trục linh động	Bộ	88	26	78.840.000	6.937.920.000	2.049.840.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titan được phủ cả Titanium plasma và HA. Đáy ổ cối có chốt chống xoay. Kích cỡ tối thiểu 14 cỡ từ $\leq 45mm$ đến $\geq 70mm$. 2. Chòm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum alloy 3. Lớp đệm xoay Liner phủ bột titanium và HA bên ngoài và bề mặt bên trong được đánh bóng. 4. Lót đệm Crosslinked UHMWPE, có đường kính	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								trong 22/28mm và đường kính ngoài 34/38/41/45mm 5. Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan kích thích mọc xương. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có tối thiểu 13 kích thước (size): từ ≤0 đến ≥12 với chiều dài cả chuôi tương ứng từ ≤128mm đến ≥163mm, chiều dài đoạn phủ xốp từ ≤54mm đến ≥76mm. Loại cổ offset Standard dài từ ≤35,6mm đến ≥50,5mm, chiều cao cổ chuôi tối thiểu 5 cỡ từ ≤11,4mm đến ≥16,1mm, chiều dài cổ chuôi tối thiểu 5 cỡ từ ≤35,7mm đến ≥43,6mm. 6. Vít bắt ổ cối cỡ tối thiểu 8 cỡ từ ≤ 15mm đến ≥40mm, chất liệu Ti6Al4V, đường kính 6,5mm		
200	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài, ổ cối chuyển động đôi	Bộ	7	2	82.000.000	574.000.000	164.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lớp đệm (liner): Lớp đệm chuyển động đôi. Vật liệu: Polyethylene. Kích cỡ: ≤46mm đến ≥60mm. 2. Ổ cối: Bề mặt ngoài được phủ 2 lớp bằng phương pháp áp lực chân không: lớp bên dưới phủ titanium, lớp bên	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								trên phủ lớp hydroxyapatite, bên ngoài ổ cối có ≥ 10 đỉnh cố định chống lật và xoay. Vật liệu: Hợp kim Cobalt-Chromium-molybdenum alloy hoặc tương đương. Kích cỡ: $\leq 46\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$. 3. Đầu xương đùi: Thép không gỉ. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22,2mm: có các size: -2; 0; +3, 12/14 đường kính 28mm: có các size: -3,5; 0; +3,5. 4. Chuôi xương đùi: Góc cổ chuôi $\leq 135^\circ$, cổ xương đùi có gờ. Vật liệu: hợp kim Ti-Al-V, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14 - 5 độ 40 phút, hình ê-líp. Chuôi các cỡ từ ≤ 12 đến ≥ 16 (tối thiểu 3 cỡ: 12, 14, 16). Chuôi có 2 lỗ bắt vít, tùy chọn vít khóa và vít điều chỉnh. Vít khóa đường kính $\leq 5,5\text{mm}$, dài ≤ 28 đến $\geq 55\text{mm}$; Vít điều chỉnh đường kính $\leq 5,5\text{mm}$, dài ≤ 30 đến $\geq 35\text{mm}$.		
201	Khớp háng bán phần không xi măng, phủ HA plasma	Bộ	22	6	45.000.000	990.000.000	270.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu Hợp kim Titanium, bề mặt chuôi được hoàn thiện bằng lớp phủ kép 300μm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Titanium tinh khiết và 50µm Hydroxyapatite với công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 12 cỡ, chiều dài chuôi từ 108,3mm đến 163,2mm. Góc cổ chuôi 127°/135° với offset trong từ 38,7mm đến 52,7mm và chiều dài thân cổ nằm trong từ 38,9mm đến 50,0mm. 2. Chôm khớp: Vật liệu CrCo đường kính đầu ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Chôm bán phần: Vật liệu kim loại kích cỡ từ 39mm đến 60 mm, bước tăng 1mm; có 22 cỡ. Lót đầu chòm PE vật liệu UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có 4 cỡ tương ứng. Có thể sử dụng chòm 28mm cho mọi kích cỡ đầu chòm. Mã màu của nhãn cho phép xác định sự kết hợp vỏ/lớp lót phù hợp.		
202	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic on Crosslinked, phủ HA toàn bộ	Bộ	3	-	55.000.000	165.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng, có 3 lỗ bắt vít, lỗ có nút chặn giúp bịt kín lỗ khi không sử dụng. Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. 2. Lót ổ cối chất liệu Crosslinked X-HDPE. Kích thước phù hợp với ổ cối có đường kính từ ≤ 44 đến ≥ 68mm. Có gờ chống trật.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								3. Chôm khớp chất liệu Ceramic, hai loại 32 và 36mm. Cổ côn: 12/14. 4. Chuôi khớp háng không xi măng phủ HA toàn bộ. Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ ≤ 127 đến ≥ 163 mm. Góc cổ chuôi 135 độ. 5. Vít ổ cối Chất liệu TiAl6V4, Tự taro. Đường kính 6,5mm, chiều dài từ ≤ 15 đến ≥ 60 mm.		
203	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài liền khối, phủ HA toàn bộ	Bộ	10	-	57.500.000	575.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chôm khớp bán phần: Kích thước đường kính trong khoảng từ ≤ 38 đến ≥ 60 mm. Cỡ chôm khớp: 22/28mm 2. Chôm khớp 22/28mm: Vật liệu: CoCrMo. Cổ côn: 12/14. Kích thước: Chôm 22 có tối thiểu 3 cỡ S, M, L. chôm 28 có tối thiểu 5 cỡ: S, M, L, XL, XXL 3. Chuôi dài phủ HA toàn bộ. Chất liệu TiAL64V. Lớp phủ bề mặt HA. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ ≤ 170 mm đến ≥ 215 mm. Góc cổ chuôi ≤ 127 độ.	24 tháng	G7
204	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng thay lại, chuôi dài phủ HA toàn bộ	Bộ	3	-	69.500.000	208.500.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng, có 3 lỗ bắt vít, lỗ có nút chặn giúp	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bịt kín lỗ khi không sử dụng. Chất liệu: TiAl6V4. Bề mặt dạng thô nhám. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68 mm. 2. Lót ổ cối chất liệu Crosslinked X-HDPE. Kích thước từ ≤ 44 đến ≥ 68 mm. Có gờ chống trật. 3. Chôm khớp chất liệu CoCrMo, hai loại 32 và 36mm. Cổ côn 12/14 4. Chuôi dài phủ HA. Chất liệu Ti6Al4V. Lớp phủ bề mặt HA. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ ≤ 170 đến ≥ 215 mm. Góc cổ chuôi 127 độ. 5. Vít ổ cối Chất liệu TiAl6V4, Tự taro. Đường kính 6,5mm, chiều dài từ ≤ 15 đến ≥ 60 mm.		
205	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi dài dạng mô đun	Bộ	2	-	79.000.000	158.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chôm kép: Chất liệu bên ngoài bằng CoCrMo hoặc tương đương, bên trong bằng nhựa cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương, tối thiểu 20 cỡ từ ≤ 40 đến ≥ 60 mm 2. Chôm: Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương, đường kính 22,2mm và 28mm, cổ đầu 12/14, tối thiểu 4 cỡ 3. Cổ xương đùi: Dạng mô đun, tùy chỉnh 360 độ, tối thiểu 3 loại: có cánh, không	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								cánh và nghiêng chéo, mỗi loại có tối thiểu 3 kích cỡ, chiều dài từ ≤ 50 đến ≥ 70mm 4. Chuôi không xi măng: Dạng mô đun, chất liệu hợp kim titan hoặc tương đương, dài 200 mm, cong, thiết kế dạng hoa khế, đường kính từ ≤ 13 đến ≥ 34mm (bước tăng 1mm) 5. Vít chốt: chất liệu hợp kim titan phủ gồm TiN coating hoặc tương đương, dùng để cố định phần cổ và và thân xương đùi dạng mô đun, sử dụng dụng cụ đo lực		
206	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 2 bóng kép)	Bộ	374	112	59.980.000	22.432.520.000	6.717.760.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 02 kim chọc dò cuống sống (taro) $\geq 7G$, đường kính $\geq 3,6$mm. 2. 01 gói xi măng sinh học gồm: + ≥ 24 g bột gồm (Poly MMA, Poly MA, MMA, Zirconium dioxit, Benzoyl peroxid). + ≥ 10 ml dung dịch pha gồm (MMA, Dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone) 3. 06 kim chọc bơm xi măng độ dài 25cm, thể tích 1,5ml. 4. 02 bộ bóng nong kép cỡ (2x8)mm kèm đồng hồ đo áp lực từ 0 Bar đến 30 Bar. 5. 01 cái bơm áp lực đẩy xi	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								măng từ 0ml đến $\geq 35\text{ml}$.		
207	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	Bộ	594	178	52.450.000	31.155.300.000	9.336.100.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 02 cái Bóng nong thân đốt sống: Bóng nong, thể tích bóng lần lượt 3ml/4ml/6ml tương ứng với các size 10mm/15mm/20mm. Áp suất của bóng nong ≥ 400 psi. Trên đầu bóng có điểm đánh dấu dễ quan sát qua màn tăng sáng kèm 02 bơm áp lực đẩy tay cầm dạng chữ T, thể tích xilanh ≥ 20 ml. 2. 02 cái Kim chọc dò qua đốt sống, cán nhựa, cỡ $\leq 11\text{G}$, dài $\geq 12,5$ cm, kim là loại vào cuống trực tiếp. 3. 01 cái Kim chọc dò tạo đường hầm vào thân đốt sống dạng mũi khoan dài ≥ 19 cm, đóng tiết trùng. 4. 06 cái Kim chọc bơm xi măng vào thân đốt sống chiều dài $\geq 19,5\text{cm}$, dung tích chứa được $\geq 1,5\text{cc}$ xi măng. 5. 01 cái Kim chọc sinh thiết xương đường kính $\leq 15\text{G}$, dài $\geq 19\text{cm}$. 6. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng loại có tay quay, dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml. 7. 01 gói xi măng gồm: 01 gói xi măng có độ nhớt thấp	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								(low viscosity), khối lượng xi măng $\geq 20g$ (Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm $\geq 10ml$ dung dịch pha (Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone).		
208	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua da có bóng loại bóng cong đi kim một bên	Bộ	308	92	57.000.000	17.556.000.000	5.244.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 bộ Bơm áp lực đẩy xi măng. Có thể điều chỉnh áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại; 2. 01 gói Xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C ngăn làm chết mô xương, tự cứng với nồng độ chất phản quang cao cho phép trực quan hóa hoàn hảo. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn để nhồi. 3. 01 cái Bóng nang dạng	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								cong, chiều dài bóng có tối thiểu 3 cỡ từ $\leq 18\text{mm}$ đến $\geq 26\text{mm}$, đường kính bóng nong $3,2\text{mm}$, chiều dài ống ngoài $235 \pm 10\text{mm}$, dung tích định mức bóng: 4ml và 6ml, dung tích bơm phòng tối đa: 7ml và 9ml. 4. 01 cái Xi lanh bơm phòng bóng đo áp lực bằng đồng hồ hiển thị Analog, dung tích 20ml, chịu được áp suất tối đa 30ATM. 5. 01 cái Kim chọc dò dài 130mm, đường kính ngoài $4,2\text{mm}$, đường kính trong $3,7\text{mm}$. 6. 01 cái Kim chọc khoan dạng cong: dài $162 \pm 5\text{mm}/166 \pm 5\text{mm}$, đường kính $3,8 \pm 0,3\text{mm}$. 7. 01 cái Kim chọc bơm xi măng dạng cong chất liệu PEEK: có đường kính ngoài $3,5\text{mm}$, đường kính trong $2,9\text{mm}$, phần kim cong dài có tối thiểu 3 cỡ từ $\leq 22\text{mm}$ đến $\geq 26\text{mm}$, tổng chiều dài phần kim là $161 \pm 5\text{mm}/165 \pm 5\text{mm}$		
209	Bộ bơm xi măng cột sống loại không bóng sử dụng xi măng độ nhớt cao	Bộ	528	158	19.790.000	10.449.120.000	3.126.820.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng: dạng súng và tháo lắp nhanh, dung tích $\geq 15\text{ml}$, ống bơm xi măng có đầu kết nối	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bằng thép không gỉ, bộ trộn xi măng loại tay quay dạng kín, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng và 4 xi lanh loại 5ml. 2. 02 cái Kim chọc dò cán nhựa, dạng tay cầm công thái học, gồm tối thiểu 2 loại chiều dài 10cm và 15cm. Kim là loại mũi vát. 3. 01 gói xi măng gồm: Xi măng xương cột sống, bao gồm: - Xi măng xương có độ nhót cao chứa 40% ZrO₂. + Thành phần: PoliMethyl MetaAcrylate, Zirconium Oxide, Benzoyl peroxid. + Khối lượng xi măng: 20g. - Dung dịch pha: 10ml dung dịch pha. Nhiệt độ đông cứng trong khoảng < 67,5 độ C, sẵn sàng để sử dụng trong 1 phút sau khi trộn.		
210	Kim đốt lạnh sóng cao tần	Bộ	330	99	25.300.000	8.349.000.000	2.504.700.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Kim đốt làm mát tích hợp bộ dây dẫn nước để làm mát đầu đốt kết nối với máy chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần dài cỡ ≥ 50mm và ≤ 150mm, đường kính cỡ 17G. 2. 01 tấm điện cực trung tính loại kẹp dán bệnh nhân.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
211	Bộ kim đốt sóng cao tần	Bộ	330	99	15.800.000	5.214.000.000	1.564.200.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 02 Kim đốt chức năng điều trị giảm đau bằng sóng cao tần dài cỡ $\geq 50\text{mm}$ và $\leq 150\text{mm}$, đường kính các cỡ từ 18-22G 2. 01 Kim chọc dò cân quang dài cỡ $\geq 50\text{mm}$ và $\leq 150\text{mm}$, đường kính các cỡ từ 18-22G, đầu hoạt động 5/10mm 3. 01 tấm điện cực trung tính loại kẹp dẫn bệnh nhân.	24 tháng	Không yêu cầu
212	Dẫn lưu dịch não tủy ngoài kiểu tiêu chuẩn kèm catheter dẫn lưu não thất	Bộ	5	1	6.000.000	30.000.000	6.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Van chống trào ngược, có cổng lấy mẫu, vent/ống lọc khí kháng khuẩn. Khóa 4 chiều. Thê tích buồng dẫn lưu nhỏ giọt $\geq 50\text{ml}$, thê tích túi dẫn lưu $\geq 700\text{ml}$. Thang đo áp lực theo cmH20 và mmHg. 2. Catheter não thất dài $\geq 20\text{cm}$, có tối thiểu 2 loại đường kính ngoài: 2,5mm và 3,0mm, có dụng cụ đặt thả catheter $\geq 26\text{cm}$.	24 tháng	G7
213	Miếng vá màng cứng cỡ 2,5x2,5cm, tự dính	Cái	2	-	3.800.000	7.600.000	-	- Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 2,5 x 2,5cm		
214	Miếng vá màng cứng cỡ 2,5x7,5cm	Cái	2	-	7.300.000	14.600.000	-	- Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 2,5 x 7,5cm	24 tháng	G7
215	Miếng vá màng cứng cỡ 5x5cm	Cái	2	-	8.400.000	16.800.000	-	- Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc tương đương, toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc kích thước 50-150 micron. - Tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng - Công nghệ tự dính, không cần khâu - Kích thước: 5 x 5cm	24 tháng	G7
216	Miếng vá màng cứng cỡ 2,5x2,5cm	Miếng	9	2	2.350.000	21.150.000	4.700.000	- Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid, Porcine Gelatin hoặc tương đương - Có khả năng tự tiêu hoàn toàn trong vòng khoảng 12 tháng - Chồng dính với mô não - Một miếng nhưng có thể sử dụng 2 cách: Tự dính hoặc khâu. - Kích thước khoảng 2,5cm x	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								2,5cm		
217	Miếng vá màng cứng cỡ 6x8cm	Miếng	20	6	6.500.000	130.000.000	39.000.000	- Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid, Porcine Gelatin hoặc tương đương - Có khả năng tự tiêu hoàn toàn trong vòng khoảng 12 tháng - Chống dính với mô não - Một miếng nhưng có thể sử dụng 2 cách: Tự dính hoặc khâu. - Kích thước khoảng 6x8cm	24 tháng	Không yêu cầu
218	Vật liệu cầm máu tự tiêu cỡ 5,0 x 5,0cm	Miếng	55	16	595.000	32.725.000	9.520.000	- Vật liệu cầm máu dạng vải không dệt tự tiêu được làm từ cellulose hoặc tương đương, kết cấu không dệt nhiều lớp - Kích thước: 5,0 x 5,0cm - Số lớp: ≥ 6 - Có các hình dạng: hình vuông, hình chữ nhật - Tự tiêu 100% trong vòng 7 -14 ngày - Thời gian đạt được sự cầm máu $\leq 64s$ - Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu: $\geq 0,130g$	24 tháng	Không yêu cầu
219	Vật liệu cầm máu tự tiêu cỡ 9 x 8cm	Miếng	60	18	1.320.000	79.200.000	23.760.000	- Vật liệu cầm máu dạng vải không dệt tự tiêu được làm từ cellulose hoặc tương đương, kết cấu không dệt nhiều lớp - Kích thước: 9,0 x 8,0cm - Số lớp: ≥ 6 - Có các hình dạng: hình vuông, hình chữ nhật - Tự tiêu 100% trong vòng 7 -14 ngày - Thời gian đạt được sự cầm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								máu ≤ 64s - Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu: ≥ 0,130g		
220	Lưỡi cắt sọ, dạng xoắn	Cái	60	18	3.890.000	233.400.000	70.020.000	- Kích thước 1,8x15mm - Tiệt trùng, dùng 1 lần - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện	24 tháng	G7
221	Lưỡi khoan/cắt tạo hình, rãnh xoắn	Cái	55	16	3.890.000	213.950.000	62.240.000	- Đường kính các cỡ 1,5mm, 2,0mm. - Chiều dài: từ 60mm đến 65mm. - Tiệt trùng, dùng 1 lần - Lưỡi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gập góc có kích thước khác nhau - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện	24 tháng	G7
222	Mũi khoan sọ não tự dừng	Hộp	75	22	3.500.000	262.500.000	77.000.000	- Mũi khoan sọ tự dừng dùng cho độ dày xương sọ là 1mm; 2mm; 3mm - Có các kích cỡ cho người lớn và trẻ em gồm các loại - Đường kính trong/ đường kính ngoài 6,0 mm/9,0 mm; 7,0mm/11,0 mm; 8,0mm/11,0 mm, 11,0mm/14,0 mm - Cơ chế tự dừng (nhả) sớm - Thích hợp với các loại	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								xương đồng đều và không đồng đều. - Hiệu quả cắt bèn bi, dùng với đầu chụp Hudson hoặc tương đương - Tạo ra miếng đệm xương bảo vệ màng cứng. - Có tính năng chống trượt giúp khoan sọ an toàn và thuận tiện. - Có thể khởi động/dừng khi cần hoặc khởi động lại sau khi dừng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE và FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện		
223	Mũi khoan mài phá	Cái	18	5	3.890.000	70.020.000	19.450.000	- Đường kính có tối thiểu 8 cỡ 1,0/1,5/2,0/3,2/4,0/4,8/6,4/7,5mm. - Chiều dài: từ 50mm đến 60mm. - Mũi khoan điều chỉnh độ dài với 8 vị trí khác nhau. - Mũi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gấp góc có kích thước khác nhau. - Chất liệu thép không gỉ Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện	24 tháng	G7
224	Mũi khoan mài đầu kim cương	Cái	27	8	3.890.000	105.030.000	31.120.000	- Mũi khoan mài đầu kim cương	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đường kính có tối thiểu 8 cỡ 0,8/1,0/1,5/2,1/3,3/4,2/5,0/6,0mm. - Chiều dài: từ 50mm đến 60mm. - Mũi khoan điều chỉnh độ dài với 8 vị trí khác nhau. - Mũi đa năng có thể gắn với tất cả đầu chụp thẳng và gập góc có kích thước khác nhau. - Chất liệu thép không gỉ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE, FDA - Tương thích với máy khoan xương Velocity Alpha tại bệnh viện		
225	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng sứ/sứ	Bộ	38	11	69.470.000	2.639.860.000	764.170.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim titan. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. 2. Lớp lót: chất liệu Ceramic. Gồm tối thiểu các đường kính 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. 3. Chôm khớp: chất liệu Ceramic. Kích thước: cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chôm khớp 28mm tương thích với ổ cối 44-46mm. Chôm khớp 32mm tương thích với ổ cối 46-50mm. Chôm khớp 36mm tương thích với ổ cối 50-	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								68mm. Chôm 40mm tương thích với ổ cối 54-68mm. 4. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm $\pm$ <5% (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm $\pm$ <5% (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm $\pm$ <5%, offset dọc 29 mm $\pm$ <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm $\pm$ <5%. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ $\leq$ 15 - $\geq$ 50mm, bước tăng 5mm.		
226	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng CoCr on PE	Bộ	16	4	55.000.000	880.000.000	220.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm $\pm$ <5% (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm $\pm$ <5% (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm $\pm$ <5%, offset dọc 29 mm $\pm$ <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm $\pm$ <5%. 2. Ổ cối chất liệu hợp kim	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Titan. Có tối thiểu 10 cỡ ổ cối đường kính ≤ 44 đến ≥ 62mm (bước tăng 2mm). 3. Chôm hợp kim CoCr, đường kính 28/32/36mm. Chôm khớp 28mm tương thích với ổ cối 44-46mm. Chôm khớp 32mm tương thích với ổ cối 46-50mm. Chôm khớp 36mm tương thích với ổ cối 50-68mm. 4. Lớp lót polyethylene cao phân tử liên kết ngang, có tối thiểu các đường kính 28/32/36 mm. 5. Vít xương xóp tự taro chất liệu Titan, đường kính trong khoảng từ 6,0 đến 6,5mm		
227	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng CoCr on PE có vitamin E	Bộ	20	6	55.000.000	1.100.000.000	330.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titan. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ ≤ 44mm đến ≥ 68mm bước tăng 2mm. 2. Lớp lót: chất liệu Polyethylene có bổ sung vitamin E. 3. Chôm khớp: Cobalt Chrome. 4. Chuôi xương đùi không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ-thân dao động trong khoảng 125 - 130 độ, có tối thiểu 16 cỡ,	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								dài từ $\leq 115\text{mm}$ đến $\geq 160\text{mm}$ tương ứng với độ rộng bề ngang: $22,8\text{mm}$ đến $43,5\text{mm}$. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 đến $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm .		
228	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng BioloX Ceramic on XPE, có vitamin E, chỏm 28/32/36mm	Bộ	69	20	63.800.000	4.402.200.000	1.276.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA tối thiểu $0,08\text{mm}$. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm . Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. 2. Lớp lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lớp lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chỏm khớp: chất liệu Ceramic BioloX Delta. Kích thước: 28mm (-2,5/+1/+4), 32mm (-3/+1/+5/+8), 36mm (-3/+1/+5/+9) với taper 12/14. 4. Chuôi xương đùi không xi măng: loại cổ định đầu gần, cổ trơn, chất liệu Titanium	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Độ rộng bề ngang từ $\leq 23\text{mm}$ đến $\geq 43\text{mm}$. Góc cổ khoảng 130 độ với đầu taper 12/14. Có 2 sự lựa chọn: offset thông thường có tối thiểu 16 cỡ chiều dài từ $\leq 115\text{mm}$ - $\geq 160\text{mm}$ và offset dài có tối thiểu 15 cỡ dài từ ≤ 120 - $\geq 160\text{ mm}$. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 - $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm.		
229	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, CoCr on XPE có vitamin E, chỏm 28/32/36mm	Bộ	5	1	73.500.000	367.500.000	73.500.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối không xi măng: chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA tối thiểu 0,08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có tối thiểu 13 cỡ từ $\leq 44\text{mm}$ - $\geq 68\text{mm}$ bước tăng 2mm. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. 2. Lót lót: chất liệu Polyethylene Crosslink có bổ sung vitamin E. Lót lót có tối thiểu 2 dạng 0 độ và 20 độ. Đường kính trong gồm tối thiểu các loại 28mm, 32mm, 36mm. 3. Chỏm khớp: chất liệu	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Cobalt Chrome. Kích thước 28mm (-3mm; +0mm; +2,5mm; +5mm; +7,5mm; +10mm), 32mm (-3mm; +0mm; +2,5mm; +5mm; +7,5mm; +10mm) và chỏm 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm). 4. Chuôi dài không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. Dạng hình nêm 3 chiều chống xoay và cổ trơn, phun Titanium Plasma nhám toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài khoảng 180mm và dạng cong có chiều dài khoảng 230mm với tối thiểu 7 cỡ đường kính đầu xa từ $\leq 11\text{mm}$ - $\geq 18\text{mm}$ mỗi bên trái, phải. 5. Vít ổ cối: chất liệu Titanium, dài từ ≤ 15 - $\geq 50\text{mm}$, bước tăng 5mm.		
230	Bộ khớp háng toàn phần không xi 2 trục linh động chỏm sứ	Bộ	62	18	78.750.000	4.882.500.000	1.417.500.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chuôi khớp: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm $\pm <5\%$ (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm $\pm <5\%$ (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm $\pm <5\%$, offset dọc 29	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								mm ± <5%. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm ± <5%. Phần nhám thân chuôi ≥ 2 lớp phủ. Lớp phủ trong chất liệu Titanium phun plasma chân không. Lớp phủ ngoài chất liệu Calcium phosphate cấu trúc vi tinh thể (20µm ± <5%). 2. Ổ cối: Chất liệu hợp kim Titan hoặc tương đương. Có tối thiểu 10 cỡ ổ cối, đường kính từ ≤46mm đến ≥68 mm. Ổ cối 46/48/50mm dùng lót 35mm; ổ cối 50-54mm dùng lót 40mm; ổ cối 54-58mm dùng lót 42,5mm; ổ cối 60-68mm dùng lót 45mm. 3. Lớp lót: Chất liệu CoCr hoặc tương đương. Có tối thiểu 4 cỡ, tương ứng đường kính 35/40/42,5/45mm ± <5%; 4. Lớp đệm: Chất liệu polyethylenen hoặc tương đương, có bổ sung Vitamin E. Có tối thiểu 4 cỡ, tương ứng đường kính 35/22; 40/28; 42,5/28; 45/28mm ± <5%; 5. Chôm khớp: Chất liệu sứ hoặc tương đương. Đường kính 28mm (-3,5; 0; + 3,5mm) 6. Vít ổ cối: Chất liệu: Titan		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								hoặc tương đương. Đường kính 6,5mm ± <5%, chiều dài từ 15 - 65mm (bước tăng 5mm) hoặc hơn.		
231	Khớp háng toàn phần không xi măng, phủ HA plasma	Bộ	22	6	56.150.000	1.235.300.000	336.900.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu Hợp kim Titanium, bề mặt chuôi được hoàn thiện bằng lớp phủ kép 300µm Titanium tinh khiết và 50µm Hydroxyapatite với công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 12 cỡ, chiều dài chuôi từ 108,3mm đến 163,2mm. Góc cổ chuôi 127°/135° với offset trong từ 38,7mm đến 52,7mm và chiều dài thân cổ nằm trong từ 38,9mm đến 50,0mm. 2. Chỏm xương đùi vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (- 2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500µm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70mm với mỗi	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bước tăng 2mm; Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp. 4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ. 5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.		
232	Khớp háng toàn phần không xi măng, phủ titan plasma	Bộ	22	6	53.500.000	1.177.000.000	321.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gần, bề mặt được hoàn thiện với 500 µm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20 mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°. 2. Chỏm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (-2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500µm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp. 4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ. 5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.		
233	Khớp háng toàn phần không xi măng, phủ titan plasma có Vitamin E	Bộ	20	-	62.500.000	1.250.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gần, bề mặt được hoàn thiện với 500 µm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								2. Chôm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (-2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5;+7,0). 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500µm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42 đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp. 4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu Crosslinked PE có kết hợp Vitamin E, gờ chống trật 0 độ, 10 độ, 20 độ. 5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài từ 20mm đến 60mm.		
234	Bộ khớp háng toàn phần không xi ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp	Bộ	113	33	66.000.000	7.458.000.000	2.178.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114µm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ □	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								≤42mm - ≥□ 68mm. 2. Lót đệm bằng Polyethylene A-Class, liên kết ngang, có bờ chống trật, 0° và 15° 3. Chôm chất liệu Cobalt Chrome Non Super Finish các cỡ 28mm, (-3,5; 0; +3,5; +7); 32mm, (-3,5; 0; +3,5; +7); 36mm, (-3,5; 0; +3,5; +7) 4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Có rãnh ngang . Đầu chuôi xa thon tròn. Góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135 độ. Thân chuôi có tối thiểu 10 cỡ ≤1 - ≥10. Chiều dài chuôi bên trong tối thiểu 10 cỡ ≤107- ≥ 157mm; chiều dài chuôi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ ≤ 125- ≥175mm. 5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. 6. Mũi khoan ổ cối mô ít xâm lấn 7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mô ít xâm lấn. Sử dụng kỹ thuật mô ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp		
235	Bộ khớp háng toàn phần không xi chôm Ceramic, ít xâm lấn, bảo tồn	Bộ	143	42	74.000.000	10.582.000.000	3.108.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	bao cơ và không cắt bao khớp							thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114µm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ □ ≤42mm - ≥□ 68mm. 2. Lót đệm bằng Polyethylene A-Class, liên kết ngang, có bờ chống trật, 0⁰ và 15⁰ 3. Chôm Ceramic Biolox Delta các cỡ 28mm (-3,5; 0; +3,5); cỡ 32mm, 36mm và 40mm (-4; 0; +4) 4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Có rãnh ngang. Đầu chuôi xa thon tròn. Góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135 độ. Thân chuôi có tối thiểu 10 cỡ ≤1 - ≥10. Chiều dài chuôi bên trong tối thiểu 10 cỡ ≤107- ≥ 157mm; chiều dài chuôi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ ≤ 125- ≥175mm. 5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. 6. Mũi khoan ổ cối mổ ít xâm lấn 7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mổ ít xâm lấn. Sử dụng kỹ thuật mổ ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
236	Bộ khớp háng toàn phần không xi Ceramic on Ceramic, ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp	Bộ	88	26	86.940.000	7.650.720.000	2.260.440.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối: Titanium, ổ cối có thể tùy chọn số lượng lỗ bắt vít, tối đa 3 lỗ. Bề mặt gồm các hạt titan liên kết. Độ xốp 30% - avg. Kích thước lỗ 114µm. Rìa ổ cối loe 14 độ. Có các cỡ tối thiểu 14 cỡ □ ≤42mm - ≥□ 68mm. 2. Lót Ceramic BioloX Delta Rim-Lock các cỡ 28mm; cỡ 32mm; cỡ 36mm; cỡ 40mm 3. Chôm Ceramic BioloX Delta các cỡ 28mm (-3,5; 0; +3,5); cỡ 32mm, 36mm và 40mm (-4; 0; +4) 4. Chuôi cổ liền, chất liệu Titanium Alloy (Ti6Al4V), phun HA cả chuôi, độ dày lớp phủ 180 ± 50 micromet. Có rãnh ngang. Đầu chuôi xa thon tròn. Góc cổ chuôi động có thể điều chỉnh góc nghiêng 135 độ. Thân chuôi có tối thiểu 10 cỡ ≤1 - ≥10. Chiều dài chuôi bên trong tối thiểu 10 cỡ ≤107- ≥ 157mm; chiều dài chuôi bên ngoài tối thiểu 10 cỡ ≤ 125- ≥175mm. 5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. 6. Mũi khoan ổ cối mô ít xâm lấn 7. Ống trocar dẫn đường cho dụng cụ mô ít xâm lấn.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Sử dụng kỹ thuật mổ ít xâm lấn, bảo tồn bao cơ và không cắt bao khớp		
237	Bộ Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi khớp bằng thép không gỉ đánh bóng, chỏm CoCr, góc cổ CCD nghiêng 125 độ	Bộ	12	-	41.900.000	502.800.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. 01 Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp: lớp ngoài làm bằng thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong làm bằng Polyethylene cao phân tử UHMWPE, tối thiểu 19 size $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 57\text{mm}$. 2. 01 Chỏm khớp Chất liệu Cobalt-chromium-molybdenum alloy. 3. 01 Chuôi chất liệu hợp kim Ti6Al4V, thân phủ xốp bằng plasma hợp kim Titan kích thích mọc xương. Độ bền kéo > 22MPa, độ bền cắt > 22MPa, bề mặt phủ dày 195-255 micron. Cổ côn 12/14. Góc cổ nghiêng 132 độ, có tối thiểu 13 kích thước (size): từ ≤ 0 đến ≥ 12 với chiều dài cả chuỗi tương ứng từ $\leq 128\text{mm}$ đến $\geq 163\text{mm}$, chiều dài đoạn phủ xốp từ $\leq 54\text{mm}$ đến $\geq 76\text{mm}$. Loại cổ offset Standard dài từ $\leq 35,6\text{mm}$ đến $\geq 50,5\text{mm}$, chiều cao cổ chuỗi tối thiểu 5 cỡ từ $\leq 11,4\text{mm}$ đến $\geq 16,1\text{mm}$, chiều dài cổ chuỗi tối thiểu 5 cỡ từ $\leq 35,7\text{mm}$ đến $\geq 43,6\text{mm}$.	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
238	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	-	39.600.000	792.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chôm bán phần: Chất liệu CoCr hoặc tương đương, đường kính từ ≤ 40 đến ≥ 60 mm. 2. Chôm xương đùi: Chất liệu CoCr. Kích thước $22 \pm 0,2$ mm/28mm 3. Chuôi xương đùi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V), phủ cpTi/HA hoặc HA hoặc TPS hoặc tương đương. Có tối thiểu 11 cỡ chuôi, độ dài bờ ngoài từ 110 - 130 mm $\pm < 5\%$ (bước tăng 2mm), bờ trong từ 90 - 110 mm $\pm < 5\%$ (bước tăng 2mm). Offset ngang từ 35 - 40 mm $\pm < 5\%$, offset dọc 29 mm $\pm < 5\%$. Góc cổ-thân trong khoảng 125 - 130 độ. Cổ chuôi liền thân, chiều dài cổ 32 mm $\pm < 5\%$.	24 tháng	G7
239	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài TiAl6V4 phủ HA, kiểu chuôi lắp ghép Modular	Bộ	7	2	69.000.000	483.000.000	138.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chôm khớp: Vật liệu CoCrMo/UHMWPE/ Implantsteel. Kích thước: ≤ 38 mm - ≥ 60 mm. Cỡ head: $22 \pm 0,2$ mm; 28mm 2. Chôm khớp $22 \pm 0,2$ mm/28mm: Vật liệu CoCrMo. Cổ côn: 12/14.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Kích thước: Chôm 22±0,2mm có tối thiểu 3 cỡ, chôm 28 có tối thiểu 5 cỡ 3. Chuôi dài khớp háng không xi măng: Vật liệu TiAL6V4. Cỗ côn 12/14. Kiểu chuôi lắp ghép Modular bao gồm Vít chốt khóa cổ chuôi: Có tối thiểu 4 cỡ; Cỗ chuôi khớp: Có tối thiểu 4 cỡ tương đương chiều dài 42, 48, 58, 68mm. Bề mặt phủ HA hoặc titanium. Thân chuôi: đường kính từ 13-20mm, dài 142, 172, 212mm		
240	Bộ khớp háng bán phần chuôi dài không xi măng phủ nhám plasma	Bộ	110	33	39.790.000	4.376.900.000	1.313.070.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chôm bán phần: Chất liệu mặt ngoài bằng Cobalt Chrome/thép không gỉ High Nitrogen, lớp lót PE Crosslink/Polyethylene cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương. Đường kính trong 22,2mm và 28mm. Đường kính ngoài từ ≤ 38mm đến ≥ 56mm. 2. Chôm xương đùi: Chất liệu Cobalt Chrome hoặc tương đương. 3. Chuôi xương đùi không xi măng: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương, phun Titanium Plasma nhám. Góc cổ-thân dao động trong khoảng 125 -	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								130 độ, có tối thiểu 16 cỡ, dài từ $\leq 115\text{mm}$ đến $\geq 160\text{mm}$ tương ứng với độ rộng bề ngang: 22,8mm đến 43,5mm.		
241	Bộ khớp gối toàn phần lõi cầu xương đùi CoCr, mâm chày 6 kích cỡ phân biệt trái, phải	Bộ	22	6	57.120.000	1.256.640.000	342.720.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lõi cầu xương đùi: chất liệu CoCr với tối thiểu 12 cỡ. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: 47, 51, 54, 58, 61, 65, 70, 75mm. Lõi cầu sau có bề dày 9,5mm/11,5mm 2. Mâm chày: Chất liệu titanium với tối thiểu 6 kích cỡ riêng biệt trái, phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6. Chiều trước sau các cỡ: 42, 45, 48, 50, 52, 54mm. Chiều trong ngoài: 60, 64, 68, 71, 74, 77mm. Bề dày 2,3mm, độ dốc 3 độ 3. Đĩa đệm mâm chày: với tối thiểu 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE 4. Bánh chè: Đường kính: $\geq 23, \leq 35\text{mm}$; gồm tối thiểu 5 cỡ, độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chốt 5. Xi măng xương không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44,0g bột có chứa 38,3g Poly-(methyacrylate, methyl methacrylate), 5,3g	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								zirconium dioxide, 0,4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18,4g Methyl methacrylate, 0,4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.		
242	Bộ khớp gối toàn phần có xi công nghệ cân bằng đẳng cự	Bộ	99	29	70.000.000	6.930.000.000	2.030.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lòai cầu chất liệu CoCr có tối thiểu 7 cỡ với tỉ lệ trước/sau, trong ngoài lần lượt là: 55,7/62; 59/65; 62,3/68; 65,4/71; 68,6/74; 71,7/77,5; 74,9/81 mm ± <5%.. 2. Mâm chày chất liệu hợp kim CoCr, phủ bóng, có cơ chế khóa tiên tiến làm giảm thiểu vi chuyển động tới ≥25%, có thể xoay ≥15 độ khi duỗi, xoay ≥25 độ khi gấp, có tối thiểu 8 cỡ. 3. Lớp đệm mâm chày chất liệu UHMWPE polyethylene. Có tối thiểu 8 cỡ, mỗi cỡ có các độ dày là 9; 10; 11; 12; 14; 16; 18; 20mm ± <5%. 4. Bánh ché có tối thiểu 5 cỡ, độ dày tương ứng là 7,5/8/8,5/9/9,5mm ± <5%.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								5. Xi măng có kháng sinh gồm: thành phần bột xi: Poly (methylacrylate/methylmethacrylate): 33 g ± <5%; Zirconium dioxide: 6 g ± <5%; Benzoyl peroxide: 0,3 g ± <5%; Gentamicin (Sulfate / Base): 0,8g/ 0,5g ± <5%; thành phần chất dẫn: Methylmethacrylate: 20ml ± <5%; Hydroquinone: 60 ppm ± <5%; N,N-dimethyl-p-toluidine: 0,38ml ± <5%.		
243	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn xương	Bộ	234	70	54.000.000	12.636.000.000	3.780.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lòai cầu: chất liệu Cobalt Chrome, khả năng gấp tối đa ≥ 143 độ, tối thiểu 8 size trái phải, độ rộng trong ngoài: từ ≤ 59mm - ≥ 80mm và độ rộng trước sau từ ≤ 52mm - ≥ 75mm. 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/Titanium Alloy, chiều dài chuôi từ ≤ 35mm - ≥ 41mm, có tối thiểu 8 cỡ, độ rộng trong ngoài: từ ≤ 59mm - ≥ 80mm và độ rộng trước sau từ ≤ 52mm - ≥ 64mm. 3. Lớp đệm: chất liệu Polyethylene cao phân tử, độ dày tối thiểu 4 size ≤ 10mm đến ≥ 17mm 4. Xi măng xương.	24 tháng	G7
244	Bộ khớp gối toàn	Bộ	22	6	59.500.000	1.309.000.000	357.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	phần có xi cố định có Vitamin E							cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lõi cầu: Vật liệu hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum. Có 10 cỡ mỗi bên trái và phải Độ gập tối đa 145 độ. Các cỡ 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 tương đương với bề rộng trong ngoài M/L lần lượt là 57,5/60/62,5/65/67,5/70/72,5/75/77,5/80mm, bề rộng trước sau 51/52,5/54,5/56,5/59,5/62,5/65,5/68,5/71,5/75mm. Mặt ngoài được đánh bóng gương độ nhám Ra ~ 0,01 µm, mặt trong bề mặt cấy ghép phủ nhám corundum (độ nhám Ra > 6 µm) và có rãnh để tối ưu hóa độ bám dính của xi măng. 2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium. Có 10 cỡ, không phân biệt trái-phải. Độ rộng trong ngoài mặt mâm chày từ 57 mm đến 92 mm, độ rộng trước sau mặt mâm chày: từ 37 mm đến 60 mm. Mặt ngoài được đánh bóng gương độ nhám Ra ~ 0,01 µm, mặt trong bề mặt cấy ghép phủ nhám corundum. 3. Lớp đệm mâm chày: Chất liệu Polyethylene cao phân tử		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								bổ sung vitamin E. Thiết kế nghiêng 5 độ. Gồm 5 kích cỡ, độ dày từ 9mm đến 20mm. 4. Bánh chèo: Chất liệu UHMWPE kết hợp Vitamin E. Đường kính từ 28mm đến 38mm, gồm tối thiểu 6 cỡ, bước tăng 2mm. 5. Xi măng sinh học chứa kháng sinh Gentamicin.		
245	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn dây chằng chéo	Bộ	5	1	51.300.000	256.500.000	51.300.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: Khớp gối toàn phần bảo tồn dây chằng chéo, khả năng gấp tối đa 152 độ. 1. Lòai cầu: chất liệu Cobalt Chrome. Độ di chuyển lòai cầu từ -45 độ đến 100 độ. Có tối thiểu 8 size trái phải với độ dày khác nhau. Chiều dài tối thiểu 8 size ≤ 59 đến ≥ 80 mm, chiều rộng tối thiểu 8 size ≤ 51 mm đến ≥ 76 mm. 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/ Titanium Alloy, có 8 size chuẩn và 3 size cộng. Chiều dài mâm chày tối thiểu 8 size ≤ 54 mm đến ≥ 86 mm. Chiều rộng mâm chày tối thiểu 9 size ≤ 40 mm đến ≥ 64 mm. Chiều dài đuôi tối thiểu 3 size ≤ 31 mm đến ≥ 41 mm. 3. Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								từ. Có 8 size chuẩn và 2 size cộng, độ dày tối thiểu 4 size $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 17\text{mm}$. 4. Xi măng có kháng sinh được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer 14,4g vô trùng và một gói bột polymer 41g bọc vô trùng 2 lớp.		
246	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương	Bộ	2	-	54.000.000	108.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Phần xương đùi: hợp kim Cobalt Chromium Alloy, kích thước 16x40mm, 17x46mm, 18x52mm, 20x60mm, thiết kế các lồi cầu phù đều bề mặt 2. Phần xương chày: thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài, có tối thiểu 2 loại: - Loại kim loại mặt dưới hoặc tương đương, dày (8,9,11,13mm) và đường kính $\leq 45\text{mm}$ đến $\geq 55\text{mm}$, lồi cầu phù đều bề mặt - Loại toàn phần PE hoặc tương đương, dày (7,9,11,13mm) và đường kính $\leq 45\text{mm}$ đến $\geq 58\text{mm}$	24 tháng	G7
247	Khớp gối toàn phần có Vitamin E	Bộ	22	6	74.500.000	1.639.000.000	447.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lồi cầu: vật liệu hợp kim CrCoMo, bề mặt được hoàn thiện lớp phủ TiNbN, độ dày lớp phủ $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$, có tác	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể. Độ cứng >2000 HV Độ rộng trong ngoài từ 60 mm đến 77,5 mm, độ rộng trước sau: từ 52,5 mm đến 71,5mm. 2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, gồm 7 cỡ. Bề mặt được hoàn thiện bằng lớp phủ TiNbN. độ dày lớp phủ, $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$, có tác dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể Độ rộng trong ngoài mặt mâm chày từ 63 mm đến 84 mm, độ rộng trước sau: từ 40 mm đến 54mm" 3. Lớp đệm mâm chày: Vật liệu UHMW PolyEthylene kết hợp Vitamin E chống oxi hóa, lớp lót xoay UC được thiết kế làm tăng sự ổn định khớp ngay cả khi không có khi không có dây chằng chéo sau (PCL). Có 8 cỡ 5,6,7,8,9,10,11,12 mỗi cỡ tương ứng các độ dày khác nhau (mm). 4. Bánh chèn: Vật liệu UHMW PolyEthylene với 6 kích cỡ: 28 mm, 30 mm, 32 mm, 34 mm, 36 mm, 38 mm. 5. Xi măng sinh học có		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								kháng sinh Gentamicin ngăn ngừa nhiễm trùng.		
248	Khớp vai toàn phần không xi măng	Bộ	7	2	133.000.000	931.000.000	266.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi cánh tay không xi măng: vật liệu Ti6Al4V hoặc tương đương, dài 60-80mm, đường kính x chiều dài = 11x60mm; 12x60mm; 13x60mm; 14x80mm; 15x80mm; 16x80mm; 17x80mm; 18x80mm; 19x80mm; 20x80mm; 21x80mm; 22x80mm; 23x80mm, 24x80mm 2. Cổ chuôi: vật liệu Ti6Al4V cùng với vít khóa 3. Lớp đệm: vật liệu Polyethylene cao phân tử (UMHWPE) thiết kế theo độ dày 0 (STD); +3mm; +6mm 4. Ổ chảo: vật liệu hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA, có tối thiểu 4 kích cỡ Small - R (SR); Small (S); Standard (STD); Large (L) 5. Chôm ngược: vật liệu CoCrMo, đường kính 36mm, 2 loại đồng tâm và lệch tâm 6. Vít xương: vật liệu Ti6Al4V, đường kính 6,5mm dài ≤20 đến ≥ 40mm, bước tăng là 5mm	24 tháng	G7
249	Chỉ thép mềm	Cuộn	53	15	210.000	11.130.000	3.150.000	- Đường kính từ 0,4mm đến 0,9mm - Chiều dài: 5m/cuộn;	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ.		
250	Mũi khoan xương các loại đường kính, thép không gỉ	Cái	372	-	940.000	349.680.000	-	Đường kính từ 1,1- 4,1mm, chất liệu thép không gỉ	24 tháng	Không yêu cầu
251	Ximăng sinh học không kháng sinh, độ nhớt thấp	Gói	69	20	7.000.000	483.000.000	140.000.000	Đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9,2g và một gói 25,8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp. Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt cực thấp dưới 45 độ C	24 tháng	Không yêu cầu
252	Ximăng sinh học có kháng sinh	Gói	69	20	3.000.000	207.000.000	60.000.000	Xi măng xương có kháng sinh gentamicin (0,55g gentamicin/40g bột). Bột xi măng chất liệu Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulphate), Poly-(methacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu colorant E141 hoặc tương đương Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu E141. Chứa chất tạo màu chlorophyll (E141) hoặc tương đương	24 tháng	G7
253	Đĩa đệm cột sống cổ các cỡ	Chiếc	110	33	60.000.000	6.600.000.000	1.980.000.000	Cấu tạo: 2 đĩa ở đầu trên và dưới bằng titanium, phần lõi ở giữa bằng PolyCarbonate Urethane. Phần ngoài của mỗi đĩa có phủ HA. Khả năng gấp trước sau 7°, độ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								ngiêng về hai bên là 5°, khả năng xoay 3,5°. Các cỡ 13x15x5; 13x15x6; 13x15x7; 14x17x5; 14x17x6; 14x17x7; 15x20x5; 15x20x6; 15x20x7, đóng gói tiết trùng		
254	Kim chọc dò cuống sống dùng cho xi măng có bóng	Cái	22	-	1.500.000	33.000.000	-	Kim chọc dò phần kim làm bằng thép không gỉ. Kim chọc dò loại 11G/13G, chiều dài làm việc 125mm, chiều dài tổng 189mm. Kim gồm có 2 phần: kim 13G đường kính nòng 2,0mm, đường kính canula 2,5mm x 2,1mm; kim 11G đường kính nòng 2,5mm, đường kính canula 3,2mm x 2,6mm.	24 tháng	G7
255	Xương ghép nhân tạo loại 5,0cc vật liệu thủy tinh hoạt tính	Gói	610	183	8.900.000	5.429.000.000	1.628.700.000	- Vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 5 cc trong Xi lanh	24 tháng	G7
256	Xương ghép nhân tạo loại vật liệu thủy tinh hoạt tính 10,0cc	Gói	56	-	13.980.000	782.880.000	-	- Vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 10 cc trong Xi lanh	24 tháng	G7
257	Sản phẩm sinh học	Xylanh	7	2	8.550.000	59.850.000	17.100.000	Cấu tạo: từ 50% β-tricalcium	24 tháng	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	thay thế xương dạng bột mềm 2,5cc							phosphate và 50% calcium sulfate. Đóng gói 5cc/gói		
258	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng và làm giàu BMP 2,5cc	Xylanh	731	219	12.000.000	8.772.000.000	2.628.000.000	Thành phần 100% từ xương đồng loại, được khử khoáng và làm giàu yếu tố tăng trưởng BMP. Sản phẩm chứa hơn 20 loại BMP khác nhau đã được kiểm định và nhận dạng trong sản phẩm. Dạng mềm (putty) dung tích 2.5cc đóng trong xy lanh vô trùng. Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA hoặc tương đương	24 tháng	G7
259	Long đen các cỡ, titanium	Cái	56	-	120.000	6.720.000	-	- Chất liệu titanium - Các cỡ dùng cho vít: 4,0; 4,5; 6,5; 7,3 mm	24 tháng	Không yêu cầu
260	Xương ghép nhân tạo 12,5cm3, loại có thể pha kháng sinh	Gói	16	4	14.500.000	232.000.000	58.000.000	- Thành phần: 51,5 % nanocrystalline hydroxyapatite, 48,5 % calcium sulfate - Đóng gói 50 viên kích thước 6x6mm - Thể tích: 12,5cm3 - Công thức pha kháng sinh: Tobramycin, Gentamicin, Rifampicin, Vancomycin	24 tháng	G7
261	Vít xóp rỗng, titan, các cỡ	Cái	124	37	1.270.000	157.480.000	46.990.000	- Chất liệu titanium hợp kim - Đường kính 4,0mm ứng với chiều dài từ ≤25 - ≥70mm với bước tăng 5mm, thân ren bán phần - Đường kính 7,3mm ứng với chiều dài từ ≤50 - ≥120 mm với bước tăng 5mm, thân ren bán phần	24 tháng	Không yêu cầu
262	Vít xóp rỗng nhôm	Cái	22	6	2.800.000	61.600.000	16.800.000	- Chất liệu hợp kim	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	hai tầng ren các cỡ, titan							Titanium. - Đường kính 2,4mm, đường kính lõi 1,9mm, rỗng nòng 1,2mm, thân 2mm. - Chiều dài từ ≤ 10 - ≥ 40mm.		cầu
263	Xương ghép nhân tạo Nano HA 2cc	Hộp	7	2	4.000.000	28.000.000	8.000.000	Thành phần Nanohydroapatite với ≥ 39% HA, đóng tiệt trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 2cc.	24 tháng	G7
264	Xương ghép nhân tạo Nano HA 5cc	Hộp	54	-	7.000.000	378.000.000	-	Thành phần Nanohydroapatite với ≥ 39% HA, đóng tiệt trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 5cc.	24 tháng	G7
265	Xương ghép nhân tạo Nano HA 10cc	Hộp	14	4	13.800.000	193.200.000	55.200.000	Thành phần Nanohydroapatite với ≥ 39% HA, đóng tiệt trùng. Bột xương là loại bơm trực tiếp, có độ nhớt cao, thể tích 10cc.	24 tháng	G7
266	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x15cm)	Miếng	964	289	363.000	349.932.000	104.907.000	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x15cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								chuyên. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm2/24h		
267	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x25cm)	Miếng	132	39	469.000	61.908.000	18.291.000	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x25cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm2/24h	24 tháng	EU
268	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x20cm)	Miếng	946	283	369.000	349.074.000	104.427.000	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x20cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm2/24h		
269	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (10x30cm)	Miếng	200	-	554.000	110.800.000	-	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 10x30cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viền gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm2/24h	24 tháng	EU
270	Sụn nhân tạo kích thước 2 x 2 cm	Miếng	4	-	28.500.000	114.000.000	-	- Cấu trúc 3D, thành phần 100% từ Hyaluronic acid (HA) nguồn gốc phi động vật (được lên men từ tế bào). - Tính tương thích sinh học cao, được hấp thụ tự nhiên	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								vào cơ thể. - Dính kết tự nhiên, không cần dùng chất kết dính - Có thể ứng dụng ghép tại sụn gối, mắt cá chân, ... - Kích thước: 2 x 2 cm		
271	Lưới tạo tổn thương dưới sụn	Cái	2	-	5.000.000	10.000.000	-	- Chiều dài cả lưới: 19,5 - 23 cm $\pm$ 5%; chiều dài phần làm việc: 3 - 4cm $\pm$ 5% - Đầu gấp góc giúp dễ dàng lách vào phần sụn - Độ sâu thâm nhập sụn: tối đa 9 mm $\pm$ 5%; độ rộng thâm nhập sụn: tối đa 6,3 mm ² $\pm$ 5% - Có 2 loại lưới đục cong và thẳng ứng dụng trong đục sụn gối và đục sụn chêm. - Sản phẩm được hấp tiệt trùng.	24 tháng	G7
272	Sụn nhân tạo kích thước 5 x 5 cm	Miếng	2	-	35.000.000	70.000.000	-	- Cấu trúc 3D, thành phần 100% từ Hyaluronic acid (HA) nguồn gốc phi động vật (được lên men từ tế bào). - Tính tương thích sinh học cao, được hấp thụ tự nhiên vào cơ thể. - Dính kết tự nhiên, không cần dùng chất kết dính - Có thể ứng dụng ghép tại sụn gối, mắt cá chân, ... - Kích thước: 5 x 5 cm	24 tháng	G7
273	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn	Cái	2	-	13.500.000	27.000.000	-	Dụng cụ tạo tổn thương dưới sụn gồm: - Tay cầm đục sụn, chiều dài khoảng 21cm $\pm$ 1cm, chiều dài phần gấp góc: khoảng	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								1,5cm ± 5% - Tay bẫy: chức năng rút lưỡi dao cắt sụn, có thể hấp tiết trùng		
274	Gân nhân tạo	Cái	2	-	45.000.000	90.000.000	-	- Vật liệu PET (polyethylene terephthalate) - Dạng sợi không dệt song song xoắn trước. - Chiều dài từ 230 - 475 mm ± 10mm, đường kính từ 4 - 9,5 mm ± 5% - Số lượng sợi nhỏ trong 1 gân: từ 20 - 160 sợi ± 10 sợi.	24 tháng	G7
275	Chốt cố định gân	Cái	2	-	5.000.000	10.000.000	-	- Vật liệu hợp kim Titanium, có khả năng tương thích sinh học cao. - Kích thước: đường kính từ 4,7 - 10mm ± 5%, chiều dài từ 15 - 60 mm ± 5%	24 tháng	G7
276	Neo cố định gân	Cái	2	-	5.000.000	10.000.000	-	Vật liệu hợp kim CoCr, có tối thiểu 3 kích thước 6/8/10mm * 20mm ± 5%	24 tháng	G7
277	Xương sinh học 1cc dạng thủy tinh sinh học	Gói	30	-	4.590.000	137.700.000	-	Dạng thủy tinh sinh học dùng để lấp đầy khoang xương, thành phần bao gồm: SiO2: 45%, CaO: 24,5%, P2O5: 6,0%, Na2O: 24,5% hoặc tương đương. Đóng gói tiết trùng sẵn. Gói dung tích 1cc.	24 tháng	G7
278	Xương nhân tạo 2,5ml dạng dẻo	Gói	12	-	7.100.000	85.200.000	-	- Dạng dẻo, cấu trúc giúp tạo ra ma trận giúp cho sự phát triển xương mới, có tính chất trao đổi ION, hòa tan TCP và kết tủa tinh thể xương tạo ra giao diện hoạt tính sinh học mới với các tế bào xương. - Thành phần bao gồm:	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Calcium Phosphate (HA/ β -TCP) + hydrogel hoặc tương đương. - Đóng gói xi lanh 2,5ml.		
279	Xương nhân tạo 5ml dạng dẻo	Gói	18	-	8.800.000	158.400.000	-	- Dạng dẻo, cấu trúc giúp tạo ra ma trận giúp cho sự phát triển xương mới, có tính chất trao đổi ION, hòa tan TCP và kết tủa tinh thể xương tạo ra giao diện hoạt tính sinh học mới với các tế bào xương. - Thành phần bao gồm: Calcium Phosphate (HA/ β -TCP) + hydrogel hoặc tương đương. - Đóng gói xi lanh 5ml.	24 tháng	G7
280	Xương sinh học 10cc dạng thủy tinh sinh học	Gói	6	-	13.980.000	83.880.000	-	Dạng thủy tinh sinh học dùng để lấp đầy khoang xương, thành phần bao gồm: SiO ₂ : 45%, CaO: 24,5%, P ₂ O ₅ : 6,0%, Na ₂ O: 24,5% hoặc tương đương. Đóng gói tiệt trùng sẵn. Gói dung tích 10cc.	24 tháng	G7
281	Xương nhân tạo 5cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	4.500.000	9.000.000	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 5cc.	24 tháng	G7
282	Xương nhân tạo 10cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	5.800.000	11.600.000	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								(B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 10cc.		
283	Xương nhân tạo 15cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	8.800.000	17.600.000	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 15cc.	24 tháng	G7
284	Xương nhân tạo 20cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	10.500.000	21.000.000	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 20cc.	24 tháng	G7
285	Xương nhân tạo 30cc điều trị thiếu hụt, ổn định cấu trúc xương	Gói	2	-	14.500.000	29.000.000	-	Điều trị thiếu hụt ở các đầu xương, làm ổn định cấu trúc xương. Thành phần gồm khoảng 65% Hydroxyapatite (HA) và 35% beta tricalcium (B-TCP) hoặc tương đương. Kích thước 3x3x3mm. Gói dung tích 30cc.	24 tháng	G7
286	Miếng ghép bù xương lõi cầu, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	11.600.000	23.200.000	-	- Vật liệu Cobalt Chrome - Dạng cạnh tròn cho phần xương lõi cầu sau và dạng cạnh vuông cho phần đầu xa xương đùi đối với cả khoang trong và khoang ngoài. - Độ dày cho khoang trong và khoang ngoài hoặc lõi cầu phía sau xương đùi có kích thước từ 4mm - 16mm trong	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								đó có tối thiểu 2 cỡ 4mm và 8mm.		
287	Miếng ghép bù xương mâm chày, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	11.600.000	23.200.000	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng cạnh tròn khuyết cho cả khoang trong và khoang ngoài. - Độ dày 5mm, 10mm, 15mm cho 6 cỡ khoang trong và khoang ngoài.	24 tháng	Không yêu cầu
288	Chuôi nối dài xương đùi, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	16.160.000	32.320.000	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng thẳng - Độ dài 30mm, 75mm, 100mm, 150mm và 200mm. - Kèm vít chốt đường kính 5mm, độ dài 14mm	24 tháng	Không yêu cầu
289	Chuôi nối dài xương chày, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	12.960.000	25.920.000	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng thẳng hoặc cong - Độ dài 30mm, 75mm, 100mm, 150mm và 200mm đối với chuôi dạng thẳng và 150mm, 200mm đối với chuôi dạng cong.	24 tháng	Không yêu cầu
290	Đầu chuyển trục, dành cho khớp thay lại	Cái	2	-	9.680.000	19.360.000	-	- Vật liệu bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) - Dạng hình nêm, có độ dài 2mm, 4mm, 6mm	24 tháng	Không yêu cầu
291	Miếng dán trị sẹo (4x30cm)	Miếng	200	-	800.000	160.000.000	-	- Băng dán silicone điều trị và ngăn ngừa sẹo lồi, sẹo phì đại cỡ 4x30 cm. - Cấu tạo: Lớp polyurethane bán thấm; Lớp ép sợi viscose; Chất dính silicone tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Không thấm nước. Chỉ số bảo vệ khỏi tia UV (UPF) ở mức 5.		
292	Đĩa đệm cột sống cổ có bắt vít	Cái	12	-	20.000.000	240.000.000	-	Gồm: 1 miếng ghép đĩa đệm + 2 vít - Đĩa đệm: Vật liệu titanium, có 2 lỗ bắt vít với thiết kế hệ thống chống trật vít. Thiết diện bằng 0. Kích cỡ chiều sâu $\leq 12\text{mm}$ đến $\geq 14\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ: 12mm, 14mm) x chiều rộng $\leq 15\text{mm}$ đến $\geq 17\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ: 15mm, 17mm) x chiều cao $\leq 5\text{mm}$ đến $\geq 10\text{mm}$ (có tối thiểu 5 cỡ: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm) - Vít: Vật liệu titanium, đường kính $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 3,5\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ: 3mm, 3,5mm), dài $\leq 12\text{mm}$ đến $\geq 18\text{mm}$ (tối thiểu 4 cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm). Góc của vít so với đĩa đệm là $\geq 35^\circ$. - Độ uốn 7 độ - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	24 tháng	Châu Âu
293	Đĩa đệm động toàn phần cột sống cổ	Cái	3	-	58.000.000	174.000.000	-	Gồm 2 đĩa vật liệu Titanium, phủ Diamolith hoặc tương đương. Mỗi đĩa bề mặt ngoài có ≥ 3 đỉnh chống trượt, chiều cao đỉnh 1,6mm, phủ lớp Titanium. Kích thước: sâu: $\geq 13\text{ mm}$, rộng: $\geq 16\text{ mm}$, cao $\leq 5\text{mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$ (tối thiểu 3 cỡ: 5mm, 6mm, 7mm). Độ gấp ngửa: $\pm 8^\circ$.	24 tháng	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Độ nghiêng mỗi bên: $\pm 8^\circ$. Nhân đệm PE. Đóng gói tiết trùng sẵn.		
294	Dây nước chạy máy trong nội soi	Cái	935	280	1.045.800	977.823.000	292.824.000	Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, chất liệu PVC DEHP-free, Ống dẫn được trang bị cổng UF để kết nối với ống bệnh nhân và một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới được kiểm soát bằng áp suất. Đầu vào kết nối bằng hai đầu nhọn. Có hai khóa kẹp đầu nước vào và 1 khóa kẹp đầu xả, áp suất được kiểm soát bằng ống đo áp suất kết nối với máy bơm. Đạt tiêu chuẩn CE	24 tháng	G7
295	Lưỡi bào khớp	Cái	935	280	4.410.000	4.123.350.000	1.234.800.000	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài $\geq 130\text{mm}$, đường kính tối thiểu 3 cỡ $\leq 3\text{mm} - \geq 5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn CE	24 tháng	G7
296	Đầu đốt đơn cực bằng sóng radio cầm máu	Cái	1.048	314	6.309.000	6.611.832.000	1.981.026.000	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 0,4m, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Đầu đốt cong 90° , Chiều dài làm việc $\geq 150\text{mm}$, chiều dài tay cầm 145mm , đường kính thân $\geq 4,4\text{mm}$. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								Đạt tiêu chuẩn CE		
297	Lưỡi bào (mài) xương trong nội soi khớp	Cái	14	4	4.410.000	61.740.000	17.640.000	Lưỡi mài xương khớp có chiều dài $\geq 130\text{mm}$, các đường kính tối thiểu 2 cỡ $\leq 4\text{mm}$ và $\geq 5,5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn CE	24 tháng	G7
298	Chỉ khâu gân	Cái	924	277	1.260.000	1.164.240.000	349.020.000	Chỉ siêu bền chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt, dài 26mm. Chịu được lực kéo căng $\geq 345\text{N}$, lực kéo thắt nút $\geq 165\text{N}$ Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	24 tháng	G7
299	Vít treo mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	1.602	480	11.440.000	18.326.880.000	5.491.200.000	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vằn Thiết kế cơ chế khóa 3 điểm với nẹp titan 4 lỗ chiều dài 12mm, rộng 3,86mm, dày 0,12 inch giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây bằng chỉ số 5 có thể tự điều chỉnh chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 105\text{mm}$. Lực kéo đạt lên tới $\geq 2100\text{N}$.	24 tháng	EU
300	Vít neo không thắt nút khâu chóp xoay	Cái	1.100	330	10.980.000	12.078.000.000	3.623.400.000	Vít neo không thắt nút khâu chóp xoay gồm 2 phần, phần vít neo chất liệu Biocomposite (PLGA+ β -TCP) và mũi nhòn chất liệu PEEK kèm theo một chỉ siêu bền UHMWPE số 2. Phần vít	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								neo có bước ren đôi, dài 14,7mm, đường kính ngoài 5,5mm, đường kính trong 3,6mm. Phần tip PEEK đường kính 4,2mm, dài 10,5mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.		
301	Vít treo mảng ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Cái	330	99	10.980.000	3.623.400.000	1.087.020.000	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vằn Thiết kế cơ chế khóa 3 điểm với nẹp titan 4 lỗ chiều dài 12mm, rộng 3,86mm, dày 0,12 inch giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây bằng chỉ số 5 có thể tự điều chỉnh chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 105\text{mm}$. Lực kéo đạt lên tới $\geq 2100\text{N}$.	24 tháng	EU
302	Trocar nội soi khớp	Cái	110	33	1.100.000	121.000.000	36.300.000	Ống Trocar nội soi loại có ren hoặc không có ren, đường kính 6,0mm/8,25mm, chiều dài 72mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	24 tháng	Không yêu cầu
303	Cây đẩy chỉ dùng cho nội soi khớp	Cái	110	33	5.000.000	550.000.000	165.000.000	Phần lưỡi đẩy chỉ bằng Nitinol, phần thân bằng thép không gỉ. Đường kính 0,3mm.	24 tháng	Không yêu cầu
304	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi chạy máy, có khóa Luer	Cái	231	69	1.500.000	346.500.000	103.500.000	- Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mô ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. - Chiều dài dây nước tính từ máy là $6,2\text{ m} \pm 2\%$ - Chiều dài được tính từ đầu	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								nổi chữ Y trên dây dẫn nước từ bình dịch tới máy là 120 cm ± 5cm. Chiều dài được tính từ máy tới kẹp khóa ống dẫn nước trên dây nước từ máy tới bệnh nhân trong khoảng 390 - 400 cm		
305	Dụng cụ (lưỡi) bảo mòn sụn khớp, đầu bảo hợp kim không gỉ	Cái	176	52	4.500.000	792.000.000	234.000.000	- Đầu lưỡi bảo bằng hợp kim không gỉ - Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. - Đường kính có tối thiểu các loại 4mm; 5mm; 5,5mm; chiều dài 13cm±1cm.	24 tháng	G7
306	Đầu đốt bằng sóng radio, kích hoạt bằng phím trực tiếp trên tay cầm	Cái	176	52	7.700.000	1.355.200.000	400.400.000	- Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bột phẫu thuật được làm bằng Ceramic - Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF), đầu đốt 90 độ, một mặt điện cực hoạt động - Có 6 cổng hút - Chiều dài 160mm±1mm, đường kính 3,75mm±0,01mm - Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại	24 tháng	Không yêu cầu
307	Lưỡi bảo (mài) xương các cỡ, đầu oval có 8 rãnh răng	Cái	119	35	5.200.000	618.800.000	182.000.000	- Đầu mài dạng Oval có 8 rãnh răng - Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ - Đường kính có tối thiểu các	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								loại 4mm; 5mm; 5,5mm, chiều dài làm việc 130mm±1mm		
308	Vít neo tự tiêu 4,75mm kèm chỉ dệt siêu bền	Cái	269	80	13.400.000	3.604.600.000	1.072.000.000	- Vật liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) - Dùng đai chỉ neo - Kèm vòng chỉ dệt trắng xanh hoặc trắng đen 2,0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo. - Chỉ dệt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác. - Kích thước: vít neo 4,75 x 19,1mm ±1%	24 tháng	G7
309	Cây đẩy chỉ	Cái	27	8	6.000.000	162.000.000	48.000.000	- Có đầu trước chắc chắn, đẩy chỉ từng bước - Thiết kế vừa vặn với trocar nhỏ tới ≤6 mm - Sử dụng được với mô dày lên tới ≥16 mm	24 tháng	Không yêu cầu
310	Vít neo 4,75mm	Cái	269	80	11.100.000	2.985.900.000	888.000.000	- Chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) - Thiết kế các lỗ thông - Kích thước: 4,75 x 19,1mm ± 1%	24 tháng	G7
311	Trocar dùng trong nội soi khớp các cở, ống có ren xoắn, có cổng bên	Cái	113	33	1.150.000	129.950.000	37.950.000	- Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt - Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. - Kích cỡ có tối thiểu các loại 6mm I.D x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8,25mm x 7cm	24 tháng	G7
312	Vít neo kèm chỉ	Cái	55	16	8.600.000	473.000.000	137.600.000	- Vật liệu BioComposite kèm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	siêu bền dùng cho kỹ thuật khâu sụn có nút thắt							chỉ siêu bền chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước vít: 3 mm × 14,5 mm ±1% - Thân chỉ có màu dễ quan sát. - Lực tải của chỉ tại mức dịch chuyển 3mm là ≥46 lbf (tải trọng động), lực tải của chỉ tối đa đạt ≥88lb		
313	Vít neo tự tiêu 2,9mm dùng cho kỹ thuật khâu sụn không nút thắt	Cái	40	-	8.900.000	356.000.000	-	- Vật liệu BioComposite, kích thước 2,9 mm x 12,5 mm ±1% - Lực tải tối đa: 135 ± 35N - Sử dụng cùng kỹ thuật không nút thắt - Vít neo giúp chỉ khâu mô một cách độc lập trước khi cấy ghép.	24 tháng	G7
314	Cây móc chỉ	Cái	26	-	5.900.000	153.400.000	-	- Kích thước: 287 x 16 mm ±5% - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không gỉ và dây luồn bằng nitinol hoặc tương đương - Cán đẩy chỉ cong trái hoặc phải 45 độ, 90 độ	24 tháng	Không yêu cầu
315	Chỉ dệt siêu bền	Cái	60	-	4.200.000	252.000.000	-	- Chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE - Chỉ dệt 2mm và được bện 2 đầu bằng chỉ tròn - Chỉ có 2 màu xanh hoặc	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								trắng đen giúp dễ dàng phân biệt - Chiều dài sử dụng ≥ 91 cm (≥ 36 inch)		
316	Mũi khoan ngược dùng trong nội soi khớp các cỡ, có mẫu lật	Cái	47	14	4.500.000	211.500.000	63.000.000	- Cho phép tạo đường hầm xâm lấn tối thiểu từ trong ra ngoài. - Ở trạng thái thẳng, được dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường $3,5\text{mm} \pm 0,01\text{mm}$. - Ở trạng thái mở lưỡi, được khoá lại và tạo đường hầm trong xương. - Có tối thiểu các loại đường kính 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5; 8; 8,5; 9; 9,5; 10; 10,5; 11; 11,5; 12; 12,5; 13 mm.	24 tháng	G7
317	Vít treo có kèm vòng chỉ siêu bền 4 điểm khoá	Cái	93	27	12.700.000	1.181.100.000	342.900.000	- Vật liệu: UHMWPE và titanium. - Khả năng chịu lực tối đa lên tới $\geq 980\text{N}$. - Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. - Vít treo kèm vòng chỉ siêu bền với 4 điểm khoá không thắt nút tích hợp sẵn - Nút khóa Titanium chiều rộng $12\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$, vòng buộc tối đa từ $\leq 11\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$.	24 tháng	G7
318	Chỉ siêu bền	Cái	55	16	1.200.000	66.000.000	19.200.000	- Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Thân chỉ có màu dễ quan sát. - Chỉ dài ≥ 38 inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. - Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là ≥ 46 lbf (tải trọng động), lực tải tối đa đạt ≥ 88 lb.		
319	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	Bộ	550	165	15.990.000	8.794.500.000	2.638.350.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 02 Kim chọc dò cán chữ T. Chất liệu thép không gỉ. Gồm tối thiểu loại 11G, dài 125mm $\pm 3\%$ 2. 01 gói xi măng sinh học gồm: + ≥ 24 g bột gồm (Poly MMA, Poly MA, MMA, Zirconium dioxit, Benzoyl peroxid). + ≥ 10 ml dung dịch pha gồm (MMA, Dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone) 3. 01 cái Bơm áp lực đẩy xi măng dạng súng dung tích ≥ 20cc, chiều dài 230mm, ống nối dài 250mm, đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 5mm. Xi măng được trộn trong hệ thống trộn kín. Bình trộn đường kính ≥ 30mm, thể tích 80cc.	24 tháng	G7
320	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài	Bộ	53	15	58.290.000	3.089.370.000	874.350.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ:	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	dạng thẳng/cong góc cổ 130 độ							1. Chôm bán phần: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, có lớp đệm polyethylene cao phân tử ở giữa, đường kính ngoài từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 56\text{mm}$ 2. Chôm xương đùi: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, có các đường kính tối thiểu: 22mm và 28mm 3. Chuôi dài không xi măng: Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan. Thiết kế đầu gần hình nêm 3 chiều, đầu xa hình trụ tròn chuôi cong theo giải phẫu ống tùy xương đùi, phân biệt trái phải, dạng cổ thân 1 khối, phủ nhám toàn thân, góc cổ chuôi 130 độ, chiều dài gồm tối thiểu cỡ 180mm chuôi dạng thẳng và cỡ 230mm chuôi dạng cong đường kính đầu xa thay đổi trong khoảng từ $\leq 11\text{mm}$ đến $\geq 18\text{mm}$, bước tăng $\leq 1,5\text{mm}$		
321	Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu (6x8cm)	Miếng	5.698	1.709	207.000	1.179.486.000	353.763.000	- Băng dán điều trị vết thương hậu phẫu cỡ 6x8cm - Cấu tạo gồm 4 lớp: Lớp vỏ chống nước và hàng rào chống khuẩn (những vi khuẩn lớn hơn 25nm); Lớp siêu thấm, viên gạc trong suốt; Lớp dán công nghệ Safetac hoặc tương đương; Lớp điều hướng dịch tiết với	24 tháng	EU

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								công nghệ Y-Flex hoặc tương đương. Tấm pad thiết kế đường cắt có thể kéo giãn mọi hướng, bám sát với cơ thể trong trường hợp di chuyển. - Có thể gỡ và điều chỉnh mà không mất khả năng dính; Độ thấm hút của băng: 6,12g/10cm2/24h		
322	Bộ khớp gối toàn phần có xi bảo tồn xương với miếng ghép bù xương mâm chày	Bộ	22	6	58.000.000	1.276.000.000	348.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lõi cầu xương đùi: Chất liệu bằng Cobalt Chrome (CoCr), độ dày 9mm, mặt trước nghiêng 5 độ, độ gập gối tối đa ≥ 155 độ. Lõi cầu loại không cắt khe. Có tối thiểu 13 cỡ mỗi bên trái, phải. Độ rộng trong ngoài từ 56mm - 80mm, bước tăng 2mm và độ rộng trước sau từ 52mm - 76mm, bước tăng 2mm. 2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), chân mâm chày có đế sẵn đầu chờ để gắn chuỗi nối dài và miếng ghép bù xương mâm chày, mâm chày có tối thiểu 8 cỡ, tăng dần từ nhỏ đến lớn không phân biệt trái-phải, với độ rộng trong ngoài ≤ 60mm - ≥ 84mm và độ rộng trước sau ≤ 40mm - ≥ 58mm.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								3. Lớp đệm mâm chày: Chất liệu bằng Polyethylene bổ sung vitamin E tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp đệm thiết kế cố định (Fix bearing). Có tối thiểu 5 kích cỡ độ dày, trong đó: từ 9mm - 15mm, gồm 4 cỡ, bước tăng 2mm và cỡ 18mm. 4. Bánh chèo: Chất liệu bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử hoặc tương đương, dạng vòm có 3 chân cố định. Có tối thiểu 7 cỡ với đường kính từ $\leq 26\text{mm}$ - $\geq 44\text{mm}$ tương ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8,5mm, 9mm, 9,5mm, 10mm, 10,5mm. 5. Xi măng xương: Cement xương có độ quánh cao, thành phần bột xi Polymethyl Methacrylate (87,6% w/w), barium Sulphate (10% w/w), Benzoyl Peroxide (2,4% w/w), dung môi Methyl Methacrylate (98,8% w/w), N,N dimethyl p-toluidine (1,2% w/w)		
323	Bộ khớp gối toàn phần thay lại lõi cầu CoCr 6 cỡ mỗi bên từ 1-6 và 2 bên trái-phải, lớp	Bộ	2	-	80.080.000	160.160.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lõi cầu đùi: Chất liệu Cobalt Chrome, độ rộng	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	lót liên kết chéo bổ sung E-XPE, thiết kế bánh chè dạng vòm							trước sau: từ 52mm - 72mm và độ rộng trong ngoài từ 56mm - 76mm (bước tăng 4mm), được thiết kế dạng cốt cam khớp với cuống mâm chày. Chân lõi cầu có cấu tạo đầu chờ. Lõi cầu thay lại có 6 cỡ mỗi bên cho mỗi bên trái-phải. 2. Lớp lót: Chất liệu Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E hoặc tương đương. Có cấu tạo cốt cam bằng Polyethylene, bên trong có lớp gia cố. Chiều cao cốt cam khoảng 21mm và cho phép xoay trong/ngoài 3,7 độ và vẹo trong/ngoài 1,4 độ. Độ dày lớp đệm có tối thiểu các cỡ: 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm, 21mm, 25mm, 30mm. 3. Mâm chày: chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. Có tối thiểu 6 cỡ. Độ rộng trong ngoài từ 60mm - 84mm (bước tăng từ 3mm - 4mm), trước sau từ 40mm - 58mm (bước tăng từ 2,5mm - 3mm). Chân mâm chày có cấu tạo đầu chờ gắn đầu chuyển trục và chuôi nối dài Titanium hoặc miếng ghép bù xương cho khoang trong và khoang ngoài.		

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								4. Bánh chè: bằng Polyethylene Crosslink cao phân tử hoặc tương đương, dạng vòm có 3 chân cố định. Có tối thiểu 7 cỡ với đường kính từ $\leq 26\text{mm}$ - $\geq 44\text{mm}$ tương ứng với độ dày 7mm; 8mm; 8,5mm; 9mm; 9,5mm; 10mm; 10,5mm. 5. Xi măng xương: Thành phần bột xi Polymethyl Methacrylate (87,6% w/w), Barium Sulphate (10% w/w), Benzoyl Peroxide (2,4% w/w). Dung môi Methyl Methacrylate (98,8% w/w), N,N dimethyl p-toluidine (1,2% w/w)		
324	Bộ khớp gối toàn phần, có xi măng, loại 2 trong 1: cố định hoặc linh động	Bộ	2	-	53.000.000	106.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Lõi cầu xương đùi có xi măng: Chất liệu Co28Cr6Mo hoặc tương đương, thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu, khả năng gấp duỗi trong biên độ 155 độ - 5 độ. Có tối thiểu 6 cỡ với kích thước: bề rộng từ 55mm - 80mm, chiều dài từ 50mm - 75mm, chiều cao từ 45mm - 65mm 2. Mâm chày có xi măng: Chất liệu Co28Cr6Mo hoặc tương đương, thiết kế bất đối xứng, phải trái riêng biệt theo giải phẫu. Có tối thiểu 8 cỡ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								với kích thước: chiều rộng từ 60mm - 90mm, mâm chày ngoài kích cỡ từ 36mm - 55mm, mâm chày trong kích cỡ từ 40mm - 65mm. Thiết kế 2 trong 1, tùy chọn lớp đệm mâm chày linh động hoặc cố định 3. Lớp đệm mâm chày cố định hoặc linh động: Chất liệu nhựa cao phân tử UHMWPE hoặc tương đương, tối thiểu 6 cỡ, độ dày từ ≤ 7 đến ≥ 17mm 4. Xi măng kháng sinh 1G 5. Vít bịt mâm chày: chất liệu Ti6Al4V hoặc tương đương		
325	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic, ổ cối in 3D	Bộ	2	-	82.000.000	164.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Chuôi không xi măng: Chất liệu hợp kim titan TiAl6V4 hoặc tương đương, cổ chuôi 12/14, có tối thiểu 3 loại góc cổ chuôi: - Góc cổ chuôi 133 độ, 138 độ: Có tối thiểu 10 cỡ chuôi; Chiều dài từ 130mm - 160mm; các cỡ offset từ 34,5mm - 43,6mm; Bề mặt đầu gần phủ titan + HA - Góc cổ chuôi 135 độ: Có tối thiểu 11 cỡ chuôi; Chiều dài từ 110mm - 190mm; Có tối thiểu 11 cỡ offset từ 38,5mm - 44,5mm; Bề mặt	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								phủ HA toàn phần 2. Chôm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta hoặc tương đương, đường kính 28mm, 32mm và 36mm, tối thiểu 6 offset từ -4, -3,5, 0, +3,5, +4, +7, +8mm 3. Lớp đệm: Chất liệu Ceramic BioloX Delta hoặc tương đương, đường kính trong 28mm, 32mm và 36mm, đường kính ngoài từ ≤ 35 đến ≥ 50mm, có tối thiểu 5 cỡ 4. Ổ cối in 3D không xi măng: Chất liệu hợp kim titan TiAl6V4 hoặc tương đương, cấu trúc xương xốp cấu thành bởi các sợi titan đường kính từ 330 μm - 400μm, độ xốp rỗng khoảng 60%, có tối thiểu 16 cỡ từ ≤ 45 đến ≥ 70mm tối thiểu 7 lỗ vít ần bắt vít ổ cối 5. Vít ổ cối: Chất liệu TiAl6V4 hoặc tương đương, đường kính 6,5mm, chiều dài từ 15-50mm ($\pm 5\%$)		
326	Lưới tạo hình ổ mắt titan dùng vít 1,5mm	Cái	2	-	10.500.000	21.000.000	-	- Lưới tạo hình ổ mắt dạng lưới quỹ đạo lỗ dày $\geq 0,3$ mm và $\leq 0,5$mm, chiều dài $\leq 44,9$ x chiều rộng $\leq 39,4$ mm đồng bộ với vít 1,5mm - Chất liệu Titanium nguyên chất.	24 tháng	G7
327	Nẹp thẳng 8 lỗ dùng vít 1,5mm	Cái	2	-	2.700.000	5.400.000	-	- Nẹp mặt thẳng 8 lỗ, dài $\leq 31,2$ mm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Dây $\leq 0,6\text{mm}$; - Dùng đồng bộ với vít đường kính $1,5\text{mm}$; - Chất liệu: Titanium nguyên chất.		
328	Nẹp thẳng 16 lỗ dùng vít $1,5\text{mm}$	Cái	2	-	4.700.000	9.400.000	-	- Nẹp mặt thẳng 16 lỗ, chiều dài $\leq 65\text{mm}$ - Dây từ $\leq 0,6\text{mm}$; - Dùng đồng bộ với vít đường kính $1,5\text{mm}$; - Chất liệu: Titanium nguyên chất.	24 tháng	G7
329	Vít titanium tự khoan tự taro các cỡ đường kính $1,5\text{mm}$	Cái	88	-	770.000	67.760.000	-	- Đường kính thân vít $1,5\text{mm}$, mũ vít $\varnothing 2,5\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$, bước ren $0,5\text{mm} \pm 0,1\text{mm}$ - Chiều dài từ $\leq 3,5\text{mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$ - Vít tự khoan, tự taro - Chất liệu hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7
330	Nẹp chữ L trái, phải 6 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	7.200.000	86.400.000	-	- Nẹp mặt chữ L 6 lỗ bắc cầu, quay trái, phải góc $\leq 90^\circ$, dày $\leq 1,0\text{mm}$. - Chất liệu Polime sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm	24 tháng	G7
331	Nẹp thẳng 8 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	6.820.000	81.840.000	-	- Nẹp mặt thẳng 8 lỗ. - Chiều dày $\leq 1,0\text{mm}$; dài $\leq 41\text{mm}$ - Chất liệu Polime sinh học	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid). - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm		
332	Nẹp thẳng 22 lỗ tự tiêu	Cái	12	-	14.500.000	174.000.000	-	- Nẹp mặt thẳng 22 lỗ. - Chiều dày $\leq 1.0\text{mm}$; dài $\leq 111\text{mm}$ - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid). - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm	24 tháng	G7
333	Lưới tạo hình ổ mắt tự tiêu các cỡ	Cái	2	-	19.000.000	38.000.000	-	- Lưới tạo hình ổ mắt tự tiêu dày $\leq 0,6\text{mm}$, - Kích thước: đường kính $\varnothing \leq 30\text{ mm}$ hoặc $40 \times 40\text{mm}$. - Chất liệu Polime sinh học (PDLLA: 100% Poly-D, L-Lactic Acid) tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Dùng đồng bộ với vít tự tiêu sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm	24 tháng	G7
334	Vít tự tiêu đường kính 2,1mm	Cái	188	-	2.419.000	454.772.000	-	- Vít tự tiêu đường kính $\leq 2,1\text{mm}$, - Chiều dài từ $\leq 4\text{ mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$, - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu (PDLLA: 100% Poly-	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								D, L-Lactic Acid) - Tự tiêu trong vòng 12 - 30 tháng. - Sử dụng công nghệ bắt vít bằng dụng cụ gia nhiệt bởi sóng siêu âm.		
335	Nẹp hàm thẳng 6 lỗ dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	4.500.000	27.000.000	-	- Nẹp thẳng 6 lỗ, dày $\leq 1,5$ mm, chiều dài ≤ 38 mm - Dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7
336	Nẹp hàm thẳng 8 lỗ dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	7.700.000	46.200.000	-	- Nẹp thẳng 8 lỗ, dày $\leq 1,5$ mm, chiều dài ≤ 54 mm. - Dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7
337	Nẹp hàm thẳng 4 lỗ, bắc cầu ngắn dùng vít 2,3mm	Cái	6	-	4.800.000	28.800.000	-	- Nẹp hàm thẳng 4 lỗ ngắn, dày $\leq 1,5$ mm, dài ≤ 28 mm dùng đồng bộ với vít đường kính 2,3mm. - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7
338	Vít mini titan hàm mặt cỡ 2,3mm	Cái	90	-	680.000	61.200.000	-	- Vít tự taro, mũ vít hình chữ thập, đường kính mũ vít $\leq 3,0$ mm - Đường kính thân vít 2,3mm, dài ≥ 6 mm và ≤ 11 mm - Bước ren $\leq 0,75$ mm - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V).	24 tháng	G7
339	Nẹp khóa titanium bản nhỏ các cỡ, 4-12 lỗ, xẻ rãnh, có nén ép	Cái	102	30	3.200.000	326.400.000	96.000.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Độ dày 3mm, độ rộng 9,5mm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Số lỗ 4/5/6/7/ 8/ 9/10/11/12 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤60- ≥160mm - Sử dụng với vít khóa 3,5mm và vít xương cứng 3,5mm		
340	Nẹp khóa titanium mắt xích các cỡ, dày 3,0mm, 5-18 lỗ	Cái	66	19	4.150.000	273.900.000	78.850.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 5 -18 lỗ - Chiều dày nẹp 3,0 mm. chiều rộng 10 mm, chiều dài nẹp từ ≤64mm- ≥233mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
341	Nẹp khóa titanium xương gót các cỡ, dày 2,0mm	Cái	3	-	6.250.000	18.750.000	-	- Chất liệu titanium nguyên chất - Dày 2mm, dài 68mm, có trái/ phải riêng biệt - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
342	Nẹp khóa mỏm khuỷu trái/phải các cỡ, vật liệu titanium	Cái	4	-	6.000.000	24.000.000	-	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ thân từ 4-12 lỗ - Dài từ ≤112mm - ≥216mm, dày 3,2mm, rộng 10,0mm, trái/phải riêng biệt - Sử dụng hệ thống vít khóa 3,5mm, và vít xương cứng 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
343	Nẹp khóa chữ S xương đòn, dày 2,5mm, titan	Cái	119	35	4.300.000	511.700.000	150.500.000	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ từ 6-12 lỗ, chiều dài từ ≤61,8 - ≥127,7mm, dày 2,5mm, rộng 10mm - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
344	Nẹp khóa đầu trên	Cái	33	9	5.500.000	181.500.000	49.500.000	- Chất liệu titanium nguyên	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	xương cánh tay, loại ngắn/dài							chất. - Gồm 2 loại ngắn/dài, số lỗ từ 3-12 lỗ, dài từ ≤84mm - ≥258mm. - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm		cầu
345	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, mặt trong, mặt ngoài	Cái	16	4	5.750.000	92.000.000	23.000.000	- Chất liệu titanium nguyên chất Nẹp mặt ngoài: - Số lỗ đầu 6 lỗ, lỗ từ 3-9 lỗ, dài từ ≤65mm đến ≥143mm, dày 2,5mm, rộng 11,2mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7mm và 3,5mm Nẹp mặt trong: - Số lỗ đầu 3 lỗ, lỗ từ 3-9 lỗ, dài từ ≤59mm đến ≥136mm, dày 2,5mm, rộng 11,2mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7mm và 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
346	Nẹp khóa đầu dưới xương mác/ trái/ phải các loại	Cái	44	13	4.150.000	182.600.000	53.950.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 3-15 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 2,5 mm, chiều rộng nẹp 10,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤86 mm - ≥242 mm. - Sử dụng với hệ thống vít khóa 2,7 và 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
347	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong/ngoài	Cái	33	9	5.800.000	191.400.000	52.200.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Nẹp khóa mặt trong: Số lỗ đầu 8 lỗ, số lỗ thân từ 4-10 lỗ, độ dày 4,2mm, rộng 13,7mm. - Nẹp khóa mặt ngoài: Số lỗ từ 9-19 lỗ, dày 4,2mm, rộng 14mm.	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm		
348	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ, titan	Cái	16	4	6.600.000	105.600.000	26.400.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Độ dày nẹp 3,1mm, độ rộng 10,5mm - Số lỗ từ 10-15 lỗ, trái/ phải riêng biệt, chiều dài nẹp từ ≤68 - ≥128mm - Sử dụng hệ thống vít khóa 2,7 và 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
349	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên, titan	Cái	16	4	6.600.000	105.600.000	26.400.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Độ dày nẹp 3mm, độ rộng 10,5mm - Số lỗ 6-8 lỗ, trái/ phải các loại, chiều dài từ ≤103,2 - ≥122,5mm - Sử dụng với hệ thống vít 3,5mm	24 tháng	Không yêu cầu
350	Vít khóa titanium 2,7; 3,5mm các cỡ	Cái	2.407	722	467.000	1.124.069.000	337.174.000	- Chất liệu titanium, tự taro. - Đường kính 2,7mm, với chiều dài từ ≤6 - ≥60mm - Đường kính 3,5mm với chiều dài từ ≤10 - ≥80mm	24 tháng	Không yêu cầu
351	Vít xương cứng 3,5mm, titanium, toàn ren, tự taro kèm trụ cụ tương thích	Cái	779	233	120.000	93.480.000	27.960.000	- Chất liệu titanium Alloy - Vít toàn ren, tự taro - Đường kính 3,5mm, đường kính lõi 2,4mm ± 3% - Chiều dài từ ≤10 - ≥130mm	24 tháng	Không yêu cầu
352	Vít xương xỏ đường kính 4,0 các cỡ, chất liệu titanium	Cái	106	31	160.000	16.960.000	4.960.000	- Chất liệu titanium - Ren bán phần - Đường kính 4,0mm tương ứng chiều dài từ ≤10 - ≥65mm	24 tháng	Không yêu cầu
353	Nẹp khóa móc	Cái	2	-	6.250.000	12.500.000	-	Chất liệu Titanium nguyên	24 tháng	Không yêu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	xương đòn các cỡ							chất. Móc dài 15mm. Độ dày nẹp 3,6mm, rộng 11mm. Có 3 lỗ đầu, số lỗ thân có từ 2 đến 7 lỗ. Chiều dài nẹp từ ≤ 45mm đến ≥95mm.		cầu
354	Nẹp khóa nhỏ thẳng 2,7mm, các cỡ	Cái	8	-	3.200.000	25.600.000	-	Chất liệu Titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 2,0mm, rộng 7mm. Có từ 4 đến 10 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 41mm đến ≥ 98mm.	24 tháng	Không yêu cầu
355	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3,6mm	Cái	16	4	3.050.000	48.800.000	12.200.000	Chất liệu titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3,6mm, chiều rộng 11mm. Số lỗ từ 4 - 12 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ là 13mm. Chiều dài nẹp từ ≤ 51mm đến ≥155mm. Nẹp thiết kế nén ép, lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt.	24 tháng	Không yêu cầu
356	Nẹp khóa mắt xích cong các cỡ	Cái	7	2	5.550.000	38.850.000	11.100.000	Chất liệu Titanium nguyên chất. Độ dày nẹp 3,0mm, rộng 10mm. Có từ 8 - 16 lỗ, chiều dài nẹp từ ≤ 94mm đến ≥190mm.	24 tháng	Không yêu cầu
357	Vít khóa lỗ nẹp 3,5mm	Cái	14	-	467.000	6.538.000	-	Chất liệu: hợp kim titanium hoặc tương đương. Độ dày/cao 2mm. Sử dụng để bịt lỗ khóa của nẹp 3,5mm khi không bắt vít.	24 tháng	Không yêu cầu
358	Nẹp khóa titanium bản hẹp các cỡ, dày 4,8mm	Cái	14	4	3.670.000	51.380.000	14.680.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ từ 4-16 lỗ - Chiều dày nẹp 4,8 mm. - Chiều rộng nẹp 13,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤89mm - ≥287 mm - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
359	Nẹp khóa titanium bản rộng các cỡ, dày 6,0mm	Cái	33	9	4.905.000	161.865.000	44.145.000	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ từ 6-18 lỗ. - Chiều dày nẹp 6,0 mm. chiều rộng 17,5 mm, chiều dài nẹp từ ≤107 mm - ≥323 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
360	Nẹp khóa titan đầu trên, dày 3,8-4,2mm	Cái	29	8	5.750.000	166.750.000	46.000.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Nẹp mặt ngoài chữ L: 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-10 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3,8mm, rộng 14 mm, dài trong khoảng từ ≤83,2 - ≥179,2mm - Nẹp mặt ngoài: số lỗ thân từ 5-13 lỗ, Chiều dày nẹp 4,2mm, chiều rộng nẹp 16 mm, dài trong khoảng từ ≤140 mm - ≥300 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
361	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ, dày 5,2mm	Cái	20	6	6.250.000	125.000.000	37.500.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ đầu 5 lỗ, số lỗ thân từ 4-12 lỗ. - Chiều dày nẹp 5,2mm, chiều rộng 18,0 mm, chiều dài nẹp từ ≤145 mm - ≥305 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
362	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dày 6,0mm	Cái	20	6	6.250.000	125.000.000	37.500.000	- Chất liệu titanium nguyên chất. - Số lỗ thân 5-13 lỗ - Chiều dày nẹp 6 mm, chiều	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								rộng nẹp 16 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 156 mm - ≥ 316 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm		
363	Nẹp khóa ốp mâm chày, chất liệu Titanium	Cái	33	9	5.750.000	189.750.000	51.750.000	- Chất liệu titanium nguyên chất - Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân từ 4-13 lỗ ở thân, chiều dày nẹp 3,8 mm, chiều rộng nẹp 14 mm, chiều dài nẹp từ ≤ 84 - ≥ 228 mm. - Sử dụng hệ thống vít 4,5/5,0mm	24 tháng	Không yêu cầu
364	Vít khóa titanium 5,0mm các cỡ	Cái	1.089	326	467.000	508.563.000	152.242.000	- Chất liệu titanium Alloy - Đường kính 5,0mm, tự taro - Chiều dài từ ≤ 14 - ≥ 50 mm bước tăng 2 mm, chiều dài từ ≤ 50 - ≥ 90 mm bước tăng 5 mm.	24 tháng	Không yêu cầu
365	Vít xương cứng 4,5mm, titanium, toàn ren, tự taro kèm trợ cụ tương thích	Cái	227	68	150.000	34.050.000	10.200.000	- Chất liệu titanium Alloy - Vít toàn ren, tự taro. - Đường kính 4,5mm tương ứng chiều dài từ ≤ 14 - ≥ 60 mm với bước tăng 2mm, chiều dài từ ≤ 65 - ≥ 75 mm với bước tăng 5mm	24 tháng	Không yêu cầu
366	Vít xương xốp đường kính 6,5mm, chất liệu Titanium	Cái	33	9	200.000	6.600.000	1.800.000	- Chất liệu titanium - Ren bán phần - Đường kính 6,5mm - Chiều dài từ ≤ 40 - ≥ 110 mm	24 tháng	Không yêu cầu
367	Vít khóa lỗ nẹp 5,0mm	Cái	10	-	467.000	4.670.000	-	Chất liệu: hợp kim titanium hoặc tương đương. Độ dày/cao 2mm. Sử dụng để bịt lỗ khóa của nẹp 5,0mm khi không bắt vít.	24 tháng	Không yêu cầu
368	Nẹp mặt thẳng 4	Cái	16	-	470.000	7.520.000	-	Nẹp thẳng 4 lỗ, khoảng cách	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	lỗ cho vít 2,0 mm							lỗ đều. Chiều dài: từ 21mm - 31mm. Độ dày: từ 0,6mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.		
369	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	22	-	470.000	10.340.000	-	Nẹp thẳng 6 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Chiều dài: từ 30mm - 40mm. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	24 tháng	G7
370	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2,0 mm	Cái	12	-	700.000	8.400.000	-	Nẹp thẳng 8 lỗ, khoảng cách lỗ đều. Độ dày: từ 0,75mm - ≤ 1mm, có tối thiểu cỡ 1mm. Chiều dài: từ 38mm - 49mm. Chất liệu titan hoặc tương đương.	24 tháng	G7
371	Vít mini titan hàm mặt cỡ 2,0mm	Cái	134	-	260.000	34.840.000	-	- Vít tự taro, mũ vít hình chữ thập, đường kính mũ vít $\varnothing \leq 3,0\text{mm}$ - Đường kính thân vít 2,0mm, dài $\geq 6\text{mm}$ và $\leq 11\text{mm}$ - Bước ren $\leq 0,75\text{mm}$ - Chất liệu hợp kim titanium (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương. - Tương thích với dụng cụ hệ mini 2,0mm.	24 tháng	G7
372	Vít đa trục bán động, phủ chất kích thích mọc xương	Cái	9	2	8.200.000	73.800.000	16.400.000	- Chất liệu bằng hợp kim titanium - Mũ vít có dạng hình tulip. - Trên thân vít được phủ một lớp 20-30 μm chất kích thích	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								mọc xương Bornit, bước ren thân vít là $3 \pm 0,15\text{mm}$ & góc giữa 2 vòng ren là $50^\circ \pm 2^\circ$. - Lõi vít hình nón, đầu mũi vít rỗng nòng đường kính 1,68mm. - Kích thước: Đường kính 5,5mm; 6,5mm; 7,5mm, dài từ 30 đến 55mm (bước tăng 5mm)		
373	Nẹp dọc cho vít đa trục bán động	Cái	3	-	1.650.000	4.950.000	-	- Chất liệu bằng hợp kim titanium. - Đầu nẹp dọc có khoan lỗ và có vạch đánh dấu. - Đường kính 6,0mm, chiều dài từ 100mm đến 120mm.	24 tháng	G7
374	Vít khóa trong vít đa trục bán động	Cái	9	2	840.000	7.560.000	1.680.000	- Chất liệu hợp kim titanium - Đầu gài hình ngôi sao	24 tháng	G7
375	Vít đa trục mũi vít bước ren vuông	Cái	8	-	5.500.000	44.000.000	-	- Vít đa trục tự taro, góc xoay $\pm 30^\circ$, đầu vít thon hình nón. - Mũi vít bước ren vuông, đường ren mở góc 12° và cách nhau $0,51 \pm 0,05\text{mm}$. Trên thân vít có bước ren 2,5mm, góc giữa hai vòng ren là 62° . - Chất liệu vít bằng titanium. - Kích thước: bao gồm các cỡ 4,5; 5,5; 6,5; 7,5; 8,5; 10,0mm, chiều dài từ $\leq 25\text{mm}$ - $\geq 60\text{mm}$ (mỗi size tăng 5mm).	24 tháng	G7
376	Nẹp dọc cột sống lưng ngực đk 6,0mm	Cái	20	-	2.100.000	42.000.000	-	- Chất liệu bằng titanium - Đường kính 6,0mm - Dạng thẳng, đầu có nẹp dọc	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								phẳng hoặc hình lục giác. - Chiều dài: $\leq 100\text{mm}$ - $\geq 180\text{ mm}$		
377	vít khóa trong bước ren vuông	Cái	8		1.000.000	8.000.000	-	- Chất liệu titanium. - vít khóa trong có bước ren vuông, đường ren mở góc 12 độ, chiều rộng ren là $0,48\pm 0,05\text{ mm}$.	24 tháng	G7
378	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng ngực dạng thẳng, có đầu nhọn và phẳng	Cái	20	6	12.992.000	259.840.000	77.952.000	- Chất liệu: PEEK - Miếng ghép dạng thẳng, phần đầu miếng ghép thon nhọn và phẳng. - Bề mặt có các răng bám dạng nghiêng. - Có 3 điểm đánh dấu chất liệu Tantalum hoặc tương đương. - Kích thước: có 2 loại kích thước dài x rộng: 24x10mm và 29x10mm, chiều cao từ 7 đến 14mm (mỗi size tăng 1mm), góc 5 độ và 12 độ.	24 tháng	Châu Âu
379	Khớp vai bán phần có xi măng	Bộ	6	-	65.000.000	390.000.000	-	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi cánh tay có xi măng: vật liệu Ti6Al4V hoặc tương đương, dài 80mm, đường kính tối thiểu 5 cỡ: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm 2. Cổ chuôi: vật liệu Ti6Al4V cùng với vít khóa, tối thiểu 3 cỡ với đường kính x chiều cao: 16x31mm, 16x34mm, 16x37mm 3. Đầu nối: vật liệu Ti6Al4V,	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								có tối thiểu 4 kích cỡ 0, +2, +4, +8 4. Chôm khớp: vật liệu hợp kim CoCrMo, có tối thiểu 8 kích cỡ với đường kính x chiều cao: 40x14,8mm, 42x15mm, 44x16mm, 46x17mm, 48x18mm, 50x19mm, 52x20mm, 54x21mm 5. Xi măng kháng sinh: Sản phẩm đóng gói tiết trùng sẵn: một ống chứa chất lỏng tiết trùng đặt trong một vỉ và một túi đôi tiết trùng chứa bột. Thành phần: + Gói bột Polyme (≥40g): Polymethyl Methacrylate (PMMA), Benzoyl peroxide (BPO), Barium sulphate (BaSO₄), Gentamicin sulfate. + Dung dịch (khoảng 16-17g): Methylmethacrylate (MNA), Dymethyl paratoluidine (DMPT) và Hydroquinone (HQ).		
380	Đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, cấu trúc mạng, in 3D nguyên khối các cỡ	Cái	22	6	14.500.000	319.000.000	87.000.000	- Sử dụng công nghệ in 3D. - Chất liệu Bột Ti6Al4V ELI hoặc tương đương. - Kích thước (dài x rộng): 25mm x 10mm (±10%); Chiều cao các cỡ từ 7 đến 16mm với bước tăng 1mm, độ uốn (góc lordosis) 4 độ hoặc 8 độ. - Đĩa có cấu trúc lưới, độ xốp	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								60-80%, kích thước lỗ xốp 45-100 µm, cho phép xương phát triển, bám chặt bên trong đĩa. - Cung cấp kèm Bộ dụng cụ đặt đĩa đệm cột sống lưng tương thích và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng.		
381	Miếng bọc gân sinh học 4cm x 5cm	Cái	110	33	11.500.000	1.265.000.000	379.500.000	- Miếng bọc gân sinh học là ma trận ngoại bào (ECM) dị loại nguồn gốc từ mô phúc mạc sử dụng trong các thủy thuật y học thể thao nhằm gia cố và sửa chữa mô mềm suy yếu như gân cơ chóp xoay, dây chằng, cơ tứ đầu, gân gót và các loại gân khác. - Sản phẩm được xử lý để loại bỏ các kháng nguyên trong khi vẫn giữ nguyên các đặc tính và thành phần mong muốn của khung mô với độ dày trung bình 0,24mm (không vị trí nào mỏng quá 0,15mm) đảm bảo độ bền kéo 26,22 ± 11,21 N/cm. - Sản phẩm được sử dụng khô hoặc trước khi sử dụng được ngâm nước bằng nước muối hoặc dịch cơ thể tự thân như máu, dịch hút tùy xương hoặc cô đặc máu như huyết tương giàu tiểu cầu. - Kích thước: 4 cm x 5 cm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn FDA.	24 tháng	G7
382	Nẹp dọc uốn sẵn	Cái	88	26	5.500.000	484.000.000	143.000.000	- Chất liệu: Hợp kim	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								titanium. - Đường kính: 5,5 mm, uốn sẵn. - Một đầu nhọn, một đầu có ren. - Chiều dài: từ 20mm đến 150mm. - Đóng gói tiệt trùng.		
383	Clip titan kẹp phình mạch máu não	Cái	5	1	6.850.000	34.250.000	6.850.000	- Hàm kẹp gồm dạng thẳng, cong/gập góc, lưỡi lê - Độ dài hàm kẹp từ 3mm đến 25mm. - Độ mở rộng hàm từ 3,2mm đến 13,3mm. - Lực kẹp: 1,47N; 1,77N; 1,96N. - Lực kẹp được đo tại 1/3 chiều dài hàm với độ mở rộng hàm 1,0mm $\pm$ 2%. - Loại có lỗ tròn đường kính 5,0 mm - Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng tăng ma sát. - Chất liệu hợp kim titanium hoặc tương đương. - Clip được mã hóa bằng màu sắc. - Đóng gói: tiệt trùng và không tiệt trùng	24 tháng	G7
384	Đinh Kirschner các cỡ, chất liệu thép không gỉ	Bộ	471	141	110.000	51.810.000	15.510.000	- Chất liệu: Thép không gỉ - Đường kính từ 1,0mm đến 3,5mm; dài 290mm - Hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC.	24 tháng	Không yêu cầu
385	Bộ khớp háng bán	Bộ	132	39	54.000.000	7.128.000.000	2.106.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết	24 tháng	Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	phần không xi chuôi dài tháo rời							từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. Ổ cối bán phần: Vật liệu: Vỏ thép không gỉ High Nitrogen, lớp bên trong Polyethylene cao phân tử UHMWPE. Đường kính: từ 38mm - 59mm mỗi bước tăng 1mm. Chôm bán phần cỡ từ 38 - 45mm gắn với chòm 22mm, Chòm bán phần cỡ từ 42 - 59mm gắn với chòm 28mm. 2. Chòm khớp: vật liệu Cobalt-chromium-molybdenum, có 2 cỡ: 22mm/28mm, trong đó cỡ 22mm có tối thiểu (-3.5; +0). 3. Cổ chuôi khớp: vật liệu Ti-6AL-4V, vỏ ngoài phủ lớp nhám plasma. Kiểu chuôi lắp ghép Module, dài từ 50mm - 80mm (bước tăng 10mm). 4. Thân chuôi khớp: vật liệu Ti-6AL-4V, vỏ ngoài phủ lớp nhám plasma. Kiểu chuôi lắp ghép Module, có khóa chống xoay. Thân chuôi có đường kính 12-30mm (mỗi cỡ tăng 1mm), chiều dài thân có tối thiểu cỡ: 115mm và 150mm/190mm/200mm/250 mm. Đạt tiêu chuẩn CE		
386	Nẹp dọc bảo tồn chuyển động	Cái	88	26	14.580.000	1.283.040.000	379.080.000	- Nẹp dọc dạng khớp nối. - Chất liệu: Hợp kim titanium.	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Giúp kiểm soát chuyển động của cột sống đa hướng, đảm bảo linh hoạt cho các động tác gấp, duỗi và uốn bên, đồng thời giảm thiểu chuyển động dịch và xoáy trục. - Có thể uốn cong phù hợp với giải phẫu cột sống bệnh nhân. - Có 2 loại để phân biệt màu sắc với độ cứng biến dạng khớp nối 25 N/mm và 50 N/mm - Chiều dài: có tối thiểu 3 cỡ: 22mm, 27mm và 32mm. - Đóng gói tiệt trùng.		
387	Miếng ghép đĩa đệm cổ có vít	Bộ	66	19	18.000.000	1.188.000.000	342.000.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Miếng ghép đĩa đệm cổ: - Chất liệu Peek-Optima. - Hình dạng giải phẫu kép, cong 6 độ. - Miếng ghép có răng góc cạnh, khoảng ghép xương lớn, điểm cân quang sau bằng vàng. - Chiều rộng: từ 14mm đến 16mm, có tối thiểu 2 cỡ 14mm và 16mm. - Chiều rộng: từ 13mm đến 15mm, có tối thiểu 2 cỡ 13mm và 15mm. - Chiều cao: từ 4,5mm đến 8,5mm (bước tăng 1mm).	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Vít nghiêng so với mặt phẳng đứng dọc 42 độ (± 5 độ), nghiêng so với mặt phẳng đứng ngang 10 độ (± 5 độ). 2. 02 Vít - Đường kính: 3,5mm. - Chiều dài: từ 10mm đến 18mm (bước tăng 2mm). - Tự khoan/tự taro.		
388	Bộ bơm xi măng không bóng độ nhớt trung bình	Bộ	176	52	17.280.000	3.041.280.000	898.560.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dung tích $\geq 10\text{ml}$, kèm theo bộ trộn kín dạng tay quay có thể tích $\geq 40\text{ml}$ 2. 02 Kim chọc dò cán nhựa, có tối thiểu 02 cỡ 11G và 13G, chiều dài khoảng 12,5cm. 3. 01 Xi măng sinh học có độ nhớt trung bình: - Chứa khoảng 30% Bariumsulfat, khối lượng xi măng 20g (thành phần bao gồm Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm 10ml hoặc 10g dung dịch pha (thành phần bao gồm: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone). - Lực nén $> 82,5\text{ MPa}$, Lực uốn cong $< 3400\text{ MPa}$, nhiệt độ đông cứng trong khoảng	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								66-68 độ C. - Thời gian làm việc khoảng 14-15 phút ở nhiệt độ 23 độ C.		
389	Bộ bơm xi măng bóng kép độ nhớt trung bình	Bộ	176	52	54.140.000	9.528.640.000	2.815.280.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Bơm áp lực đẩy xi măng dạng kín, có van kết nối, bộ trộn vừa có chức năng trộn vừa có chức năng nạp xi măng vào kim chứa xi măng. Bộ trộn tối thiểu đi kèm 01 phễu đổ xi măng và 01 đầu lọc. 2. 02 Bóng nong thân đốt sống các cỡ 10mm/15mm/20mm, dài 20cm. Áp suất tối đa của bóng chịu được là ≥ 400 psi. Thể tích tối đa khi bơm phòng: tối thiểu trong khoảng từ 1,8ml đến 5,5ml, đường kính tối đa tương ứng: tối thiểu trong khoảng từ 14,5mm đến 15,6mm, chiều dài tối đa: tương ứng tối thiểu trong khoảng từ 11,2mm đến 21,4mm. Khả năng tạo khoang trong thân đốt sống với ≥ 3 cỡ bóng tương ứng: tối thiểu trong khoảng từ 15 đến 25mm. 3. 02 Kim chọc dẫn đường vào thân đốt sống cho bóng nong tối thiểu gồm loại 11G, đường kính ngoài 3,5mm,	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								chiều dài 15cm. 4. 02 Mũi khoan tự taro đường kính 3,0mm, chiều dài 20cm, trên thân kim có vạch đo khoảng cách, mỗi vạch cách nhau 2mm. 5. 06 Kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống đường kính 2,9mm, chiều dài 20cm, dung tích 1,5ml. 6. 02 Đồng hồ đo áp lực cho bóng nong thể tích bơm 20ml dạng kỹ thuật số. 7. 01 Xi măng sinh học có độ nhớt trung bình: - Chứa khoảng 30% Bariumsulfat, khối lượng xi măng 20g (thành phần bao gồm Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid) kèm 10ml dung dịch pha (thành phần bao gồm: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone). - Lực nén > 82,5 MPa, Lực uốn cong < 3400 MPa, nhiệt độ đông cứng trong khoảng 66-68 độ C. - Thời gian làm việc khoảng 14-15 phút ở nhiệt độ 23 độ C.		
390	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng	Cái	110	33	7.280.000	800.800.000	240.240.000	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng, chất liệu PEEK Chiều dài gồm tối thiểu 02	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								loại 20mm và 25mm Độ ưỡn gồm tối thiểu 03 loại 0 độ, 4 độ và 8 độ Chiều cao gồm các cỡ trong khoảng từ $\leq 7\text{mm}$ - $\geq 14\text{mm}$ với độ ưỡn 0 độ Tiêu chuẩn: FDA		
391	Vít đa trục cột sống lưng	Cái	385	115	4.500.000	1.732.500.000	517.500.000	- Vít đa trục cột sống lưng chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính gồm các cỡ từ 5mm đến 8,5mm. - Chiều dài các cỡ từ 25mm đến 55mm (bước tăng 5mm). - Góc xoay mỗi bên của thân vít so với trục khoảng 28,5 độ $\pm 1\%$. - Chiều cao mũ vít khoảng 16,5mm $\pm 1\%$, đường kính 14mm. - Mũi vít có tối thiểu 02 rãnh tự taro. - Vít tương thích với hệ nẹp dọc 6,0mm. - Tiêu chuẩn: FDA.	24 tháng	G7
392	Vít ốc khóa trong	Cái	385	115	700.000	269.500.000	80.500.000	- Vít ốc khóa trong chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính $\geq 9,5\text{mm}$, chiều cao $\geq 4,5\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA.	24 tháng	G7
393	Nẹp dọc	Cái	165	49	1.590.000	262.350.000	77.910.000	- Nẹp dọc cột sống chất liệu hợp kim titanium. - Đường kính $\geq 6,0\text{mm}$. - Chiều dài $\geq 400\text{mm}$. - Tiêu chuẩn: FDA.	24 tháng	G7
394	Nẹp nối ngang	Cái	22	6	7.800.000	171.600.000	46.800.000	- Nẹp nối ngang các cỡ, chất liệu hợp kim titanium. - Chiều dài trong khoảng từ $\leq$	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								40mm đến ≥90mm. - Tiêu chuẩn: FDA.		
395	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng dạng sợi 1cc	Xylanh	66	19	5.900.000	389.400.000	112.100.000	Xương đồng loại khử khoáng dạng sợi - Chứa chất mang Poloxamer có khả năng bám dính và dễ tạo hình - Có khả năng dẫn xương và kích thích tạo xương. - Dung tích: 1cc, dạng gel trong xylanh - Đóng gói vô khuẩn sẵn.	24 tháng	Không yêu cầu
396	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng và làm giàu BMP 5cc	Xylanh	176	52	21.000.000	3.696.000.000	1.092.000.000	Thành phần 100% từ xương đồng loại, được khử khoáng và làm giàu yếu tố tăng trưởng BMP. Sản phẩm chứa hơn 20 loại BMP khác nhau đã được kiểm định và nhận dạng trong sản phẩm. Dạng mềm (putty) dung tích 5cc đóng trong xy lanh vô trùng. Tiêu chuẩn: CE hoặc FDA hoặc tương đương	24 tháng	G7
397	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng xốp 15cc	Gói	176	52	10.900.000	1.918.400.000	566.800.000	Thành phần từ xương xốp xương đồng loại, dạng hạt nhỏ kích thước từ 1 mm đến 10 mm, gói 15cc.	24 tháng	G7
398	Sản phẩm sinh học thay thế xương khử khoáng dạng sợi 5cc	Gói	22	6	10.800.000	237.600.000	64.800.000	Xương đồng loại khử khoáng dạng sợi - Thành phần: 100% xương đồng loại, không chứa chất mang hoặc chất độn tổng hợp. - Có khả năng dẫn xương và cảm ứng tạo xương. - Có khả năng tái ngậm nhanh (Rehydrates).	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Dung tích: 5cc - Sản phẩm được vô khuẩn sẵn, đóng gói dùng một lần.		
399	Sản phẩm sinh học thay thế xương dạng xốp 7,5cc	Gói	22	6	7.200.000	158.400.000	43.200.000	Thành phần từ xương xốp xương đồng loại, dạng hạt nhỏ kích thước từ 4 mm đến 10 mm, gói 7.5cc.	24 tháng	G7
400	Miếng cầm máu phủ kháng sinh các cỡ	Miếng	220	66	5.600.000	1.232.000.000	369.600.000	- Xốp cầm máu phủ kháng sinh, vật liệu collagen, tự tiêu trong vòng 1-8 tuần, có khả năng tự bảo vệ chống nhiễm khuẩn và được sử dụng cầm máu tại vết thương/vết mổ bị nhiễm khuẩn, trong phẫu thuật nhiễm trùng và các phẫu thuật có nguy cơ nhiễm khuẩn cao. - Chứa (2,8mg collagen và 2mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước: 10cmx10cm và 5cmx20cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong vỉ PET-G có nắp Tyvek.	24 tháng	G7
401	Miếng vá sinh học phủ kháng sinh 2,5cmx5cm	Miếng	110	33	3.800.000	418.000.000	125.400.000	- Miếng vá sinh học phủ kháng sinh, vật liệu collagen, tự tiêu trong vòng 1 tháng. - Chứa (5,6mg collagen và 4mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước 2,5cmx5cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong túi PET.	24 tháng	G7
402	Miếng vá sinh học	Miếng	44	13	9.800.000	431.200.000	127.400.000	- Miếng vá sinh học phủ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	phủ kháng sinh 10cmx10cm							kháng sinh, vật liệu collagen, tự tiêu trong vòng 1 tháng. - Chứa (5,6mg collagen và 4mg gentamicin sulfat) $\pm 1\%/cm^2$ sản phẩm. - Kích thước 10cmx10cm. Có thể định hình theo nhu cầu sử dụng. - Đóng gói tiệt trùng trong túi PET.		
403	Đầu đốt sóng cao tần tạo hình nhân nhầy đĩa đệm và bệnh lý cơ, xương khớp cột sống	Cái	220	66	15.000.000	3.300.000.000	990.000.000	Bộ vật tư dùng trong điều trị đau thần kinh sử dụng sóng cao tần, bao gồm: - 01 Đầu đốt điện cực dùng một lần: + Có thể sử dụng với các chế độ RF đơn cực, lưỡng cực hoặc xung + Chiều dài có các cỡ: 5/10/15/20cm + Tiệt trùng sẵn - 01 Ống nong: + Chiều dài có các cỡ: 5/10/15/20cm + Chiều dài đầu ống có các cỡ: 2/4/5/10/15/20cm + Đường kính ống có các cỡ: 18/20/21/22G + Có tối thiểu 05 loại đầu dẫn hướng, trong đó có loại mở rộng gấp đôi diện tích đốt + Có mã hóa kích thước bằng màu sắc - Phù hợp trong điều trị đau thần kinh tại các vị trí: Khớp gối, Khớp háng, Khớp cùi chỏ, Khớp cổ tay, Khớp cổ chân, Mắt khớp, Trong đĩa	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								đệm, Nội sọ, Bàn chân và mắt cá chân - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE		
404	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động	Bộ	44	13	71.800.000	3.159.200.000	933.400.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: - Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42mm đến 66mm, bước tăng 2mm. - Có 2 lỗ bắt vít kèm 2 vít chốt dạng đóng, bề mặt phủ HA. - Mặt ổ cối có móc tăng cường, có thể bắt thêm vít giúp gia cố độ vững của ổ cối. 2. 01 Lót ổ cối 2 trục linh động: - Vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene. - Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối đường kính từ 42mm đến 66mm, đường kính trong 22mm và 28mm. 3. 01 Chòm khớp: - Chất liệu CoCrMo hoặc CoCr. - Đường kính gồm các loại 22mm và 28mm. Cổ côn: 12/14. 4. 01 Chuôi khớp háng không xi măng:	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Phủ HAP toàn bộ. - Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ 115mm đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, chiều dài Offset từ 38mm đến 45mm, độ cao cổ 35mm $\pm 2\%$, chiều dài cổ 38mm $\pm 2\%$. - Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vịn giúp tháo lắp dễ dàng. 5. 01 Vít ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, đường kính từ 4mm đến 5mm, độ dài từ 15mm đến 50mm.		
405	Bộ khớp háng toàn phần thay lại không xi măng 2 trục linh động	Bộ	11	3	87.500.000	962.500.000	262.500.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết từng bộ phận cấu thành lên bộ: 1. 01 Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: - Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42mm đến 66mm, bước tăng 2mm. - Mặt ổ cối có 3 móc tăng cường gia cố trong đó 1 móc gấp không có lỗ và 2 móc có 4 lỗ có thể bắt thêm vít gia cố giúp ổ cối vững chắc. 2. 01 Lót ổ cối 2 trục linh động:	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene. - Đường kính ngoài phù hợp với ổ cối đường kính từ 42mm đến 66mm, đường kính trong 22mm và 28mm. 3. 01 Chòm khớp: - Chất liệu CoCrMo hoặc CoCr. - Đường kính gồm các loại 22mm và 28mm. Cổ côn: 12/14. 4. 01 Chuôi khớp háng không xi măng: - Phủ HAP toàn bộ. - Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuôi từ 115mm đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, chiều dài Offset từ 38mm đến 45mm, độ cao cổ 35mm $\pm$2%, chiều dài cổ 38mm $\pm$2%. - Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng. 5. 04 Vít ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, đường kính từ 4mm đến 5mm, độ dài từ 15mm đến 50mm.		
406	Dầu bảo dưỡng dùng cho Hệ thống	Bình	53	15	3.350.000	177.550.000	50.250.000	- Dầu bảo dưỡng dùng cho đầu chụp mũi khoan của Hệ	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
	máy khoan sọ não VELOCITY ALPHA™							thống máy khoan VELOCITY ALPHA™ đang sử dụng tại Bệnh viện - Dung tích bình dầu: 500 ml/bình. - Sử dụng với đầu nối adapter chuyên dụng để bảo dưỡng các đầu chụp khoan.		
407	Khớp háng bán phần thay lại không xi măng chuôi cong	Bộ	22	6	63.800.000	1.403.600.000	382.800.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: - Vật liệu hợp kim Titanium. - Phần cổ rời quay được 360° có 3 cỡ (S, M, L), dài từ 50mm đến 70mm. - Kích cỡ chuôi: Có tối thiểu 10 cỡ, từ ø13mm đến ø22mm. - Chiều dài chuôi: 200 mm (tổng dài chuôi có thể đạt đến 300mm) và cong ở đầu xa. - Góc cổ chuôi (Neck Angle): 127°, 130°; bề mặt vi cấu trúc được phun corundum (độ nhám 4-6µm). - Thiết kế thân có các rãnh dọc chống xoay. 2. Chôm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu ø28mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Chôm bán phần: - Vật liệu kim loại. - Có tối thiểu 22 cỡ, từ 39mm đến 60mm, bước tăng 1mm - Lót đầu chòm PE vật liệu	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								UHMWPE có vòng khóa tháo rời, có 4 cỡ tương ứng. - Có thể sử dụng chỏm 28mm cho mọi kích cỡ đầu chỏm. Mã màu của nhãn cho phép xác định sự kết hợp vỏ/lớp lót phù hợp.		
408	Khớp háng toàn phần không xi măng di động kép Vitamin E	Bộ	22	6	84.250.000	1.853.500.000	505.500.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ nhám đầu gần, bề mặt được hoàn thiện với 500 µm Titanium tinh khiết bằng công nghệ phun plasma. Kích cỡ chuôi: có 10 cỡ, bước tăng 1,25mm với cỡ từ 6,25mm đến 15mm, bước tăng 2,5mm với cỡ từ 15mm đến 20mm. Chiều dài chuôi từ 137 mm đến 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm. Góc cổ chuôi 135°. 2. Chỏm khớp: vật liệu CrCo đường kính đầu: ø22 mm (-2,0; 0; +2,0), ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0), ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0). 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium, phủ 500µm Titanium tinh khiết với công nghệ phun plasma, lớp phủ ULTRAFIT® dày lên 1.000	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ: từ 42mm đến 70 mm với mỗi bước tăng 2mm. Mã màu trên nhãn bao bì cho phép xác định chính xác sự kết hợp ổ cối/lớp lót phù hợp. 4. Đệm ổ cối di động kép: Vật liệu hợp kim thép không gỉ với hàm lượng nitro cao. Bề mặt được hoàn thiện bằng lớp phủ TiNbN. độ dày lớp phủ, $4,5\mu\text{m} \pm 1,5\mu\text{m}$, có tác dụng ngăn ngừa giải phóng ion kim loại vào cơ thể. 5. Đầu chỏm di động kép: vật liệu UHMWPE có kết hợp Vitamin E, có 4 cỡ. 6. Vít ổ cối: Titanium dài từ 20mm đến 60mm.		
409	Dây cưa sọ não	Cái	44	13	122.850	5.405.400	1.597.050	- Chiều dài: $40\text{cm} \pm 5\%$, có 3 vòng xoắn - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C	24 tháng	Không yêu cầu
410	Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu 3ml	Hộp	22	6	8.085.000	177.870.000	48.510.000	- Thành phần: dung dịch ester polyethylene glycol (PEG) kết hợp dung dịch ϵ -polylysine và polyethyleneimine (PEI) hoặc tương đương - Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu dùng chuyên cho phẫu thuật thần kinh, tỷ lệ trương nở thấp. Tỷ lệ trương	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								nở theo một chiều < 11% . Tỷ lệ trương nở tổng thể: < 36%. - Khối lượng phân tử PEG≤ 10k - Phân hủy trong vòng 21 ngày và được chuyển hoá hoàn toàn trong vòng 42 ngày - Gel hình thành ≤6 giây. - Dung tích: 3ml		
411	Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu 6ml	Hộp	22	6	10.550.000	232.100.000	63.300.000	- Thành phần: dung dịch ester polyethylene glycol (PEG) kết hợp dung dịch ε-polylysine và polyethyleneimine (PEI) hoặc tương đương - Keo dán màng cứng sinh học tự tiêu dùng chuyên cho phẫu thuật thần kinh, tỷ lệ trương nở thấp. Tỷ lệ trương nở theo một chiều < 11% . Tỷ lệ trương nở tổng thể: < 36%. - Khối lượng phân tử PEG≤ 10k - Phân hủy trong vòng 21 ngày và được chuyển hoá hoàn toàn trong vòng 42 ngày - Gel hình thành ≤6 giây. - Dung tích: 6ml	24 tháng	Không yêu cầu
412	Kẹp cầm máu da đầu	Cái	660	198	47.000	31.020.000	9.306.000	- Kẹp nhựa hình oval, dùng một lần, bao bì vô trùng - Chiều dài: 15- 17 mm, đường kính ngoài 9,5mm , đường kính trong 7,5mm	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Độ mở tối đa: $\geq 9\text{mm}$ Yêu cầu chào chỉ tiết đơn giá cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. 02 Kim chọc dò cuống sống đầu vát, cỡ 11G, dài 100mm/ 125mm/ 150mm 2. 01 Kim đẩy và nhồi xi măng, gồm vỏ và nòng, chiều dài $\geq 300\text{mm}$, dung tích $\geq 2,5\text{ml}$. - Phần vỏ: đầu kim dạng cong, có khóa kết nối Luer Lock - Phần nòng: dạng thẳng, có vạch chia khoảng cách. 3. 01 Bộ trộn xi măng bao gồm: 01 bộ trộn dạng tay quay, 01 phễu rót. Dung tích $\geq 40\text{cc}/40\text{ g}$ xi măng 4. 01 gói Xi măng độ nhớt thấp, thành phần tối thiểu bao gồm: - Bột xi măng $\geq 26\text{g}$ - Dung dịch pha xi măng $\geq 10\text{ml}$ - Thời gian trộn 30 giây, thời gian chờ 90 giây, thời gian làm việc ≥ 21 phút ở 19 độ C		
413	Bộ bơm xi măng không bóng sử dụng kim nhồi cong, thời gian làm việc dài	Bộ	66	19	18.000.000	1.188.000.000	342.000.000		24 tháng	G7
414	Vít neo khâu sụn chêm	Cái	390	117	8.000.000	3.120.000.000	936.000.000	- Vít neo khâu sụn chêm bao gồm hai neo PEEK đường kính 0,9 mm, được nối sẵn bằng chỉ UHMWPE size #2-0 với nút thắt tự trượt. - Nút điều chỉnh độ sâu của vít neo từ 10-20mm. Gồm các loại hình dạng thẳng,	24 tháng	Không yêu cầu

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								cong 15° và cong ngược 15°. - Sử dụng trong kỹ thuật mổ khâu sụn chêm All-inside. - Đạt tiêu chuẩn FDA.		
415	Vít đa trục các cỡ kèm vít khóa trong.	Cái	1.001	300	5.180.000	5.185.180.000	1.554.000.000	- Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Mũ vít: đường kính 14mm, chiều cao 15mm, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. - Kích thước vít: có tối thiểu 10 đường kính từ 3,5-8,0mm và chiều dài từ 25-95mm (bước tăng 5mm). Dài kích thước lớn cho lựa chọn từ cột sống cổ đến thắt lưng cùng chậu. - Đầu vít dạng tự Taro và tự khoan. - Vít khóa trong: đường kính: 10mm; chiều cao: 4mm; gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA	24 tháng	G7
416	Vít rồng nòng bơm xi măng, kèm vít khóa trong	Cái	198	59	7.000.000	1.386.000.000	413.000.000	- Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương) - Mũ vít: có đường kính 14mm, chiều cao 15mm, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. - Kích thước vít: có tối thiểu 8 đường kính từ 4,5-8,0mm, chiều dài từ 30-55mm (bước tăng 5mm)	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								- Đầu vít dạng tự Taro và tự khoan. - Thân vít rỗng nòng có ≥ 3 lỗ cho xi măng đi qua. - Vít khóa trong: gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo - Tiêu chuẩn chất lượng FDA		
417	Nẹp dọc cố định cột sống	Cái	253	75	1.500.000	379.500.000	112.500.000	- Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Chiều dài: $\leq 40\text{mm}$ - $\geq 600\text{mm}$. - 1 đầu được thiết kế hình lục giác. - Thân thanh phù hợp để uốn cong. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA	24 tháng	G7
418	Nẹp nối ngang	Cái	7	2	8.300.000	58.100.000	16.600.000	- Chất liệu hợp kim titan Ti6Al4V hoặc tương đương - Hai đầu dạng móc bo tròn cố định với nẹp dọc bằng vít M6, ở giữa có khớp nối xoay đa hướng và cố định bằng vít M5. - Chiều dài từ 35-65mm (tối thiểu 4 cỡ 35mm, 45mm, 55mm, 65mm - Sử dụng tương thích với nẹp dọc 5,5mm.	24 tháng	G7
419	Vít đa trục rỗng nòng dùng trong phẫu thuật qua da	Cái	198	59	8.000.000	1.584.000.000	472.000.000	- Vít được làm từ vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương) - Mũi vít: có đường kính	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								12mm ± 0,2mm chiều cao 15mm ± 2mm, tương thích với 2 đường kính nẹp dọc 5,5 & 6,0mm. - Kích thước vít: có tối thiểu 6 đường kính từ 5,5-8,0mm, chiều dài từ 30-55mm (bước tăng 5mm) - Vít được thiết kế rỗng nòng, 2 bước gen, mũ vít nhỏ với thiết kế Tulip - Đầu vít tạo với thân vít góc nghiêng 25 độ, vít tự taro. - Vít khóa trong: Đường kính 9mm; Chiều cao 5mm; gen khóa một chiều với bước gen 1mm. - Cung cấp trợ cụ kèm theo - Tiêu chuẩn chất lượng FDA		
420	Nẹp dọc MIS qua da	Cái	99	29	3.000.000	297.000.000	87.000.000	- Vật liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ELI ISO 5832-3 hoặc tương đương). - Kích thước: Đường kính 5,5mm, chiều dài từ ≤ 40mm - ≥ 600mm. - Nẹp được thiết kế dễ dàng uốn cong. - Thiết kế có rãnh tương thích với tay cầm. - Đầu nẹp được bo tròn. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA.	24 tháng	G7
421	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng vật liệu PEEK	Cái	297	89	12.000.000	3.564.000.000	1.068.000.000	- Vật liệu PEEK (ASTM F2026) hoặc tương đương. - Kích thước: chiều dài 22mm và 24mm, chiều rộng	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								10mm, chiều cao $\leq 6\text{mm}$ - $\geq 13\text{mm}$, độ ưỡn: 0° ; 4° - Thiết kế mở của các bề mặt trên và dưới tạo khoang ghép xương lớn. Hai mặt tiếp xúc đĩa đệm được thiết kế hệ thống khóa răng ngược 45° . - Hai mặt bên có 3 lỗ. - Khả năng hiển thị trên X - quang nhờ các điểm đánh dấu bằng titan. - Thiết kế cây đặt với gen bắt vào miếng ghép. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Cung cấp trợ cụ kèm theo. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA		
422	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng	Cái	242	72	13.200.000	3.194.400.000	950.400.000	- Vật liệu PEEK (ASTM F2026) hoặc tương đương. - Kích thước: Chiều rộng: 24/28/32mm, chiều dài: 10mm, chiều cao: $\leq 7\text{mm}$ - $\geq 13\text{mm}$, độ ưỡn: 0° ; 4° - Thể tích khoang ghép xương từ 0,25cc đến 1,1cc. - Khả năng hiển thị trên X-quang nhờ các điểm đánh dấu bằng Titanium. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	24 tháng	G7
423	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng loại chống trật sau	Bộ	22	6	64.880.000	1.427.360.000	389.280.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lòai cầu xương đùi: Lòai cầu: chất liệu Cobalt - Chrome, có lòai cầu trái/ phải có xi măng, gồm tối thiểu 10 cỡ, độ nghiêng trước sau 4° độ, độ dày lòai cầu tối đa	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								8mm, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 74\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ ≤ 54 đến $\geq 79\text{mm}$ 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt - Chrome, Có tối thiểu 9 cỡ. Độ nghiêng sau 5 độ, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 58\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ $\leq 56,5\text{mm}$ đến $\geq 85\text{mm}$ 3. Đệm mâm chày: Chất liệu: polyethylene bar (UHMWPE), có gờ chống trật sau. Độ dày lớp đệm từ ≤ 7 đến $\geq 19\text{mm}$, bước tăng 2mm. 4. Xi măng: Xi măng độ nhót cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút, thời gian làm việc ≥ 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cân quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.		
424	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng loại giữ dây chằng	Bộ	22	6	66.880.000	1.471.360.000	401.280.000	Yêu cầu chào đơn giá chi tiết cho từng bộ phận cấu thành bộ: 1. Lõi cầu xương đùi: Lõi cầu loại: chất liệu Cobalt - Chrome, có lõi cầu trái/ phải	24 tháng	G7

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền tùy chọn mua thêm (Đồng)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa
								có xi măng, gồm tối thiểu 10 cỡ, độ nghiêng trước sau 4 độ, độ dày lõi cầu tối đa 8mm, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 74\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ ≤ 54 đến $\geq 79\text{mm}$ 2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt - Chrome, Có tối thiểu 9 cỡ. Độ nghiêng sau 5 độ, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 58\text{mm}$, độ rộng trong ngoài từ $\leq 56,5\text{mm}$ đến $\geq 85\text{mm}$. 3. Đệm mâm chày: Chất liệu: polyethylene bar (UHMWPE) Độ dày lớp đệm từ ≤ 7 đến $\geq 15\text{mm}$, bước tăng 2mm 4. Xi măng: Xi măng độ nhót cao, thời gian trộn ≤ 30 giây, thời gian đợi ≤ 2 phút, thời gian làm việc ≥ 6 phút, thời gian đông cứng ≤ 4 phút ở nhiệt độ phòng 21 độ C Thành phần bao gồm: + 01 gói bột xi măng 40g có thành phần cân quang và kết dính, có kháng sinh. + 01 lọ dung dịch pha xi măng 20ml.		
Tổng cộng						659.406.655.400	191.720.072.850			

anhttm.bvbd_TranThiMaiAnh_14:13 19/08/2026

anhttm.bvbd_TranThiMaiAnh_14:13 19/08/2026